

ĐỀ CƯƠNG THPT QUỐC GIA

MÔN: lịch sử 12

TRƯỜNG THPT THÁI PHIÊN.

**BÀI 1: SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ
GIỚI THỨ HAI(1945-1949)**

Câu 1.(1) Tham dự Hội nghị Ianta (02-1945) gồm các nguyên thủ đại diện cho các cường quốc

A. Anh, Pháp, Mĩ.

B. Liên Xô, Anh, Mĩ.

C. Trung Quốc, Mĩ, Anh.

D. Liên Xô, Mĩ, Trung Quốc.

Câu 2.(2) Hội nghị Ianta (02-1945) đã đề ra những quyết định quan trọng, **ngoại trừ** việc

A. tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.

B. thành lập tổ chức Liên hợp quốc.

C. thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít.

D. thiết lập trật tự thế giới hai cực Ianta do Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi cực.

Câu 3.(1) Theo quyết định của Hội nghị Ianta (02-1945), các cường quốc phân chia phạm vi ảnh hưởng ở

A. châu Á, châu Phi.

B. châu Phi, châu Mĩ.

C. châu Á, châu Âu.

D. châu Âu, châu Phi.

Câu 4.(2) Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai được dựa trên

A. quyết định của Hội nghị Ianta cùng những thỏa thuận của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh.

B. quyết định của Hội nghị Xan Phranxixcô cùng những thỏa thuận của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh.

C. quyết định của Hội nghị Pôttxdam cùng những thỏa thuận của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh.

D. quyết định của Hội nghị Giơnevơ cùng những thỏa thuận của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh.

Câu 5.(2) Theo quyết định của Hội nghị Ianta (02-1945), việc chiếm đóng các vùng lãnh thổ ở phía Đông nước Đức, các nước Đông Âu và phía Bắc Triều Tiên được giao cho quân đội

A. Mĩ.

B. Liên Xô.

C. Anh.

D. Pháp.

Câu 6.(2) Theo quyết định của Hội nghị Ianta (02-1945), việc chiếm đóng các vùng lãnh thổ ở phía Tây nước Đức, các nước Tây Âu và phía Nam Triều Tiên được giao cho quân đội các nước

A. Mĩ, Anh, Pháp.

B. Liên Xô, Trung Quốc.

C. Liên Xô, Mĩ, Anh.

D. Trung Hoa Dân quốc, Anh.

Câu 7.(2) Theo quyết định của Hội nghị Ianta (02-1945), vĩ tuyến 38 sẽ lấy làm ranh giới chia cắt

- A. hai vùng Đông Đức và Tây Đức. B. hai miền Nam - Bắc Việt Nam.
C. hai miền Triều Tiên. D. Trung Quốc lục địa và đại lục.

Câu 8.(3) Theo quyết định của Hội nghị Ianta (02-1945), nước Đức sau chiến tranh sẽ phát triển theo hướng

- A. tồn tại hai nhà nước với hai chế độ chính trị.
B. một quốc gia thống nhất, hòa bình, dân chủ và tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.
C. một quốc gia độc lập, thống nhất, dân chủ và trung lập.
D. một quốc gia, hai chế độ chính trị.

Câu 9.(1) Nguyên thủ đại diện cho ba cường quốc tham dự Hội nghị Ianta (02-1945) là

- A. Rudoven, Xtalin, Sôcsin.** B. Xtalin, Clemăngxô, Rudoven.
C. Sôcsin, Xtalin, Aixenhao. D. Xtalin, Giônxon, Sôcsin.

Câu 10.(3) Quyết định nào của Hội nghị Pôttxđam (8 - 1945) đã tạo nên khó khăn cho tình hình Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 như thế nào?

- A. Giao cho quân đội Anh và quân đội Trung Hoa Dân quốc giải giáp quân đội Nhật ở Đông Dương.**
B. Quân đội Mỹ vào Đông Dương giải giáp quân Nhật.
C. Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á.
D. Quân đội Anh, Mỹ, Pháp chiếm đóng Đông Dương.

Câu 11.(2) Theo quyết định của Hội nghị Ianta (02-1945), các vùng còn lại của châu Á (Đông Nam Á, Nam Á, Tây Á) vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của

- A. các nước Anh, Đức. B. các nước Liên Xô, Mỹ.
C. các nước Nhật Bản, Trung Quốc. **D. các nước phương Tây.**

Câu 12.(2) Theo thỏa thuận tại Hội nghị Pôttxđam (8 - 1945), quân đội Trung Hoa Dân quốc vào Việt Nam giải giáp quân đội Nhật từ

- A. vĩ tuyến 17 trở vào Nam. B. vĩ tuyến 17 trở ra Bắc.
B. vĩ tuyến 16 trở vào Nam. **D. vĩ tuyến 16 trở ra Bắc.**

Câu 13.(3) Đặc điểm nổi bật của trật tự thế giới mới được hình thành trong những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. được thiết lập trên cơ sở các nước thắng trận áp đặt quyền thống trị đối với các nước bại trận.
B. hình thành một trật tự thế giới do Mỹ lãnh đạo.
C. thế giới hình thành “hai cực” xã hội chủ nghĩa - tư bản chủ nghĩa do Liên Xô và Mỹ đứng đầu mỗi phe.
D. trật tự thế giới được thiết lập trên cơ sở các nước thắng trận cùng hợp tác để lãnh đạo thế giới.

Câu 14.(3) Cơ quan nào của Liên hợp quốc gồm đại diện các nước thành viên có quyền bình đẳng với nhau về lá phiếu?

- A. Đại Hội đồng.
- B. Hội đồng Bảo an.
- C. Tòa án Quốc tế.
- D. Ban Thư kí.

Câu 15.(1) Năm nước lớn đóng vai trò là Ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hiện nay là

- A. Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc.
- B. Liên bang Nga, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc.
- C. Nhật Bản, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc.
- D. Đức, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc.

Câu 16.(2) Duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc, tiến hành hợp tác quốc tế là mục đích chính của tổ chức

- A. Liên minh châu Âu.
- B. Liên hợp quốc.
- C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- D. Thương mại Thế giới.

Câu 17.(3) Liên hợp quốc lấy ngày 24 - 10 hằng năm làm “*Ngày Liên hợp quốc*” vì đó là ngày

- A. Hội nghị Ianta quyết định thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
- B. thông qua bản Hiến chương và tuyên bố thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
- C. bản Hiến chương Liên hợp quốc chính thức có hiệu lực.
- D. ra Tuyên ngôn Liên hợp quốc.

Câu 18.(2) Hãy sắp xếp sự kiện dưới đây theo đúng trình tự thời gian

- 1. Việt Nam là thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.
 - 2. Bản Hiến chương Liên hợp quốc chính thức có hiệu lực.
 - 3. Việt Nam được bầu làm ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
- A. 1, 2, 3.
 - B. 3, 2, 1.
 - C. 2, 1, 3.
 - D. 3, 1, 2.

Câu 19.(3) Sự kiện nào đánh dấu chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới?

- A. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (1945).
- B. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời (1949).
- C. Thắng lợi của cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu (1945 - 1950)
- D. Thắng lợi của cuộc cách mạng Cuba, nước Cộng hòa Cuba ra đời (1959).

Câu 20.(3) Năm 1949, đánh dấu sự kiện quan trọng nào trong tiến trình lịch sử thế giới?

- A. Sự khởi đầu Chiến tranh lạnh, dẫn đến sự căng thẳng trong quan hệ quốc tế.
- B. Sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới.
- C. Chủ nghĩa xã hội mở rộng, kéo dài từ châu Âu sang châu Á.
- D. Cục diện hai cực hai phe được xác lập, Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới.

Câu 21.(3) Về nguyên tắc, mọi quyết định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc chỉ được thông qua khi có

- A. quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bảo an.
- B. quyết định của Tổng thư kí Liên hợp quốc.
- C. sự nhất trí của 5 nước ủy viên thường trực.**
- D. sự đồng ý của 2/3 thành viên Đại hội đồng.

**BÀI 2: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945-1991). LIÊN BANG
NGA(1991-2000)**

Câu 1.(2) Cho các sự kiện:

- 1. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên.
- 2. Phóng tàu vũ trụ Phương Đông đưa nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng quanh Trái Đất.
- 3. Chế tạo thành công bom nguyên tử.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo trình tự thời gian về những thành tựu của Liên Xô.

- A. 1, 2, 3.
- B. 3, 2, 1.
- C. 3, 1, 2.**
- D. 2, 1, 3.

Câu 2.(2) Nội dung nào **không** phải là đường lối xuyên suốt trong chính sách đối ngoại của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Thực hiện chính sách bảo vệ hòa bình thế giới.
- B. Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- C. Triển khai chiến lược toàn cầu để lãnh đạo thế giới.**
- D. Giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 3.(2) I.Gagarin (Liên Xô) là người đầu tiên trên thế giới thực hiện thành công

- A. hành trình khám phá Sao Hỏa.
- B. kế hoạch thám hiểm Sao Mộc.
- C. hành trình chinh phục Mặt Trăng.
- D. chuyến bay vòng quanh Trái Đất.**

Câu 4.(2) Một trong những nguyên nhân dẫn đến việc Liên Xô và Mĩ cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh (tháng 12 - 1989) là

- A. nền kinh tế hai nước lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng.
- B. sự suy giảm thế mạnh của cả hai nước trên nhiều mặt.**
- C. phạm vi ảnh hưởng của Mĩ và Liên Xô bị thu hẹp.
- D. trật tự hai cực Ianta bị xói mòn và sụp đổ hoàn toàn.

Câu 5.(2) Một trong những mục tiêu của Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV) khi thành lập là

- A. tăng cường hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa.**
- B. tăng cường hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.
- C. chống lại sự bao vây, cấm vận của Mĩ và các nước phương Tây.
- D. chống lại “Kế hoạch Mácsan” của Mĩ.

Câu 6.(2) Mục tiêu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vácsava là

- A. ủng hộ Liên Xô chống lại sự bành trướng của Mĩ và các nước phương Tây.

B. tạo liên minh chính trị - quân sự mang tính phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu.

C. chống lại tham vọng muốn thiết lập trật tự “đơn cực” của Mỹ.

D. nhằm hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa Liên Xô và các nước.

Câu 7.(1) Quốc gia đầu tiên phóng thành công tàu vũ trụ có người lái bay vòng quanh Trái Đất là

A. Liên Xô.

B. Mỹ.

C. Trung Quốc.

D. Nhật Bản.

Câu 8.(3) Trong những năm chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu lâm vào khủng hoảng, Đảng và Nhà nước Việt Nam cho rằng

A. chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không chịu tác động từ cuộc khủng hoảng này.

B. hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới bị tác động lớn, nên đã kịp thời điều chỉnh đổi mới đất nước.

C. mô hình chủ nghĩa xã hội không phù hợp ở châu Âu dẫn đến dễ khủng hoảng.

D. chủ nghĩa xã hội Việt Nam không chịu tác động, nhưng cần tổng kết và rút kinh nghiệm.

Câu 9.(2) Nguyên nhân khách quan dẫn đến chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là do

A. sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

B. các nhà lãnh đạo Liên Xô và Đông Âu chậm sửa chữa sai lầm.

C. xây dựng mô hình xã hội chủ nghĩa không phù hợp.

D. không bắt kịp sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học - kỹ thuật.

Câu 10.(2) Năm 1949, Liên Xô đạt được thành tựu khoa học - kỹ thuật nào dưới đây?

A. Phóng tàu vũ trụ Phương Đông.

B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

C. Chế tạo thành công bom nguyên tử.

D. Đưa con người thám hiểm Mặt Trăng.

Câu 11.(3) Bức tranh chung của tình hình nước Nga từ năm 1991 đến năm 1995 là

A. chính trị - xã hội không ổn định, kinh tế tăng trưởng âm, vị thế quốc tế suy yếu.

B. chính trị - xã hội ổn định, kinh tế phát triển, có vị thế trên trường quốc tế.

C. kinh tế phát triển mạnh, chính trị - xã hội không ổn định.

D. kinh tế phát triển, chính trị - xã hội vẫn chưa ổn định,

Câu 12.(2) Từ năm 1996 đến năm 2000, kinh tế Liên bang Nga

A. kém phát triển và suy thoái.

B. phát triển với tốc độ cao.

C. lâm vào trì trệ và khủng hoảng.

D. có sự phục hồi và phát triển.

Câu 13.(3) Đặc điểm nổi bật của quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX là gì?

A. Hai siêu cường Xô - Mỹ đối thoại, hợp tác.

B. Hai siêu cường Xô - Mỹ đối đầu gay gắt.

C. Hòa bình hợp tác trở thành xu thế chủ đạo.

D. Thế giới chuyển từ đối đầu sang đối thoại.

Câu 14.(3) Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, quan hệ giữa Mỹ và Liên Xô là

A. đối đầu.

B. hợp tác.

C. đối tác.

D. đồng minh.

Câu 15.(2) Hai nhà lãnh đạo Xô - Mỹ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh là:

A. Goócbachốp, B.Clinton.

B. Goócbachốp, Rigan.

C. Goócbachốp, Busơ (cha).

D. Goócbachốp, Busơ (con).

Câu 16.(3) Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, sự kiện nào dưới đây góp phần làm giảm rõ rệt tình hình căng thẳng ở châu Âu?

A. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.

B. Sự thành lập Cộng đồng châu Âu (EC).

C. Sự giải thể của Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV).

D. Sự tan rã của Tổ chức Hiệp ước Vácsava.

Câu 17.(2) Quốc gia đi tiên phong trong lĩnh vực công nghiệp vũ trụ và điện hạt nhân là

A. Mỹ.

B. Liên Xô.

C. Nga.

D. Nhật Bản.

BÀI 3: CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á(1945-2000)

Câu 1.(3) Bán đảo Triều Tiên bị chia cắt làm hai miền theo vĩ tuyến 38 cho đến nay có nguồn gốc sâu xa từ

A. quyết định của Hội nghị Ianta (02-1945).

B. tác động của cuộc Chiến tranh lạnh.

C. việc kí Hiệp định giữa hai miền tại Bàn Môn Điểm (1953).

D. thỏa thuận giữa hai cường quốc Xô - Mỹ.

Câu 2.(2) Bốn “con rồng” kinh tế của châu Á gồm

A. Hàn Quốc, Hồng Công, Đài Loan, MaCao.

B. Hàn Quốc, Hồng Công, Xingapo, Thái Lan.

C. Hàn Quốc, Hồng Công, Đài Loan, Xingapo.

D. Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Công, Xingapo.

Câu 3.(3) Sau khi chiến tranh chống Nhật kết thúc, từ năm 1946 đến năm 1949 ở Trung Quốc đã diễn ra sự kiện nào?

A. Cuộc nội chiến Quốc - Cộng.

B. Thực hiện đường lối “Ba ngọn cờ hồng”.

C. “Đại Cách mạng văn hóa vô sản”.

D. Đề ra đường lối mới.

Câu 4.(3) Cuộc nội chiến cách mạng ở Trung Quốc (1946-1949) được coi là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ vì đã đánh đổ

A. tập đoàn Tưởng Giới Thạch, đại diện cho thế lực phong kiến Trung Quốc.

- B. tập đoàn tư sản mại bản và phong kiến có Mỹ giúp sức.
- C. tập đoàn phong kiến Tưởng Giới Thạch được Mỹ giúp sức.
- D. đánh bại can thiệp của Mỹ ở Trung Quốc.

Câu 5.(2) Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập (1949) là kết quả thắng lợi của cách mạng Trung Quốc trong

- A. cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật.
- B. cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến.
- C. cuộc nội chiến Quốc - Cộng.
- D. cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân phương Tây.

Câu 6.(2) Ý nào dưới đây **không** phải là kết quả của cuộc nội chiến Quốc - Cộng (1946-1949)?

- A. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập.
- B. Chính quyền Quốc dân đảng sụp đổ.
- C. Trung Quốc lục địa được giải phóng.
- D. Quốc - Cộng thỏa thuận việc thành lập hai nhà nước ở lục địa và Đài Loan.

Câu 7.(2) Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Trung Quốc?

- A. Chấm dứt 100 năm nô dịch của đế quốc.
- B. Ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- C. Lật đổ triều đại phong kiến Mãn Thanh.
- D. Đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 8.(3) Hoạt động ngoại giao nào của Trung Quốc năm 1972 đã gây bất lợi cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam?

- A. Gây xung đột biên giới với Liên Xô.
- B. Xảy ra xung đột biên giới với Ấn Độ.
- C. Mở đầu quan hệ hòa dịu giữa Trung Quốc và Mỹ.
- D. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với phương Tây.

Câu 9.(2) Mục tiêu đường lối cải cách mở cửa của Trung Quốc từ năm 1978 là

- A. biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.
- B. biến Trung Quốc thành quốc gia có tiềm lực quân sự hàng đầu thế giới.
- C. biến Trung Quốc thành cường quốc kinh tế và quân sự.
- D. biến Trung Quốc thành “con rồng” kinh tế tại châu Á.

Câu 10.(2) Điểm giống nhau trong công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc với công cuộc cải tổ ở Liên Xô và đổi mới đất nước ở Việt Nam là

- A. tiến hành cải tổ chính trị, chủ trương đa nguyên đa đảng.
- B. lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm, mở rộng hội nghị quốc tế.
- C. tiến hành khi đất nước lâm vào tình trạng không ổn định, khủng hoảng kéo dài.
- D. Đảng Cộng sản lãnh đạo, kiên trì theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Câu 11.(3) Nội dung nào trong công cuộc đổi mới đất nước ở Việt Nam có điểm tương đồng so với cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc?

- A. **Xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.**
- B. Coi đổi mới chính trị là trọng tâm.
- C. Mở rộng quan hệ hợp tác với các nước tư bản phương Tây.
- D. Kiên trì con đường độc lập, tự chủ, phát triển hòa bình.

Câu 12.(3) Sự kiện nào ở khu vực Đông Bắc Á có tác động tích cực đến cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam từ năm 1949 đến năm 1954?

- A. **Nội chiến Quốc - Cộng kết thúc, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời.**
- B. Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên ra đời.
- C. Hàn Quốc, Đài Loan trở thành “con rồng” kinh tế của châu Á.
- D. Nhật Bản bước vào giai đoạn kinh tế phát triển “thần kì”.

BÀI 4: CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ÁN ĐỘ(1945-2000)

Câu 1.(2) Sau năm 1945, nhiều nước Đông Nam Á vẫn tiếp tục cuộc đấu tranh để giành và bảo vệ độc lập do

- A. thực dân Pháp và Mĩ xâm lược trở lại.
- B. Mĩ ủng hộ thực dân phương Tây xâm lược trở lại.
- C. **thực dân Âu - Mĩ quay trở lại tái chiếm Đông Nam Á.**
- D. thực dân Mĩ và Hà Lan xâm lược trở lại.

Câu 2.(3) Biến đổi lớn nhất ở khu vực Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. nhiều nước có tăng trưởng kinh tế cao, trở thành nước công nghiệp.
- B. thành lập ra Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- C. **từ thân phận là nước thuộc địa, các nước đã trở thành các quốc gia độc lập, tự chủ.**
- D. Việt Nam góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân kiểu cũ và kiểu mới.

Câu 3.(2) Nhóm 5 nước ASEAN thực hiện chiến lược phát triển kinh tế hướng nội với mục tiêu

- A. đẩy mạnh công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.
- B. **nhANH chóng xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ.**
- C. phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa.
- D. lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.

Câu 4.(2) Quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương lần đầu tiên được một hội nghị quốc tế ghi nhận tại

- A. Hội nghị Pari (1973).
- B. Hội nghị Pari (1991).
- C. **Hội nghị Gionevo (1954).**
- D. Hội nghị Pốttxđam (1945).

Câu 5.(2) Quyền dân tộc cơ bản của mỗi quốc gia là

- A. tự do, bình đẳng, bác ái.
- B. dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc.
- C. **độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.**

D. độc lập, tự do, hạnh phúc.

Câu 6.(3) Tháng 8-1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập là biểu hiện rõ nét của xu thế nào?

A. Toàn cầu hóa.

B. Liên kết khu vực.

C. Hòa hoãn Đông Tây.

D. Đa cực, nhiều trung tâm.

Câu 7.(3) Việc mở rộng thành viên của ASEAN diễn ra lâu dài và đầy trở ngại chủ yếu là do

A. có nhiều khác biệt về văn hóa giữa các dân tộc.

B. nguyên tắc hoạt động của ASEAN không phù hợp với một số nước.

C. tác động của cuộc Chiến tranh lạnh và cục diện hai cực, hai phe.

D. các nước thực hiện những chiến lược phát triển kinh tế khác nhau.

Câu 8.(2) Nước tiến hành cuộc “Cách mạng chất xám” vào những năm 90 của thế kỉ XX là

A. Mỹ.

B. Trung Quốc.

C. Nhật Bản.

D. Ấn Độ.

Câu 9.(2) Quốc gia nào ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập sau cuộc trưng cầu dân ý tách khỏi Indônêxia?

A. Singapo.

B. Brunây.

C. Đông Timo.

D. Mianma.

Câu 10.(2) Nội dung của Hiệp định Viêng Chăn (1973) đề cập đến vấn đề quan trọng gì?

A. Tuyên bố nền độc lập của Lào.

B. Lập lại hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào.

C. Chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Lào.

D. Tuyên bố sự ra đời của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Câu 11.(3) Điểm khác biệt giữa phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi với châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

B. đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân kiểu cũ.

C. đấu tranh dưới sự lãnh đạo của tổ chức chính trị trong khu vực.

D. mức độ giành độc lập đồng đều.

Câu 12.(2) “Hòa bình, trung lập, không tham gia bất cứ khối liên minh quân sự hoặc chính trị nào, tiếp nhận viện trợ từ mọi phía, không có điều kiện ràng buộc” là đường lối của

A. Chính phủ Xi-hanúc ở Campuchia trong giai đoạn 1954 - 1970.

B. Chính phủ Nêru ở Ấn Độ trong giai đoạn 1950 - 1973.

C. Chính phủ Lào trong giai đoạn 1954 - 1975.

D. Chính phủ Ấn Độ trong giai đoạn 1950 đến nay.

Câu 13.(2) Sau cuộc Tổng tuyển cử (9 - 1993), Quốc hội mới của Campuchia tuyên bố thành lập

- A. nước Cộng hòa Campuchia.
- B. Vương quốc Campuchia.**
- C. nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia.
- D. nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Campuchia.

Câu 14.(2) Thực dân Anh thực hiện “Phương án Maobátton” chia Ấn Độ thành hai quốc gia dựa trên cơ sở nào?

- A. Sự chênh lệch về trình độ phát triển.
- B. Ý thức hệ chính trị.
- C. Sự khác biệt về tôn giáo.**
- D. Phân biệt chủng tộc.

Câu 15.(2) Năm 1947, thực dân Anh thực hiện “Phương án Maobátton” chia Ấn Độ thành hai quốc gia. Đây là việc thực hiện thủ đoạn chính sách

- A. phân biệt chủng tộc.
- B. mua chuộc giai cấp thống trị.
- C. đồng hóa.
- D. chia để trị.**

Câu 16.(3) Những năm 90 của thế kỉ XX đánh dấu “một chương mới đã mở ra trong lịch sử khu vực Đông Nam Á” vì

- A. vấn đề Campuchia đã được giải quyết bằng Hiệp định Pari.**
- B. ASEAN từ 5 nước ban đầu đã phát triển thành 10 nước thành viên.
- C. quan hệ giữa Đông Dương và ASEAN được cải thiện.
- D. các nước kí Hiến chương ASEAN.

Câu 17.(3) Điểm tương đồng trong quá trình ra đời của ASEAN và EU là gì?

- A. Đều là đồng minh của Mỹ.
- B. Nhằm hạn chế những ảnh hưởng và tác động từ bên ngoài.
- C. Xuất phát từ nhu cầu liên kết và hợp tác giữa các nước.**
- D. Đều ra đời sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc.

Câu 18.(3) Quá trình phát triển thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) từ 5 nước lên 10 nước **không** gặp trở ngại nào dưới đây?

- A. Sự đối đầu giữa ASEAN với các nước Đông Dương.
- B. Sự khác nhau về thể chế chính trị giữa các nước.**
- C. Sự tác động của cuộc Chiến tranh lạnh.
- D. Quá trình đấu tranh giành độc lập của các nước không giống nhau.

BÀI 5: CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ LATINH

Câu 1.(2) Đặc điểm nổi bật của cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập của nhân dân Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. chống lại chế độ độc tài Batixta.
- B. chống lại chế độ độc tài thân Mỹ.**
- C. chống lại chế độ thực dân Tây Ban Nha.
- D. chống lại chế độ thực dân Bồ Đào Nha.

Câu 2.(2) Phong trào đấu tranh được coi là “lá cờ đầu” của cách mạng Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. cách mạng Mêhicô.

B. cách mạng Cuba.

C. cách mạng Côlômbia.

D. cách mạng Vênêxuêla.

BÀI 6 Chương VI Mĩ - TÂY ÂU - NHẬT BẢN (1945 - 2000)

Bài 6. NƯỚC MĨ

Câu 1. Từ 1945 đến 1950, Mĩ là:

A. Trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.

B. Nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo bay vào quỹ đạo trái đất.

C. Một trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

D. Trung tâm kinh tế - tài chính của châu Mĩ.

Câu 2. Dấu hiệu nào chứng tỏ sau Chiến tranh thế giới thứ II, Mĩ là một trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới ?

A. Sản lượng công nghiệp Mĩ nửa sau những năm 40 chiếm gần 40% tổng sản lượng công nghiệp toàn thế giới.

B. Kinh tế Mĩ chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.

C. Sản lượng công nghiệp Mĩ nửa sau những năm 40 chiếm hơn 60% tổng sản lượng công nghiệp toàn thế giới.

D. Kinh tế Mĩ chiếm hơn 50% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.

Câu 3. Yếu tố nào không phải là nguyên nhân sự phát triển của kinh tế Mĩ sau Cttg II ?

A. Các tập đoàn tư bản lũng đoạn Mĩ có sức sản xuất, cạnh tranh lớn, có hiệu quả cả trong và ngoài nước.

B. Vai trò của Nhà nước trong việc hoạch định chính sách và điều tiết nền kinh tế.

C. Chính sách Kinh tế mới của Tổng thống Mĩ Ruginôven đã phát huy tác dụng trên thực tế.

D. Mĩ đã có sự điều chỉnh về cơ cấu sản xuất, đổi mới kĩ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động.

Câu 4. Một thành tựu lớn của kinh tế Mĩ trong những năm 1945 – 1973 là một trong những dấu hiệu chứng tỏ Mĩ đã rất thành công khi tiến hành cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp ?

A. Sản lượng công nghiệp Mĩ chiếm 40% sản lượng công nghiệp toàn thế giới.

B. Công nghiệp tăng 27% so với trước chiến tranh.

C. Kinh tế Mĩ chiếm 25% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.

D. Sản lượng nông nghiệp Mĩ năm 1949 bằng 2 lần tổng sản lượng nông nghiệp các nước Anh, Pháp, Nhật Bản, Cộng hòa liên bang Đức và Nhật Bản.

Câu 5. Nhận định nào dưới đây về thành tựu khoa học - kĩ thuật Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ II là sai ?

A. Mĩ là nước tiên phong trong việc chế tạo công cụ sản xuất mới như máy tính điện tử, máy tự động.

B. Mĩ là nước tiên phong trong việc tìm ra những vật liệu mới như chất dẻo pôlime.

C. Mĩ là nước đầu tiên thực hiện thành công nhân bản vô tính trên loài cừu.

D. Mĩ là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo bay vào quỹ đạo Trái Đất.
Câu 6. Sau Chiến tranh thế giới thứ II, chính sách đối ngoại của Mĩ thể hiện tham vọng:

- A. Xác lập vai trò lãnh đạo của Mĩ ở châu Mĩ.
- B. Xác lập vai trò lãnh đạo của Mĩ ở Mĩ Latinh, châu Á - Thái Bình Dương.
- C. Xác lập vai trò lãnh đạo của Mĩ ở trên khắp toàn cầu.
- D. Xác lập vai trò lãnh đạo của Mĩ ở châu Âu.

Câu 7. Mục tiêu nào của Mĩ trong “Chiến lược toàn cầu” được áp dụng sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

- A. Ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa phát xít.
- B. Không chế, chi phối các nước Tư bản chủ nghĩa khác.
- C. Ra sức truy quét, tiêu diệt chủ nghĩa khủng bố.
- D. Khẳng định sức mạnh tuyệt đối của quân đội Mĩ trên toàn cầu.

Câu 8. Tổng thống nào của Mĩ phát động “chiến tranh lạnh” ?

- A. Aixenhao B. Truman
- C. Kennodi D. Nichxơn

Câu 9. Một trong những nguyên nhân khiến Xô - Mĩ tuyên bố chấm dứt “Chiến tranh lạnh” là :

- A. Cuộc chạy đua vũ trang giữa hai nước đang đưa nhân loại đứng trước thảm họa chiến tranh hạt nhân.
- B. Phong trào đấu tranh giành độc lập ở các nước giành được thắng lợi lớn, âm mưu của Mĩ trong chiến lược toàn cầu đã thất bại.
- C. Liên Xô và Mỹ cần ổn định, củng cố vị thế của mình.
- D. Chủ nghĩa xã hội đã từng bước sụp đổ ở Đông Âu.

Câu 10. Tham vọng thiết lập trật tự thế giới đơn cực của Mĩ trong thời kì hậu "Chiến tranh lạnh" dựa trên cơ sở nào ?

- A. Tình hình thế giới thuận lợi, các nước đồng minh Anh, Pháp ủng hộ Mĩ thiết lập trật tự đơn cực.
- B. Mĩ là nước đứng đầu thế giới về kinh tế, quân sự, khoa học - kĩ thuật.
- C. Liên Xô sụp đổ, Mĩ không còn đối thủ lớn.
- D. Hầu hết các nước trong thế giới thứ ba đều ủng hộ Mĩ, mong muốn dựa vào Mĩ để phát triển kinh tế trong nước.

Câu 11. Nguyên nhân nào dưới đây là cơ bản nhất đưa nền kinh tế của Mĩ phát triển mạnh mẽ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Dựa vào những thành tựu khoa học - kĩ thuật của thế giới.
- B. Nhờ tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- C. Nhờ trình độ tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao.
- D. Nhờ quân sự hoá nền kinh tế, thu được nhiều lợi nhuận trong chiến tranh.

Câu 12. Đặc điểm nổi bật nhất của nền kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Vị trí kinh tế của Mỹ ngày càng giảm sút trên toàn thế giới.
- B. Mỹ bị các nước Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh quyết liệt.
- C. Kinh tế phát triển nhanh, nhưng không ổn định vì thường xuyên xảy ra nhiều cuộc suy thoái.
- D. chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn.

Câu 13. Nước nào khởi đầu cuộc cách mạng khoa học- kỹ thuật lần thứ hai?

- A. Anh
- B. Pháp
- C. Mỹ
- D. Nhật

Câu 14 .Điểm giống nhau trong chính sách đối ngoại của các đời Tổng thống Mỹ là gì?

- A. Chuẩn bị tiến hành "Chiến tranh tổng lực".
- B. "Chiến lược toàn cầu hoá".
- C. Xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mỹ.
- D. "Chiến lược lấp chỗ trống".

Câu 15. Khối quân sự NATO do Mỹ cầm đầu còn gọi là khối gì?

- A. Khối phòng thủ Nam Đại Tây Dương.
- B. Khối phòng thủ Bắc Đại Tây Dương.
- C. Khối phòng thủ Đông Đại Tây Dương.
- D. Khối phòng thủ Tây Nam Đại Tây Dương.

Câu 16. Sau chiến tranh thế giới thứ 2, lượng vàng dự trữ của Mỹ chiếm

- A. 1/2 trữ lượng vàng của thế giới.
- B. 3/4 trữ lượng vàng của thế giới.
- C. 1/4 trữ lượng vàng của thế giới.
- D. 2/4 trữ lượng vàng của thế giới.

Câu 17. Mỹ thực hiện chiến lược toàn cầu nhằm mục đích gì?

- A. Phô trương sức mạnh về quân sự.
- B. Phô trương sức mạnh về kinh tế .
- C. Không chế các nước đồng minh và các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. Thực hiện tham vọng làm bá chủ thế giới.

Câu 18. Nguyên nhân nào không tạo điều kiện cho nền kinh tế Mỹ phát triển? trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Không bị chiến tranh tàn phá.
- B. Được yên ổn sản xuất và buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.
- C. Tập trung sản xuất và tư bản cao.
- D. Tiến hành chiến tranh xâm lược và nô dịch các nước.

Câu 19. Đặc điểm nào sau đây không phản ánh đúng tình hình nước Mỹ 20 năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ 2 ?

- A. Nền kinh tế Mỹ phát triển nhanh chóng.
- B. Trở thành trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất của thế giới .
- C. Kinh tế Mỹ vượt xa Tây Âu và Nhật Bản.
- D. Kinh tế Mỹ chịu sự cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	B	C	D	C	C	B	B	C	B	A	C	C	B	B	B	D	D	D	

Bài 7. TÂY ÂU

Câu 1. Ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối nội và đối ngoại của các nước Tây Âu trong 5 năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai là ?

- A. Củng cố, phát triển mối quan hệ hợp tác khu vực.
- B. Đấu tranh chống lại sự thao túng, ảnh hưởng của Mĩ ở châu Âu.
- C. Chạy đua vũ trang, tham gia cuộc Chiến tranh lạnh chống Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa.

D. Củng cố chính quyền của giai cấp tư sản, ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội.

Câu 2. Tình hình Tây Âu trong những năm 1945 - 1950 là :

- A. Là thời kì Tây Âu đạt được sự ổn định chính trị, kinh tế tăng trưởng khá.

B. Là thời kì Tây Âu tập trung ổn định chính trị, phục hồi kinh tế.

- C. Là thời kì đầy khó khăn của chủ nghĩa tư bản Tây Âu trước những biến động to lớn về kinh tế - tài chính do cuộc khủng hoảng năng lượng gây ra.

- D. Trên cơ sở nền kinh tế phát triển mạnh mẽ, các nước Tây Âu tập trung củng cố nền chính trị, đấu tranh nhằm hạn chế sự bành trướng thế lực của Mĩ ở châu Âu.

Câu 3. Sau Chiến tranh thế giới thứ II, thái độ của các nước tư bản Tây Âu về vấn đề độc lập dân tộc ở các thuộc địa như thế nào ?

- A. Đa số ủng hộ việc công nhận nền độc lập của các nước thuộc địa.
- B. Tìm cách thiết lập chế độ thuộc địa kiểu mới đối với các nước thế giới thứ 3.

C. Tìm cách thiết lập trở lại chủ quyền trên các thuộc địa của mình trước đây.

- D. Ủng hộ việc công nhận quyền tự trị của các thuộc địa.

Câu 4. Mục đích của Mĩ trong "Kế hoạch Mác - san" là :

- A. Giúp đỡ các nước tư bản trên thế giới Phục hồi lại nền kinh tế sau chiến tranh.

- B. Củng cố sức mạnh của hệ thống Tư bản chủ nghĩa trên thế giới.

- C. Phục hồi sức mạnh quân sự Đức, biến Đức trở thành một tiền đồn chống lại ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản từ Đông sang Tây.

D. Thông qua viện trợ kinh tế để xác lập ảnh hưởng, sự khống chế của Mĩ đối với các nước tư bản đồng minh.

Câu 5. Tây Âu đã trở thành một trung tâm kinh tế lớn của thế giới từ khi nào ?

- A. Thập niên 50. B. Thập niên 60. **C. Thập niên** 70. D. Thập niên 80.

Câu 6. Một trong những nhân tố thúc đẩy sự phát triển mạnh của kinh tế Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản từ năm 1950 đến năm 1973 là :

- A. Tài nguyên phong phú, nhân lực dồi dào.

- B. Sự hợp tác có hiệu quả giữa các quốc gia với các tổ chức kinh tế thế giới và khu vực.

C. Tranh thủ được nguồn viện trợ lớn từ bên ngoài.

D. Vai trò quan trọng của nhà nước trong việc quản lí, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Câu 7. Trong Những năm 1950 - 1973, nước T. Âu nào đã thực hiện đường lối đối ngoại độc lập với Mỹ ?

A. Anh **B. Pháp.** C. Italia. D. Cộng hoà Liên bang Đức.

Câu 8. Thành công của Tây Âu sau 5 năm khôi phục kinh tế - xã hội 1945 – 1950 là ?

A. Xóa bỏ được tình trạng nhập siêu.

B. Khai thác được nguồn nguyên vật liệu, nhân công rẻ của các nước thế giới thứ ba.

C. Cơ bản ổn định và phục hồi về mọi mặt, trở thành đối trọng với khối kinh tế Xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.

D. Tây Âu trở thành một trong ba trung tâm kinh tế thế giới.

Câu 9. Nước nào dưới đây đã từng ủng hộ cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam ?

A. Anh. B. Pháp.

C. Thụy Điển. D. Phần Lan

Câu 10. Nét nổi bật trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu trong những năm 1950 - 1973 là :

A. Tích cực đấu tranh hạn chế ảnh hưởng của Mỹ ở Tây Âu.

B. Tây Âu thống nhất mục tiêu xây dựng EU thành mái nhà chung châu Âu.

C. Tây Âu tranh thủ được giá nguyên liệu rẻ từ các nước thuộc thế giới thứ 3 để phát triển kinh tế trong nước.

D. Nỗ lực thiết lập trở lại ách thống trị ở các thuộc địa cũ đã bị mất trong Chiến tranh thế giới thứ II.

Câu 11. Hãy sắp xếp các sự kiện theo thứ tự thời gian về quá trình hình thành liên kết khu vực Tây Âu: 1. Sáu nước Tây Âu thành lập “ Cộng đồng than – thép Châu Âu”; 2. Phát hành và sử dụng đồng tiền chung Châu Âu (EURO); 3. Hợp nhất ba cộng đồng thành “Cộng đồng Châu Âu” (EC); 4. EC được đổi tên thành Liên minh Châu Âu (EU).

A. 1,2,3,4.

B. 1,2,4,3.

C. 4,1,2,3.

D. 1,3,4,2

Câu 12. Nước nào dưới đây được đánh giá là một nước có đường lối ngoại giao thân Mỹ "như hình với bóng" ?

A. Đức. B. Pháp. C. Tây Ban Nha. **D. Anh.**

Câu 13. Sự điều chỉnh đường lối đối ngoại của các nước Tây Âu từ sau năm 1991 xuất phát từ bối cảnh lịch sử như thế nào ?

A. Sự bùng nổ mạnh mẽ của phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc.

B. Cuộc các mạng khoa học - kĩ thuật lần hai đã bắt đầu.

C. Sự trỗi dậy của phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế.

D. "Chiến tranh lạnh" kết thúc, trật tự Ianta hoàn toàn tan rã.

Câu 14. Nước nào dưới đây không thuộc nhóm các nước sáng lập tổ chức Liên minh châu Âu ?

A. Anh. **B. Cộng hòa Liên bang Đức.** C. Bỉ. D. Hà Lan.

Câu 15. Quá trình phát triển hợp tác khu vực của các nước Tây Âu có thể diễn đạt bằng sơ đồ nào dưới đây ?

A. EEC $\Rightarrow$ EU $\Rightarrow$ EC.

B. EC $\Rightarrow$ EEC $\Rightarrow$ EU.

C. EEC $\Rightarrow$ EC $\Rightarrow$ EU.

B. EU $\Rightarrow$ EEC $\Rightarrow$ EC.

Câu 16. Đến năm 1993, Liên minh châu Âu có bao nhiêu thành viên ?

A. 2 B. 25 C. 18 **D. 15**

Câu 17. Đồng tiền chung châu Âu chính thức được đưa vào sử dụng từ khi nào ?

A. Ngày 11/1/1999.

B. Ngày 1/11/1991.

C. Ngày 11/11/1999.

D. Ngày 1/1/1999.

Câu 18. EU là tổ chức liên kết như thế nào ?

A. Là tổ chức liên kết chính trị - kinh tế.

B. Là tổ chức liên kết kinh tế - chính trị.

C. Là tổ chức liên kết quân sự - kinh tế.

D. Là tổ chức liên kết chính trị - quân sự.

Câu 19. Kế hoạch Mác-san (1947) còn được gọi là:

A. Kế hoạch khôi phục châu Âu.

B. Kế hoạch phục hưng kinh tế các nước Tây Âu.

C. Kế hoạch phục hưng văn hoá châu Âu.

D. Kế hoạch phục hưng kinh tế châu Âu.

Câu 20. Lí do nào là chủ yếu khiến Mỹ và các nước phương Tây dồn sức viện trợ cho Tây Đức nhanh chóng phục hồi và phát triển kinh tế sau chiến tranh?

A. Để thúc đẩy quá trình hòa bình hoá nước Đức.

B. Để Tây Đức có ưu thế so với Đông Đức.

C. Để biến Tây Đức thành một "Lực lượng xung kích" của khối NATO, chống Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa.

D. Cả ba vấn đề trên.

Bài 8. NHẬT BẢN

Câu 1. Để phát triển khoa học kỹ thuật, Nhật Bản có hiện tượng khác với các nước khác?

A. Coi trọng và phát triển nền giáo dục quốc dân, khoa học kỹ thuật.

B. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.

C. Xây dựng nhiều công trình hiện đại trên mặt biển và dưới đáy biển.

D. Coi trọng việc nhập kỹ thuật hiện đại, mua bằng phát minh của nước ngoài.

Câu 2. Sau Chiến tranh thế giới thứ II, lực lượng quân đội nước nào chiếm đóng Nhật Bản dưới danh nghĩa lực lượng Đồng minh?

A. Anh. B. Liên Xô. **C. Mĩ**. D. Pháp

Câu 3. Trong thời gian chiếm đóng tại Nhật Bản, Bộ Chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh đã làm gì?

A. Thực hiện nhiều cải cách dân chủ.

B. Thủ tiêu chủ nghĩa quân phiệt và một phần bộ máy chiến tranh của Nhật Bản.

C. Bồi thường chiến phí cho các nước đã từng bị phát xít Nhật chiếm đóng.

D. Thực hiện dân chủ hoá nước Nhật, tuy vậy họ vẫn dung túng cho các thế lực quân phiệt Nhật Bản hoạt động

Câu 4. Giai đoạn 1945 - 1950, tình hình Nhật Bản và các nước Tây Âu có gì đặc biệt?

A. Bị chiến tranh tàn phá, kinh tế suy sụp nghiêm trọng.

B. Nền kinh tế các nước phát triển chậm chạp, khủng hoảng kinh tế kéo dài.

C. Dựa vào viện trợ của Mỹ, các nước dần phục hồi nền kinh tế ngang bằng trước chiến tranh.

D. Nền kinh tế bước vào thời kì phục hưng mạnh mẽ nhất.

Câu 5. Nhật Bản đã tận dụng những yếu tố bên ngoài nào để phát triển kinh tế sau chiến tranh?

A. Chiến tranh của Pháp ở Đông Dương.

B. Thị trường nguyên liệu, nhân công lao động rẻ ở khu vực Đông Nam Á.

C. Nguồn viện trợ quỹ ODA.

D. Chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

Câu 6. Một trong những dấu hiệu chứng tỏ Nhật Bản là siêu cường tài chính số 1 thế giới trong nửa sau những năm 80 là:

A. Dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2 lần Mỹ, gấp 1,5 lần CHLB Đức, là chủ nợ của thế giới.

B. Là chủ nợ của thế giới, dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2,5 lần CHLB Đức, gấp 3 lần của Mỹ.

C. Dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần của Mỹ, gấp 1,5 lần CHLB Đức, là chủ nợ lớn nhất thế giới.

D. Là chủ nợ lớn nhất thế giới, dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 1,5 lần CHDC Đức, gấp 3 lần của Mỹ.

Câu 7. Biện pháp nào của Chính phủ Nhật Bản nhằm thúc đẩy sự phát triển khoa học-kỹ thuật?

- A. Coi trọng giáo dục vì "con người là công nghệ cao nhất"
- B. Đầu tư lớn cho việc xây dựng các viện nghiên cứu.
- C. Nhập kỹ thuật hiện đại, phương pháp sản xuất tiên tiến của nước ngoài.

D. Tất cả các ý trên đều đúng.

Câu 8. Một trong những nhân tố đóng vai trò quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế của cả Mĩ lẫn Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

- A. Nhận được nguồn viện trợ lớn từ các nước Tây Âu.

B. Vai trò lãnh đạo quản lí của Nhà nước.

- C. Điều kiện tự nhiên ưu đãi.

- D. Thị trường được mở rộng.

Câu 9. Nhận định nào dưới đây về Nhật Bản ngày nay là không đúng ?

- A. Là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

B. Là một cường quốc hạt nhân.

- C. Là một nước có công nghệ sản xuất xe hơi phát triển mạnh.

- D. Là một trong những nước có ngành khoa học vũ trụ phát triển.

Câu 10. Định hướng phát triển của khoa học - kỹ thuật Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ 2 là:

A. Tập trung vào lĩnh vực sản xuất, ứng dụng dân dụng.

- B. Tập trung vào phát triển công nghiệp quân sự.

- C. Tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chinh phục vũ trụ.

- D. Tập trung vào nghiên cứu khắc phục tình trạng khan hiếm tài nguyên.

Câu 11. Nhật Bản trở thành một trong 3 trung tâm kinh tế-tài chính lớn nhất thế giới từ khi nào ?

- A. Những năm 60 của thế kỉ XX.

B. Những năm 70 của thế kỉ XX.

- C. Những năm 80 của thế kỉ XX.

- D. Những năm 90 của thế kỉ XX.

Câu 12. Nhận định nào dưới đây không đúng với tình hình kinh tế Nhật Bản hiện nay ?

- A. Nền nông nghiệp Nhật Bản kém phát triển.

- B. Công nghiệp lệ thuộc nguồn nguyên, nhiên liệu nhập khẩu.

- C. Bị các nước Tây Âu, Mĩ và các nước công nghiệp mới cạnh tranh kịch liệt.

D. Nghề đánh bắt cá ở Nhật Bản không phát triển.

Câu 13. Nguyên nhân cơ bản nhất đưa nền kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kỳ” trong những năm 60 – 70 của thế kỷ XX là gì ?

- A. Biết lợi dụng vốn của nước ngoài để đầu tư vào những ngành công nghiệp then chốt.

B. Biết lợi dụng khoa học - kỹ thuật để tăng năng suất, cải tiến kỹ thuật và hạ giá thành hàng hóa.

C. Biết “len lách” xâm nhập thị trường các nước.

D. Nhờ những cải cách dân chủ.

Câu 14. Ngày 8 - 9 - 1951, Nhật Bản kí kết với Mỹ hiệp ước gì?

A. “Hiệp ước phòng thủ chung Đông Nam Á”.

B. “Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật”.

C. “Hiệp ước liên minh Mỹ - Nhật”.

D. “Hiệp ước chạy đua vũ trang”

Câu 15. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã gặp khó khăn gì lớn nhất?

A. Bị quân đội Mỹ chiếm đóng theo chế độ quân quản.

B. Bị các nước đế quốc bao vây kinh tế.

C. Nạn thất nghiệp, thiếu lương thực, thực phẩm.

D. Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề.

Câu 16. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản tiến hành nhiều cải cách trong đó cải cách nào là quan trọng nhất?

A. Cải cách hiến pháp.

B. Cải cách ruộng đất.

C. Cải cách giáo dục.

D. Cải cách văn hoá

Câu 17. Sang những năm 50 của thế kỉ XX, kinh tế Nhật phát triển được do nguyên nhân cơ bản nào?

A. Nhờ những đơn đặt hàng của Mỹ khi Mỹ phát động chiến tranh xâm lược Triều Tiên và Việt Nam.

B. Nhật áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật.

C. Vươn lên cạnh tranh với Tây Âu.

D. “Luồn lách” xâm nhập thị trường các nước.

Câu 18. Sự phát triển “thần kì của Nhật Bản” được thể hiện rõ nhất ở điểm nào?

A. Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân đứng hàng thứ hai trên thế giới.

B. Trong khoảng hơn 20 năm (1950 - 1973), tổng sản phẩm quốc dân của Nhật Bản tăng 20 lần.

C. Từ thập niên 70 (thế kỉ XX), Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính của thế giới tư bản (Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản).

D. Từ nước chiến bại, hết sức khó khăn thiếu thốn, Nhật Bản vươn lên thành siêu cường kinh tế.

Câu 19. Trong sự phát triển “thần kì” của Nhật Bản có nguyên nhân nào giống với nguyên nhân phát triển kinh tế của các nước tư bản khác:

A. Lợi dụng vốn nước ngoài, tập trung đầu tư vào các ngành kỹ thuật then chốt.

B. Biết tận dụng và khai thác những thành tựu khoa học - kỹ thuật.

C. “Len lách” xâm nhập vào thị trường các nước, thực hiện cải cách dân.

D. Phát huy truyền thống tự lực tự cường của nhân dân Nhật Bản.

Câu 20. Trong những nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là nguyên nhân khách quan làm cho kinh tế Nhật Bản phát triển?

A. Truyền thống văn hoá tốt đẹp, con người Nhật Bản có ý chí vươn lên, được đào tạo chu đáo, cần cù lao động.

B. Vai trò quan trọng của Nhà nước trong việc đề ra chiến lược phát triển, hệ thống quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp, công ty.

C. Nhờ cải cách ruộng đất.

D. Biết tận dụng thành tựu khoa học kĩ thuật thế giới.

Chương V

QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945 - 2000)

Bài 9. QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KÌ CHIẾN TRANH LẠNH

Câu 1. Đặc điểm của quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ II là:

A. Có sự phân tuyến triệt để, mâu thuẫn sâu sắc giữa các nước Tư bản chủ nghĩa.

B. Diễn ra sự đối đầu quyết liệt giữa các đế quốc lớn nhằm tranh giành thị trường và phạm vi ảnh hưởng.

C. Các nước tư bản thắng trận đang xác lập vai trò lãnh đạo thế giới, nô dịch các nước bại trận.

D. Có sự đối đầu căng thẳng, mâu thuẫn sâu sắc giữa hai phe Tư bản chủ nghĩa và Xã hội chủ nghĩa.

Câu 2. "Chiến tranh lạnh" được đánh dấu bằng sự kiện :

A. Cau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc (8/1945).

B. Sau khi các nước Đông Âu tuyên bố hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân và tiến hành xây dựng

C. Khi Tổng thống Truman đọc diễn văn trước Quốc hội Mỹ, kêu gọi đẩy mạnh hoạt động chống Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa, "bảo vệ thế giới tự do" (3/1947).

D. Mỹ đưa ra "Kế hoạch Mácsan", được các nước tư bản phương Tây chấp thuận (6/1947).NXH (1949).

Câu 3. Nguyên nhân của mâu thuẫn Đông – Tây là ?

A. Do Mỹ phát động "Chiến tranh lạnh" chống Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa.

B. Do các nước phương Tây suy yếu sau chiến tranh, Liên xô muốn mở rộng ảnh hưởng ở khu vực này.

C. Do Mỹ độc quyền vũ khí nguyên tử.

D. Do sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa 2 cường quốc là Liên Xô và Mỹ.

Câu 4. Điều đã không xảy ra trong quá trình diễn biến của "Chiến tranh lạnh" là:

- A. Có những mâu thuẫn, bất đồng trên lĩnh vực chính trị giữa Liên Xô và Tây Âu.
- B. Những mâu thuẫn sâu sắc trên lĩnh vực kinh tế giữa Liên Xô và Tây Âu.
- C. Những đối lập, mâu thuẫn giữa các nước thuộc phe Xã hội chủ nghĩa và Tư bản chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hoá.

D. Những cuộc xung đột trực tiếp bằng quân sự giữa Liên Xô và Mĩ.

Câu 5. Diễn biến nào dưới đây không phải là hệ quả của "Kế hoạch Mácsan" ?

- A. Các nước Tây Âu đã từng bước phục hồi kinh tế sau chiến tranh.
- B. Mĩ đã thành công trong việc lôi kéo, không chế các nước tư bản Đồng minh.
- C. Các nước** Tây Âu từng bước vượt qua được khủng hoảng năng lượng . toàn cầu.
- D. Giữa các nước Tây Âu và Đông Âu có sự phân chia, đối lập về kinh tế và chính trị.

Câu 6. Tình hình thế giới trong thời kì "Chiến tranh lạnh" là :

- A. Luôn ở trong tình trạng đối đầu căng thẳng giữa các nước tư bản phát triển với các nước kém phát triển.
- B. Các cuộc chiến tranh bằng vũ khí thông thường từng bước được hạn chế.

C. Các nước chạy đua vũ trang, kho vũ khí hạt nhân ngày càng nhiều.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 7. Điểm giống nhau giữa chiến tranh chống thực dân Pháp ở Việt Nam (1946 - 1954) và chiến tranh Triều Tiên (1950- 1953) ?

- A. Là những cuộc chiến tranh dài ngày, khốc liệt.
- B. Là những cuộc chiến tranh chống lại chủ nghĩa thực dân cũ.

C. Là những cuộc chiến tranh mà mỗi bên tham chiến đều chịu tác động mạnh mẽ của hai phe : Tư bản chủ nghĩa hoặc Xã hội chủ nghĩa.

D. Là những cuộc chiến tranh của 2 dân tộc chống lại chủ nghĩa thực dân mới, vì mục tiêu độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

Câu 8. Vì sao nói chiến tranh Việt Nam (1954 - 1975) là cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất ?

A. Vì đây là cuộc chiến tranh giữa một nước nhỏ chống lại cường quốc số 1 của thế giới.

B. Vì Việt Nam là tiêu điểm của sự kết hợp các trào lưu cách mạng của thế giới, nơi tập trung những mâu thuẫn lớn của thời đại.

C. Vì đây là cuộc chiến tranh mà Mĩ đánh giá là : "hao người tốn của nhất trong lịch sử".

D. Vì số lượng bom đạn khổng lồ mà Mĩ và quân đội các nước chư hầu đã đổ xuống Việt Nam.

Câu 9. Một trong những biểu hiện của xu thế hoà hoãn Đông - Tây là:

A. Xô - Mĩ đã có những cuộc gặp gỡ, thương lượng về các vấn đề mà cả hai cùng quan tâm.

B. Xô - Mĩ đều nhận thức được những khó khăn do chạy đua vũ trang trong gần 4 thập niên.

C. Các nước thực dân chấp nhận trao trả độc lập cho nhiều thuộc địa ở Á - Phi - Mỹ Latinh.

D. Các cuộc chiến tranh cục bộ đã lắng xuống.

Câu 10. Chiến tranh lạnh chính thức chấm dứt vào thời điểm nào ?

A. Tháng 2/1989. B. Tháng 12/1991.

C. Tháng 12/1989. D. Tháng 2/1988.

Câu 11. Xô - Mỹ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh trong bối cảnh nào ?

A. Cách mạng giải phóng dân tộc ở châu Phi đang giành được những thắng lợi to lớn : trong 1 năm có 17 nước Tây Phi, Trung Phi, Đông Phi giành được độc lập.

B. Cả hai đều bị "suy giảm " thế mạnh trên nhiều mặt, trong khi Nhật Bản, Tây Âu đang vươn lên mạnh mẽ.

C. Các nước Đông Âu đã giành được những thắng lợi quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 12. "Chiến tranh lạnh" chấm dứt đã có tác động như thế nào đến tình hình thế giới?

A. Nhiều cuộc xung đột, tranh chấp đã được giải quyết bằng thương lượng hoà bình.

B. Hội đồng Tương trợ kinh tế tuyên bố giải thể.

C. Phạm vi ảnh hưởng của Mỹ và Liên Xô đều bị thu hẹp.

D. Cuộc đua tranh giữa các cường quốc nhằm thiết lập trật tự thế giới "đa cực" diễn ra mạnh mẽ.

Câu 13. Chiến tranh lạnh chấm dứt đã có ảnh hưởng như thế nào đến tình hình Đông Nam Á ?

A. Vị thế của tổ chức ASEAN được nâng cao.

B. Các quốc gia ở Đông Nam Á có điều kiện kiến thiết lại đất nước.

C. Vấn đề Campuchia từng bước được tháo gỡ.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 14. Những cơ sở để khẳng định Mỹ khó có thể thiết lập được trật tự thế giới "một cực" ?

A. Phạm vi ảnh hưởng của Mỹ sau Chiến tranh lạnh bị thu hẹp.

B. Thế giới đã hình thành ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn.

C. Trung Quốc đang vươn lên mạnh mẽ.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 15. Địa điểm nào từng chứng kiến cuộc gặp gỡ quan trọng giữa Gorbachốp và Buzơ, hai nước thống nhất tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh" ?

A. Crum. B. Ôđetxa.

C. Manta. D. Xan Phranxixcô.

Câu 16. Tháng 3 – 1947 , Tổng thống của Mỹ Truman đã chính thức phát động cuộc "Chiến tranh lạnh" nhằm mục đích gì ?

A. Chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Giữ vững nền hòa bình, an ninh thế giới sau chiến tranh.

C. Xoa dịu tinh thần đấu tranh của công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.

D. Chống lại phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ - Latinh.

Câu 17. Thế nào là "Chiến tranh lạnh" do Mỹ phát động theo phương thức đầy đủ nhất?

A. Chuân bị gây ra một cuộc chiến tranh thế giới mới.

B. Dùng sức mạnh quân sự để đe dọa đối phương.

C. Thực tế chưa gây chiến tranh, nhưng chạy đua vũ trang làm cho nhân loại "luôn luôn ở trong tình trạng chiến tranh" thực hiện "chính sách đu đưa bên miệng hố chiến tranh"

D. Chưa gây chiến tranh nhưng dùng chính sách viện trợ để khống chế các nước.

Câu 18. Sự kiện nào dẫn đến sự tan vỡ mối quan hệ Đồng minh chống phát xít giữa Liên Xô và Mỹ?

A. Sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

B. Sự ra đời của "Chủ nghĩa Tơ-ru-man" và "Chiến tranh lạnh" (3 - 1947).

C. Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử (1949).

D. Sự ra đời của khối NATO (9 - 1949).

Câu 19. Liên Xô và Mỹ trở thành hai thế lực đối đầu nhau rồi đi đến "Chiến tranh lạnh" vào thời điểm nào?

A. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai.

B. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

C. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

D. Trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 20. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai mưu đồ bao quát của Mỹ là:

A. Tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Tiêu diệt phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ La-tinh.

C. Tiêu diệt phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.

D. Làm bá chủ toàn thế giới.

Câu 21. Để thực hiện mưu đồ làm bá chủ thế giới, trước hết Mỹ lo ngại đến vấn đề gì?

A. Ảnh hưởng của Liên Xô cùng những thắng lợi của cuộc cách mạng dân chủ nhân dân các nước Đông Âu.

B. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc và sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

C. Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 22. Vì sao học thuyết Tơ-ru-man vừa mới ra đời đã vấp phải sự phản kháng của thế giới?

A. Vì bản chất phi nghĩa của nó.

B. Vì bản chất chống cộng của nó.

C. Vì bản chất bành trướng của nó.

D. Vì bản chất đe dọa nền hòa bình của nó đối với nhân loại.

Câu 23. Sự phân chia đối lập về kinh tế, chính trị và quân sự giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và Đông Âu xã hội chủ nghĩa được tạo nên bởi:

A. Học thuyết Tơ-ru-man của Mĩ.

B. "Kế hoạch Mác-san" và sự ra đời của khối quân sự NATO.

C. Chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mĩ.

D. Sự thành lập khối quân sự NATO.

Câu 24. Năm 1991, diễn ra sự kiện gì có liên quan đến quan hệ quốc tế?

A. Mĩ và Liên Xô chấm dứt "chiến tranh lạnh".

B. Trật tự hai cực I-an-ta bị xói mòn.

C. Trật tự hai cực I-an-ta bị sụp đổ.

D. Xô - Mĩ tuyên bố hợp tác trên mọi phương diện.

BÀI 10 - CÁCH MẠNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ NỬA SAU THẾ KỶ XX

Câu 1. Nguồn gốc cơ bản nhất dẫn đến sự bùng nổ cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại là

A. đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

B. đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.

C. chế tạo ra vũ khí và phương tiện thông tin lạc phục vụ chiến tranh hiện đại.

D. chế tạo ra những công cụ sản xuất mới.

Câu 2. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

B. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

C. đạt được thành tựu kì diệu trên các lĩnh vực khoa học – công nghệ.

D. mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

Câu 3. Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn, đó là đặc điểm của cuộc cách mạng nào?

A. Cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ nhất

B. Cách mạng công nghiệp

C. Cách mạng văn minh tin học

D. Cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ hai

Câu 4. Để giải quyết những đòi hỏi bức thiết của cuộc sống, trước hết, cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật ngày nay phải

A. tạo ra những nguồn năng lượng mới, vật liệu mới...

B. chế tạo, tìm kiếm công cụ sản xuất mới và tạo ra những vật liệu mới.

C. tìm kiếm vật liệu mới, dây chuyền sản xuất mới và công nghệ mới.

D. sản xuất ra những phương tiện giao thông, phương tiện thông tin liên lạc mới.

Câu 5. Mặt hạn chế của xu thế toàn cầu hoá là

- A. cơ cấu kinh tế của các nước có sự chuyển biến.
- B. nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.
- C. đặt ra yêu cầu phải tiến hành cải cách để nâng cao tính cạnh tranh.
- D. thúc đẩy sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất.

Câu 6. Hệ quả quan trọng và lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại là

- A. xuất hiện các loại dịch bệnh mới
- B. xuất hiện xu thế toàn cầu hóa.
- C. dẫn tới nhu cầu, đòi hỏi của con người ngày càng cao.
- D. làm xuất hiện nhiều loại vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Câu 7. Tính hai mặt của toàn cầu hoá là

- A. tạo ra cơ hội lớn cho cả các nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
- B. tạo ra thách thức lớn cho cả các nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
- C. tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc đối với tất cả các nước.
- D. vừa tạo ra thời cơ, vừa tạo ra thách thức cho tất cả các dân tộc trên thế giới.

Câu 8. Ý nào được coi là thời cơ lịch sử do xu thế toàn cầu hóa đem lại cho tất cả các quốc gia trên thế giới?

- A. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- B. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính ở các khu vực.
- C. Các nguồn vốn đầu tư, kĩ thuật – công nghệ và kinh nghiệm quản lí từ bên ngoài.
- D. Sự xung đột và giao thoa giữa các nền văn hóa trên thế giới.

Câu 9. Thách thức lớn nhất mà Việt Nam phải đối mặt trong xu thế toàn cầu hóa là

- A. Sự chênh lệch về trình độ dân trí khi tham gia hội nhập.
- B. Sự cạnh tranh khốc liệt trong thị trường thế giới.
- C. Sự bất bình đẳng trong quan hệ quốc tế.
- D. Quản lí, sử dụng chưa có hiệu quả các nguồn vốn từ bên ngoài.

Câu 10. Biểu hiện không đúng của xu thế toàn cầu hóa là

- A. Sự phát triển mạnh mẽ của quan hệ thương mại quốc tế.
- B. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế khu vực.
- C. Sự ra đời của Liên minh châu Âu (EU).
- D. Mỹ và Nhật Bản kí kết hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật và được kéo dài vĩnh viễn.

BÀI 11 - TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000

Câu 1. Nét đặc trưng nổi bật của trật tự thế giới hai cực Ianta là

- A. thế giới bị chia thành hai cực
- B. thế giới bị chia thành hai cực theo khuôn khổ của trật tự Ianta
- C. thế giới chịu sự thống trị, chi phối của hai siêu cường Mỹ và Liên Xô
- D. thế giới bị chia thành hai phe, do hai siêu cường Mỹ và Liên Xô đứng đầu mỗi phe

Câu 2. Trong lịch sử thế giới hiện đại, phong trào giải phóng dân tộc diễn ra chủ yếu ở khu vực nào

- A. châu Á, châu Phi và châu Âu
- B. châu Á, châu Phi và Châu Mỹ Latinh
- C. châu Á, châu Âu và Châu Mỹ Latinh
- D. trên tất cả các lục địa

Câu 3. Yếu tố nào sẽ còn tiếp tục tạo ra sự “đột phá” và biến chuyển trong cục diện thế giới

- A. Sự hợp tác Xô – Mỹ
- B. Sự vươn lên của Nhật Bản và Tây Âu
- C. Sự chạy đua vũ trang của Mỹ và Liên Xô
- D. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật

Câu 4. Biến chuyển nào **không** phải là biến chuyển quan trọng của hệ thống đế quốc chủ nghĩa từ nửa sau thế kỉ XX?

- A. Mỹ vươn lên trở thành đế quốc giàu mạnh nhất
- B. đánh dấu thời kì “phi thực dân hóa” trên phạm vi toàn thế giới
- C. Sự hình thành và phát triển ba trung tâm kinh tế lớn của thế giới
- D. Sự ra đời và phát triển của Liên minh châu Âu(EU)

Câu 5. Nhân tố nổi bật chi phối quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập kỉ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. xu thế toàn cầu hóa
- B. tình trạng chiến tranh lạnh
- C. sự cạnh tranh quyết liệt về kinh tế
- D. sự mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo và tranh chấp lãnh thổ

Câu 6. Đặc điểm lớn nhất của tình hình thế giới sau chiến tranh lạnh là

- A. sự phát triển và chi phối quan hệ thế giới theo chiều hướng đa cực
- B. sự phát triển thực lực về kinh tế của mỗi quốc gia

- C. sự điều chỉnh quan hệ giữa các nước lớn theo chiều hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp
- D. sự hội nhập quốc tế để các nước đang phát triển có cơ hội tiếp cận những thành tựu của khoa học kỹ thuật hiện đại

Câu 7. Trong xu thế hòa bình và ổn định của tình hình thế giới hiện nay, Việt Nam có được những cơ hội và thuận lợi nào?

- A. Hội nhập quốc tế, thu hút vốn đầu tư và tiếp cận khoa học công nghệ
- B. Nâng cao tính chuyên môn hóa trong sản xuất dây chuyền tự động
- C. Giải quyết tình trạng thất nghiệp, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài
- D. Có được thị trường lớn để đẩy mạnh xuất khẩu

Câu 8. Trong xu thế hòa bình và ổn định của tình hình thế giới hiện nay, Việt Nam đối mặt với những khó khăn và thách thức nào?

- A. Sự cạnh tranh kinh tế, nguồn nhân lực lao động có chất lượng
- B. Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, ô nhiễm môi trường
- C. Sử dụng và đào tạo hợp lý nguồn “dân số vàng”
- D. Nguồn vốn đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng đô thị

Câu 9. Sự kiện lịch sử thế giới nào được xem là dấu mốc để phân kì của lịch sử thế giới từ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Năm 1990 nước Đức tái thống nhất
- B. Tháng 12/1989 Liên Xô và Mỹ tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh
- C. Năm 1991, Liên Xô tan rã, đưa tới sự sụp đổ của trật tự hai cực Ianta
- D. Năm 1948, sự xuất hiện của hai nhà nước với hai chế độ chính trị khác nhau ở Bán đảo Triều Tiên

Câu 10. Thế giới từ sau Chiến tranh lạnh, đã chứng kiến vấn đề gì diễn ra ngày càng mạnh mẽ?

- A. xu thế toàn cầu hóa
- B. tốc độ phát triển nhanh của nền kinh tế Trung Quốc
- C. tình trạng xung đột sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ
- D. Sức mạnh của nền kinh tế toàn cầu

BÀI 12 - PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1925

Câu 1. Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam nhằm mục đích gì?

- A. Bù vào thiệt hại trong lần khai thác thứ nhất.
- B. Để bù đắp thiệt hại do chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra.
- C. Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.
- D. Để độc chiếm thị trường Việt Nam.

Câu 2. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào ngành nào?

- A. Công nghiệp chế biến.
- B. Nông nghiệp và khai thác mỏ.
- C. Nông nghiệp và thương nghiệp.
- D. Giao thông vận tải.

Câu 3. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, lực lượng nào hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng Việt Nam?

- A. Công nhân
- B. Nông dân
- C. Tiểu tư sản
- D. Tư sản dân tộc

Câu 4. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, mâu thuẫn nào trở thành mâu thuẫn cơ bản, cấp bách hàng đầu của cách mạng Việt Nam?

- A. Công nhân và tư sản
- B. Nông dân và địa chủ
- C. Nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp
- D. Địa chủ và tư sản

Câu 5. Sự kiện nào đánh dấu giai cấp công nhân Việt Nam bước đầu đi vào đấu tranh tự giác ?

- A. Công hội(bí mật) Sài Gòn Chợ Lớn do Tôn Đức Thắng đứng đầu.
- B. Bãi công của thợ nhuộm ở Chợ Lớn
- C. Bãi công của công nhân ở Nam Định, Hà Nội, Hải Phòng
- D. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son ở Cảng Sài Gòn ngăn tàu Pháp đàn áp cách mạng Trung Quốc.

Câu 6. Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc chuyển từ lập trường một người yêu nước sang lập trường một người cộng sản?

- A. Tháng 6/1919, Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Véc-xai Bản yêu sách của nhân dân An Nam.
- B. Giữa năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Luận cương về vấn đề giải phóng dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin.

- C. Tháng 12/1920, Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp.
- D. Tháng 6/1925, thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

Câu 7. Tổ chức cách mạng yêu nước nào đi theo khuynh hướng dân chủ tư sản?

- A. Việt Nam Quốc dân Đảng
- B. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên
- C. Đảng Tân Việt
- D. Công hội đỏ

Câu 8. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp công nhân Việt Nam chịu 3 tầng áp bức bóc lột gồm :

- A. thực dân, đế quốc, phong kiến.
- B. đế quốc, phong kiến, tư bản.
- C. tư bản Pháp, tư sản bản xứ, phong kiến.
- D. đế quốc thực dân, phong kiến và tư sản bản xứ.

Câu 9. Sự kiện đánh dấu bước đầu chấm dứt khủng hoảng về đường lối cách mạng Việt Nam là sự kiện nào?

- A. Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa (7/1920).
- B. Bãi công của công nhân Ba Son (8/1925).
- C. Ba tổ chức cộng sản xuất hiện (1929).
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1/1930).

Câu 10. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, cuộc đấu tranh đầu tiên trên lĩnh vực kinh tế do giai cấp tư sản tổ chức là

- A. cuộc tẩy chay tư sản Hoa kiều.
- B. chống độc quyền ở cảng Sài Gòn.
- C. chống độc quyền xuất cảng lúa gạo ở Nam Kỳ.
- D. đòi tự do phát triển kinh tế.

Câu 11. Công lao lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam là:

- A. Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn
- B. Truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin
- C. Thành lập Đảng cộng sản Việt Nam
- D. Thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng cộng sản Việt Nam

Câu 12: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác là con đường cách mạng vô sản”, đây là kết luận của Nguyễn Ái Quốc sau khi

- A. gửi bản yêu sách của nhân dân Việt Nam đến Hội nghị Véc-xai.
- B. đọc Luận cương về vấn đề giải phóng dân tộc của Lê-nin
- C. tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.
- D. tham gia thành lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa

BÀI 13 - PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1925 ĐẾN NĂM 1930

Câu 1. Tổ chức đầu tiên mà Nguyễn Ái Quốc tiếp cận khi Người về Trung Quốc :

- A. Cộng sản đoàn.
- B. Tâm Tâm xã.
- C. Hội việt Nam cách mạng Thanh Niên.
- D. Hội các dân tộc bị áp bức ở Á Đông

Câu 2. Sự phân hóa của Tân Việt cách mạng đảng đã dẫn đến thành lập tổ chức cộng sản nào ở Việt Nam năm 1929?

- A. Đông Dương cộng sản đảng.
- B. An Nam cộng sản đảng.
- C. Đông Dương cộng sản liên đoàn.
- D. Đông Dương cộng sản đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Câu 3. Theo Cương lĩnh chính trị cách mạng của Đảng (1930), lực lượng cách mạng được xác định gồm

- | | |
|---------------------------|----------------------------|
| A. tiểu tư sản, trí thức. | B. công nông, binh lính. |
| C. công nông. | D. công nông, tiểu tư sản. |

Câu 4. Đâu không phải ý nghĩa của sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Sự kết hợp tất yếu của quá trình đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam.
- B. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vĩ đại trong của cách mạng Việt Nam.
- C. Chấm dứt thời kì khủng hoảng đường lối của cách mạng Việt Nam.
- D. Là cuộc tập dượt đầu tiên cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Câu 5. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời (1930) là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam vì đã chấm dứt

- A. thời kì truyền bá lí luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam.
- B. hoạt động riêng lẻ của ba tổ chức cộng sản
- C. vai trò lãnh đạo của giai cấp tư sản Việt Nam.
- D. thời kì khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo.

Câu 6. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam cuối năm 1929 khẳng định bước phát triển mới của cách mạng Việt Nam vì

- A. thúc đẩy phong trào dân tộc dân chủ phát triển.
- B. từ đây liên minh công – nông được hình thành và phát triển mạnh mẽ.
- C. chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo.
- D. chứng tỏ hệ tư tưởng vô sản giành ưu thế trong phong trào dân tộc

Câu 7. Tờ báo nào dưới đây là cơ quan ngôn luận của Đông Dương cộng sản Đảng?

- A. Nhân đạo.
- B. Thanh niên.
- C. Búa liềm.
- D. Người cùng khổ.

Câu 8. Phong trào vô sản hóa từ cuối năm 1928 đã tạo ra được sự chuyển biến:

- A. Liên kết được phong trào công nhân với nông dân.
- B. Phong trào đấu tranh của công nhân bước sang giai đoạn đấu tranh tự giác.
- C. Phong trào Công nhân trở thành nòng cốt của phong trào dân tộc trong cả nước.
- D. Lôi kéo được trí thức tiểu tư sản tham gia.

Câu 9. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam được triệu tập (6-1-1930) tại Hương Cảng vì nhiều lí do? Lí do nào sau đây không đúng?

- A. Chấm dứt sự chia rẽ giữa các tổ chức cộng sản.
- B. Yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam lúc đó.
- C. Yêu cầu của Quốc tế cộng sản.
- D. Để thay thế vai trò của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

Câu 10. Căn cứ vào đâu để khẳng định Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là đúng đắn và sáng tạo?

- A. Vạch ra vấn đề cơ bản về đường lối cách mạng Việt Nam.
- B. Đã thể hiện rõ tính độc lập dân tộc và tự do của dân tộc Việt Nam.
- C. Khẳng định cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới.
- D. Kêu gọi các dân tộc trên thế giới đoàn kết chống kẻ thù chung.

Câu 11. Nội dung nào sau đây **không** phải là yếu tố dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản.
- B. Sự thất bại của Việt Nam Quốc dân đảng.
- C. Sự phát triển của phong trào yêu nước Việt Nam.
- D. Sự phát triển tự giác phong trào công nhân Việt Nam.

Bài 14: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1935

*Câu 1. Đặc điểm nổi bật của kinh tế Việt Nam năm 1930 là

- A. khủng hoảng, suy thoái.
- B. có sự phục hồi.
- C. có sự phát triển.
- D. phát triển xen kẽ với khủng hoảng.

*Câu 2. Ngành kinh tế nào của Việt Nam chịu tác động sâu sắc nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929- 1933?

- A. Công nghiệp.
- B. Thương nghiệp.
- C. Nông nghiệp.
- D. Thủ công nghiệp.

**Câu 3. So với các thuộc địa của Pháp, hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đối với Việt Nam là

- A. nhẹ hơn so với các thuộc địa khác của Pháp.
- B. nặng nề hơn so với các thuộc địa khác của pháp.
- C. như các thuộc địa khác của Pháp.
- D. tương đối nặng nề.

*Câu 4. Đặc điểm nào dưới đây **không đúng** với tình hình kinh tế Việt Nam trong những năm khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933?

- A. Lúa gạo sụt giá, ruộng đất bị bỏ hoang.
- B. Các ngành thủ công nghiệp có bước phát triển.
- C. Xuất nhập khẩu đình đốn, hàng hóa khan hiếm.
- D. Trong công nghiệp, sản lượng các ngành đều suy giảm.

*Câu 5. Hậu quả lớn nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đối với xã hội Việt Nam là

- A. làm trầm trọng tình trạng đói khổ của các tầng lớp nhân nhân lao động.
- B. chỉ tác động đến đời sống của giai cấp công nhân.
- C. chỉ tác động đến đời sống của giai cấp nông dân.
- D. chỉ tác động đến đời sống của tư sản, tiểu tư sản.

*Câu 6. Phong trào cách mạng 1930-1931 bùng nổ do

- A. những hoạt động yêu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.
- B. sự chỉ đạo kịp thời của quốc tế cộng sản đối với cách mạng Việt Nam.
- C. khủng hoảng kinh tế 1929-1933 và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- D. ba tổ chức cộng sản ra đời (1929) và tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933.

*Câu 7. Phong trào cách mạng 1930-1931 nêu cao khẩu hiệu

- A. “Độc lập dân tộc” và “Ruộng đất dân cày.”
- B. “Tự do dân chủ”, “cơm áo hòa bình”.
- C. “Tịch thu ruộng đất của đế quốc, việt gian”.
- D. “Chống đế quốc” và “chống phát xít”.

**Câu 8. Mục tiêu đấu tranh của phong trào cách mạng Việt Nam 1930-1931 là

- A. chống đế quốc, chống phong kiến. B. chống phong kiến và tay sai.
C. chống phong kiến và tư sản. D. chống đế quốc và tư sản.

*Câu 9. Đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930-1931 ở Việt Nam diễn ra ở

- A. Thanh Hóa-Nghệ An. B. Nghệ An-Hà Tĩnh.
C. Hà Tĩnh-Quảng Bình. D. Thanh Hóa-Hà Tĩnh.

*Câu 10. Trung tâm công nghiệp lớn nhất Trung Kỳ là

- A. Vinh - Nghi Xuân. B. Vinh - Bến Thủy.
C. Vinh - Hưng Nguyên. D. Vinh - Can Lộc.

**Câu 11. Hình thức đấu tranh chủ yếu trong phong trào cách mạng Việt Nam 1930-1931 là

- A. đấu tranh chính trị.
B. đấu tranh vũ trang.
C. đấu tranh nghị trường.
D. đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang.

*Câu 12. Khối liên minh được hình thành từ phong trào cách mạng 1930-1931 ở Việt Nam là

- A. nông dân - tư sản. B. công nhân - tiểu tư sản.
C. công - nông. D. công nhân – tư sản.

**Câu 13. Phong trào 1930-1931 ở Việt Nam được đánh giá là

- A. mang tính không triệt để. B. mang tính chất phong kiến.
C. mang tính tư sản. D. mang tính triệt để.

*Câu 14. Khẩu hiệu “ Độc lập dân tộc” và “ Ruộng đất dân cày” được thể hiện rõ nét nhất trong thời kì cách mạng nào?

- A. 1930-1931. B. 1932-1935.
C. 1936-1939. D. 1939-1945.

**Câu 15. Chính sách tiến bộ nhất về chính trị mà chính quyền Xô viết Nghệ -Tĩnh thực hiện là

- A. quần chúng nhân dân được tự do ngôn luận, tự do học tập.
B. quần chúng được tự do tham gia các đoàn thể cách mạng, tự do hội họp.
C. thả những tù chính trị bị bắt trong phong trào cách mạng 1930-1931.
D. quần chúng nhân dân được tự do tôn giáo, tự do ngôn luận.

* Câu 16. Chính sách tiến bộ nhất về kinh tế mà chính quyền Xô viết Nghệ -Tĩnh thực hiện là

- A. tịch thu ruộng đất công chia cho dân cày nghèo, bãi bỏ một số thuế vô lý.
B. chú trọng đắp đê phòng lụt, tu sửa cầu cống, đường giao thông.
C. lập các tổ chức để nông dân giúp đỡ nhau sản xuất.
D. Xóa nợ cho người nghèo, khuyến khích sản xuất.

**Câu 17. Chính sách tiến bộ nhất về văn hóa mà chính quyền Xô viết Nghệ -Tĩnh thực hiện là

- A. các tệ nạn xã hội được xóa bỏ.

- B. trật tự trị an được giữ vững.
- C. tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau được xây dựng.
- D. mở lớp dạy chữ Quốc ngữ cho các tầng lớp nhân dân.

*Câu 18. Các đội tự vệ đỏ và tòa án nhân dân được thành lập là chính sách thuộc lĩnh vực nào của chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh?

- A. Kinh tế.
- B. Quân sự.
- C. Chính trị.
- D. Văn hóa-xã hội.

Câu 19. Nội dung nào dưới đây **không thuộc chính sách về kinh tế của chính quyền Xô viết Nghệ-Tĩnh?

- A. Tịch thu ruộng đất công chia cho dân cày nghèo.
- B. Bãi bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò, thuế muối.
- C. Xóa nợ cho người nghèo, chú trọng đắp đê phòng lụt.
- D. Tịch thu hết sản nghiệp lớn của đế quốc chia cho dân cày nghèo.

Câu 20. Nội dung nào dưới đây **không thuộc chính sách về văn hóa - xã hội của chính quyền Xô viết Nghệ-Tĩnh?

- A. Mở lớp dạy chữ Quốc ngữ cho các tầng lớp nhân dân.
- B. Mở các lớp học xóa mù chữ cho nhân dân.
- C. Xóa bỏ các tệ nạn trong xã hội.
- D. Trật tự trị an được giữ vững.

*Câu 21. Đặc điểm phong trào cách mạng nước ta từ giữa năm 1931 là

- A. diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ.
- B. diễn ra lẻ tẻ, tự phát.
- C. dần dần lắng xuống.
- D. hoàn toàn chấm dứt.

*Câu 22. Hai mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam những năm 1929-1933 là

- A. dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp, nông dân với địa chủ phong kiến.
- B. dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp, công nhân với tư sản mại bản.
- C. nông dân với phong kiến, công nhân với tư sản.
- C. công nhân với thực dân Pháp, nông dân với bọn tay sai.

*Câu 23. Nội dung nào dưới đây **không thuộc** *Luận cương chính trị* tháng 10/1930 của Đảng Cộng sản Việt Nam

- A. tiến hành cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- B. lực lượng đánh đuổi đế quốc, phong kiến là tất cả các giai cấp trong xã hội.
- C. cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.
- D. cách mạng do Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo.

***Câu 24. Chính quyền Xô viết có nghĩa là

- A. chính quyền của nhân dân lao động.
- B. chính quyền của dân, do dân và vì dân.
- C. chính quyền cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo
- D. nhà nước của những nước theo con đường XHCN.

*Câu 25. Tháng 10-1930 ở Việt Nam diễn ra sự kiện lịch sử tiêu biểu nào?

- A. Đông Dương cộng sản liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Ban lãnh đạo Hải ngoại do Lê Hồng Phong đứng đầu được thành lập.

- C. Đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam.

*Câu 26. Hội nghị tháng 10-1930 Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng cộng sản Việt Nam diễn ra trong bối cảnh

- A. phong trào cách mạng của quần chúng đang diễn ra quyết liệt.
- B. phong trào cách mạng của quần chúng đang trên đà phát triển.
- C. phong trào cách mạng của quần chúng đang suy yếu.
- D. phong trào cách mạng của quần chúng chuẩn bị diễn ra.

*Câu 27. Hội nghị tháng 10-1930 Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng cộng sản Việt Nam diễn ra ở đâu?

- A. Quảng Châu (Trung Quốc).
- B. Hương Cảng (Trung Quốc).
- C. Bắc Kinh (Trung Quốc).
- D. Hà Nội (Việt Nam).

*Câu 28. Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam được thông qua trong Luận cương tháng 10-1930 là

- A. đánh đổ đế quốc và phong kiến.
- B. đánh đổ phong kiến và tay sai.
- C. đánh đổ chủ nghĩa phát xít và tay sai.
- D. đánh đổ phong kiến và đánh đổ đế quốc.

*Câu 29. Lực lượng cách mạng được xác định trong Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 là

- A. công nhân và tư sản.
- B. công nhân và binh lính.
- C. nông dân và tiểu tư sản
- D. công nhân và nông dân.

*Câu 30. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng tháng 10-1930 đã quyết định đổi tên Đảng ta thành

- A. Đảng cộng sản Đông Dương.
- B. Đảng lao động Việt Nam.
- C. Đông Dương cộng sản Đảng.
- D. Đảng Dân chủ Việt Nam.

*Câu 31. Tổng bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương là

- A. Nguyễn Ái Quốc.
- B. Trường Chinh.
- C. Trần Phú.
- D. Lê Hồng Phong.

Câu 32. Nội dung nào dưới đây **không thuộc Luận cương tháng 10-1930 của Đảng?

- A. Động lực cách mạng là giai cấp công nhân và nông dân
- B. Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng thế giới.
- C. Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là đánh đổ phong kiến và đế quốc.
- D. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến và tư sản phản cách mạng.

***Câu 33. Hạn chế lớn nhất của luận cương tháng 10/1930 là

- A. xác định không đúng lực lượng tham gia cách mạng.

- B. chưa xác định được âm mưu của kẻ thù.
- C. chưa đưa ra được phương pháp đấu tranh phù hợp.
- D. chưa đề cập đến mối quan hệ giữa cách mạng Đông Dương và thế giới.

***Câu 34. Bài học kinh nghiệm nào về lực lượng cách mạng được rút ra trong phong trào 1930-1931?

- A. Xây dựng khối liên minh công nông.
- B. Xây dựng khối đoàn kết dân tộc.
- C. Xây dựng khối liên minh nông dân với tư sản, tiểu tư sản.
- D. Xây dựng khối liên minh công-nông với các lực lượng cách mạng khác.

**Câu 35. Tên gọi mặt trận được xây dựng thời kì cách mạng 1930-1931 là

- A. mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.
- B. mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương
- C. mặt trận Dân chủ Đông Dương.
- D. hội phản đế Đông Dương.

*Câu 36. Đại hội đại biểu lần thứ nhất (tháng 3-1935) Đảng Cộng sản Đông Dương xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của Đảng là

- A. củng cố phát triển Đảng, tranh thủ quần chúng rộng rãi, chống chiến tranh đế quốc.
- B. khôi phục lại phong trào quần chúng, chống chủ nghĩa phát xít, chống nguy cơ chiến tranh.
- C. khôi phục kinh tế, xây dựng các đoàn thể cách mạng, chống thực dân Pháp.
- D. Củng cố chính trị, tranh thủ quần chúng rộng rãi, chống phong kiến.

****Câu 37. So với các phong trào cách mạng trước khi Đảng ra đời, phong trào cách mạng 1930-1931 thể hiện điểm mới là

- A. Xác định nhiệm vụ cách mạng trước mắt là giải phóng dân tộc, thực hiện người cày có ruộng.
- B. Mang tính triệt để, quy mô cả nước, hình thức đấu tranh phong phú quyết liệt, khối liên minh công nông được hình thành.
- C. Phong trào đã bước đầu xây dựng được hình thức mặt trận thống nhất đầu tiên của dân tộc.
- D. Lần đầu tiên phong trào có các cuộc bãi công, biểu tình không lồ, quy mô lớn thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

**Câu 38. Tư bản Pháp đã sử dụng biện pháp nào để giải quyết hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933)?

- A. Tăng cường bóc lột công nhân Pháp.
- B. Tăng cường bóc lột nhân dân Đông Dương.
- C. Tăng cường bóc lột các nước thuộc địa.
- D. Vừa bóc lột lao động chính quốc vừa bóc lột thuộc địa.

*Câu 39. Phong trào cách mạng nào sau đây đặt dưới sự lãnh đạo đầu tiên của Đảng?

- A. Phong trào cách mạng 1930-1931.
- B. Phong trào dân chủ 1936-1939.

D. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945.

C. Cao trào kháng Nhật cứu nước đầu năm 1945.

*Câu 40. Sự kiện nổi bật nào đã diễn ra ở Việt Nam ngày 12-9-1930?

A. Cuộc biểu tình của 8000 nông dân huyện Nghi Lộc

B. Cuộc biểu tình của 8000 nông dân huyện Diễn Châu

C. Cuộc biểu tình của 8000 nông dân huyện Anh Sơn

D. Cuộc biểu tình của 8000 nông dân huyện Hưng Nguyên.

*Câu 41. Sự kiện nào dưới đây được coi là bước ngoặt của phong trào 1930-1931?

A. Trên phạm vi cả nước bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế lao động 1/5/1930.

B. Những cuộc biểu tình có vũ trang của nông dân Nghệ An - Hà Tĩnh.

C. Chính quyền thực dân phong kiến bị tê liệt tan rã tại Nghệ An - Hà Tĩnh.

D. Chính quyền Xô Viết thực hiện chính sách tiến bộ tại Nghệ An - Hà Tĩnh.

**** Câu 42. Điểm khác nhau cơ bản về đường lối cách mạng được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930) và Luận cương tháng 10-1930 là ở

A. xác định đường lối chiến lược, lãnh đạo, lực lượng tham gia cách mạng.

B. xác định mối quan hệ giữa cách mạng nước ta với cách mạng thế giới.

C. xác định nhiệm vụ và lực lượng tham gia cách mạng.

D. xác định vai trò lãnh đạo, lực lượng tham gia cách mạng.

***Câu 43: Điểm giống nhau giữa Luận cương chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và Luận cương chính trị (tháng 10-1930) do Trần Phú soạn thảo là

A. cách mạng Việt Nam trải qua hai giai đoạn cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

B. đều xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc, giải phóng dân tộc.

C. lực lượng tham gia cách mạng là giai cấp công nhân, nông dân.

D. nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là đánh đổ đế quốc, phong kiến.

**Câu 44. Chọn một câu trả lời đúng nhất trong số các câu từ A đến D để điền vào chỗ trống, hoàn thiện nội dung nói về ý nghĩa lịch sử của phong trào cách mạng 1930-1931:

“ Phong trào cách mạng 1930-1931 chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn, nhưng có ý nghĩa lịch sử to lớn. Phong trào khẳng định (a), quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng Đông Dương. Từ phong trào, khối (b) được hình thành.” (Lịch sử Việt Nam lớp 12 - Phan Ngọc Liên (chủ biên), NXB giáo dục 2008, trang 95)

A. a. giai cấp công nhân đã trưởng thành, b. liên minh tư sản-tiểu tư sản.

B. a. vai trò lãnh đạo của Đảng, b. liên minh công nông.

C. a. sự trưởng thành của Đảng, b. liên minh công nông.

D. a. đường lối đúng đắn của Đảng, b. liên minh công nông.

*Câu 45. Phong trào có ý nghĩa như cuộc tập dượt đầu tiên của Đảng và quần chúng cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này là

- A. phong trào cách mạng 1930-1931.
- B. phong trào dân chủ 1936-1939.
- C. phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945.
- D. cao trào kháng Nhật cứu nước đầu 1945.

BÀI 15. PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 – 1939

Câu 1. Đầu những năm 30 của thế kỷ XX chủ nghĩa phát xít đã nắm được chính quyền ở đâu?

- A. Đức, Pháp, Nhật Bản.
- B. Đức, Tây Ban Nha, Ý.
- C. Đức, Italia, Nhật Bản.
- D. Đức, Áo- Hung.

âu 2. Kẻ thù của cách mạng thế giới được Đại hội VII của Quốc tế cộng sản xác định đó là

- A. chủ nghĩa phát xít.
- B. chủ nghĩa đế quốc.
- C. bọn phản động thuộc địa.
- D. chủ nghĩa thực dân.

Câu 3. Trong năm 1936, mặt trận nhân dân nước nào đã thắng cử vào Nghị viện và lên cầm quyền?

- A. Nước Đức.
- B. Nước Pháp.
- C. Nước Anh.
- D. Nước Tây Ban Nha.

Câu 4. Cuộc mít tinh lớn nhất trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939, diễn ra ngày 1/5/1938 ở đâu?

- A. Tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội).
- B. Tại Bến Thủy (Vinh)
- C. Tại thủ đô Hà Nội.
- D. Tại nhà Đấu Xảo (Hà Nội).

Câu 5. Tại Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, đoàn đại biểu Đảng cộng sản Đông Dương do ai dẫn đầu đến dự đại hội?

- A. Nguyễn Ái Quốc.
- B. Phạm Văn Đồng.
- C. Nguyễn Văn Cừ.
- D. Lê Hồng Phong.

Câu 6. Tháng 8-1936, Đảng chủ trương phát động phong trào

- A. Đông Dương Đại hội.
- B. phong trào đòi dân sinh dân chủ.
- C. vận động người của Đảng vào Viện dân biểu.
- D. mít tinh diễn thuyết thu thập “dân nguyện”.

Câu 7. Khi chủ nghĩa phát xít xuất hiện Quốc tế cộng sản đã có chủ trương gì để tập

hợp lực lượng cách mạng thế giới?

- A. Thành lập Đảng Cộng sản ở các nước.
- B. Thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi.
- C. Thành lập các tổ chức công đoàn.
- D. Kêu gọi vô sản các nước đoàn kết lại.

Câu 8. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Việt Nam được Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 7/1936) xác định, đó là

- A. đánh đuổi đế quốc Pháp, giành độc lập dân tộc.
- B. đánh đuổi đế quốc Pháp và phong kiến tay sai.
- C. chống phát xít, chống chiến tranh, giành độc lập dân tộc.
- D. chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh.

***Câu 9.** Ngay từ năm 1936, Đảng ta đề ra chủ trương thành lập mặt trận với tên gọi là gì?

- A. Mặt trận Việt Minh.
- B. Mặt trận dân chủ Đông Dương.
- C. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương
- D. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 10. Điều nào không phải chính sách của chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp năm 1936 đối với các thuộc địa?

- A. Cho phép xuất bản báo chí.
- B. Trả tự do cho một số tù chính trị.
- C. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- D. Cho phép thành lập Mặt trận nhân dân rộng rãi

****Câu 11.** Mục tiêu đấu tranh của phong trào dân chủ 1936 – 1939 là

- A. độc lập dân tộc.
- B. ruộng đất cho dân cày.
- C. tăng lương, giảm giờ làm, bớt sưu thuế.
- D. tự do dân sinh dân chủ, cơm áo, hòa bình.

****Câu 12.** Sự kiện lịch sử nào dưới đây không tác động tới phong trào dân chủ 1936 – 1939?

- A. Khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933.
- B. Chủ nghĩa phát xít lên nắm quyền đầu những năm 30 của thế kỷ XX
- C. Đại hội VII của Quốc tế cộng sản họp tại Maxcova (tháng 7/1936).
- D. Chính phủ Mặt trận nhân dân lên cầm quyền ở Pháp (tháng 6/1936).

****Câu 13.** Mục tiêu đấu tranh của phong trào cách mạng thế giới 1936-1939 là

- A. ruộng đất, cơm áo, hòa bình.
- B. độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

- C. giành dân chủ, bảo vệ hòa bình.
- D. độc lập dân tộc và người cày có ruộng.

****Câu 14.** Để tập hợp lực lượng cách mạng giai đoạn 1936 – 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương đã có chủ trương gì?

- A. Thành lập mặt trận Việt Minh.
- B. Thành lập Mặt trận tổ quốc Việt Nam.
- C. Thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh.
- D. Thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.

****Câu 15.** Đây là hình thức đấu tranh chủ yếu của phong trào dân chủ 1936 – 1939?

- A. Đấu tranh vũ trang.
- B. Bí mật và bất hợp pháp.
- C. Đấu tranh công khai và hợp pháp.
- D. Công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

****Câu 16.** Hành động nào của chủ nghĩa phát xít khi lên nắm quyền đã đe dọa nền hòa bình thế giới?

- A. Sản xuất vũ khí hủy diệt.
- B. Tập trung tấn công Liên Xô.
- C. Xây dựng và phát triển kinh tế.
- D. Ráo riết chạy đua vũ trang chuẩn bị chiến tranh.

****Câu 17.** Kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương được Hội nghị BCH Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 7/1936) nhận định là

- A. thực dân Pháp.
- B. bọn phong kiến.
- B. bọn Pháp phản động và tay sai
- D. thực dân Pháp và phong kiến tay sai

****Câu 18.** Phong trào nào **không** phải là cuộc đấu tranh đòi dân sinh dân chủ của nhân dân ta thời kỳ 1936 – 1939?

- A. Phong trào Đông Dương Đại hội
- B. Phong trào Xô Viết Nghệ - Tĩnh
- C. Phong trào đón phái viên của Chính phủ Pháp Gôđa
- D. Cuộc mít tinh ở thủ đô Hà Nội ngày 1/5/1938

*****Câu 19.** Từ năm 1936 một số tù chính trị ở Việt Nam đã được thả ra và tìm cách hoạt động trở lại. Đó là nhờ chính sách của tổ chức nào?

- A. Mặt trận nhân dân Pháp.
- B. Mặt trận nhân dân Liên Xô.
- C. Quốc tế Cộng sản.
- D. Thực dân Pháp.

*****Câu 20.** Trong phong trào cách mạng 1936 – 1939 lực lượng nào tham gia đông đảo và hăng hái nhất trong các cuộc mít tinh biểu tình, đưa “dân nguyện”?

- A. Công nhân và nông dân
- B. Công nhân và nông dân, trí thức và dân nghèo thành thị.
- B. Tư sản dân tộc, học sinh sinh viên và thợ thủ công.
- C. Trung và tiểu địa chủ, nông dân, trí thức tiểu tư sản

******Câu 21.** Ý nghĩa to lớn nhất của cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 là gì?

- A. Là cuộc tổng diễn tập lần thứ hai của Đảng chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám 1945.
- B. Tập hợp được lực lượng chính trị hùng hậu trong mặt trận dân tộc thống nhất.
- C. Đội ngũ cán bộ đảng viên được rèn luyện, thử thách và trưởng thành.
- D. Đảng thấy được những hạn chế của mình trong công tác mặt trận, vấn đề dân tộc...

Câu 22. Đáp án nào sau đây không phản ánh kết quả của cuộc vận động dân chủ 1936- 1939?

- A. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng trong quần chúng nhân dân.
- B. Chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách của quần chúng.
- C. Giành chính quyền và thành lập chính quyền Xô Viết ở các địa phương.
- D. Đảng đã tập hợp được một lực lượng chính trị của quần chúng đông đảo.

Câu 23. Đảng ta chuyển hướng chỉ đạo sách lược trong thời kì 1936-1939 dựa trên cơ sở nào?

- A. Tình hình thực tiễn của Việt Nam.
- B. Tình hình thế giới và trong nước có sự thay đổi.
- C. Chủ nghĩa phát xít lên nắm quyền ở một số nước
- D. Đảng Cộng sản Đông Dương phục hồi và hoạt động mạnh.

Câu 24. Khẩu hiệu đấu tranh của thời kì cách mạng 1936-1939 là gì?

- A. “Độc lập dân tộc” - “Người cày có ruộng”.
- B. “Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày”.
- C. “Đánh đổ đế quốc Pháp - Đông Dương hoàn toàn độc lập”.
- D. “Chống phát xít chống chiến tranh, đòi tự do dân chủ, cơm áo hòa bình”.

Câu 25. Một trong những nguyên nhân làm bùng nổ phong trào dân chủ 1936 – 1939 là

- A. do tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933.
- B. do đời sống của các tầng lớp nhân dân gặp nhiều khó khăn
- C. do thực dân Pháp tiến hành đàn áp phong trào cách mạng nước ta.
- D. đảng cộng sản Việt Nam vừa ra đời đã phát động phong trào đấu tranh.

Câu 26. Một trong những bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936 – 1939 là

- A. bài học về chớp thời cơ trong cách mạng.

- B. bài học về xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất.
- C. bài học xây dựng khối liên minh công nông trí thức.
- D. bài học giành chính quyền và xây dựng chính quyền.

Câu 27. Lực lượng cách mạng tham gia phong trào dân chủ 1936 – 1939 là

- A. Công nhân và nông dân
- B. Tư sản dân tộc, học sinh sinh viên và thợ thủ công.
- C. Trung và tiểu địa chủ, nông dân, trí thức tiểu tư sản
- C. Công nhân và nông dân, trí thức và dân nghèo thành thị.

Câu 28. Phong trào dân chủ 1936 – 1939 ở Việt Nam là một phong trào

- A. Có tính dân tộc
- B. Có tính dân chủ
- C. Không mang tính cách mạng
- D. Không mang tính dân tộc

Câu 29. Cuộc đấu tranh công khai, hợp pháp trong những năm 1936-1939 thực chất là

- A. Một cao trào cách mạng dân tộc dân chủ.
- B. Một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.
- C. Một cuộc đấu tranh giai cấp.
- D. Một cuộc tuyên truyền vận động chủ nghĩa Mác - Lênin.

BÀI 16. PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939 - 1945). NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA RA ĐỜI

* Câu 1. Tháng 11-1939, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại địa điểm

- A. Bà Điểm.
- B. Pác Bó.
- C. Quảng Châu.
- D. Hương Cảng.

* Câu 2. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương tháng 11-1939 xác định mục tiêu của cách mạng là

- A. đánh đổ đế quốc.
- B. đánh đổ tay sai đế quốc.
- C. đánh đổ đế quốc và tay sai.
- D. đông dương hoàn toàn độc lập.

* Câu 3. Đội cứu quốc quân ra đời ở Việt Nam năm 1941 có nòng cốt là

- A. đội du kích Ba Tơ.
- B. đội du kích Thái Nguyên.
- C. đội du kích Cao Bằng.
- D. Đội du kích Bắc Sơn.

* Câu 4. Năm 1942, nơi thí điểm xây dựng các Hội Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh là

- A. Lạng Sơn.
- B. Bắc Cạn.
- C. Hà Giang.
- D. Cao Bằng.

* Câu 5. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941) Nguyễn Ái Quốc chủ trương thành lập mặt trận

- A. Mặt trận Liên Việt.
- B. Mặt trận Việt Minh.
- C. Mặt trận Đồng minh.
- D. Mặt trận phản đế Đông Dương.

* Câu 6. Cuộc khởi nghĩa của tù chính trị trong cao trào “kháng Nhật cứu nước” ở Việt Nam vào tháng 3-1945 diễn ra tại

- A. Pác Bó (Cao Bằng).
- B. Bắc Sơn (Lạng Sơn).
- C. Ba Tơ (Quảng Ngãi).
- D. Quảng Nam.

* Câu 7. Địa phương giành chính quyền muộn nhất trong tổng khởi nghĩa tháng 8-1945 ở Việt Nam là

- A. Quảng Ngãi và Bắc Giang.
- B. Bắc Giang và Hải Dương.
- C. Hải Dương và Quảng Nam.
- D. Hà Tiên và Đồng Nai Thượng.

* Câu 8. Khẩu hiệu “Đánh đuổi Pháp – Nhật” được thay bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật” được nêu ra trong

- A. Đại hội quốc dân Tân Trào (tháng 8/1945).
- B. Hội nghị toàn quốc của Đảng (từ 14-15/8/1945).
- C. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1939).
- D. Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

* Câu 9. Đối tượng của cách mạng được Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp vào tháng 5/1941 xác định là

- A. đế quốc Pháp, tay sai.
- B. đế quốc Nhật – Pháp.
- C. đế quốc Nhật và bọn phản động.
- D. đế quốc phát xít Pháp – Nhật và tay sai.

* Câu 10. Ngày 12-3-1945 Ban Thường vụ trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp ra chỉ thị

- A. sắm vũ khí đuổi thù chung.
- B. sửa soạn khởi nghĩa, đuổi thù chung.
- C. đánh đuổi Pháp – Nhật và bọn phong kiến.
- D. Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta.

* Câu 11. Năm 1942, ở Việt Nam, nơi thí điểm của cuộc vận động xây dựng các Hội Cứu quốc quân trong mặt trận Việt Minh là

- A. Cao Bằng.
- B. Lạng Sơn.
- C. Bắc Cạn.
- D. Tuyên Quang.

* Câu 12. Năm 1945, Đội Việt Nam giải phóng quân ra đời trên cơ sở hợp nhất các tổ chức

- A. Cứu quốc quân với du kích Thái Nguyên.
 - B. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với đội du kích Bắc Sơn.
 - C. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với Cứu quốc quân.
 - D. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với du kích Ba Tơ.
- * Câu 13. Quyết định Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi Đồng minh vào Việt Nam là của
- A. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1939).
 - B. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5/1941).
 - C. Đại hội quốc dân Tân Trào (15-16/8/1945).
 - D. Hội nghị toàn quốc của Đảng (13-15/8/1945).
- * Câu 14. Từ 10 đến 19- 5-1941, tại Pác Bó (Hà Quảng-Cao Bằng) đã diễn ra
- A. Hội nghị toàn quốc của Đảng.
 - B. Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
 - C. Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
 - D. Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
- * Câu 15. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 5/1941 đã xác định mâu thuẫn cơ bản trong lòng xã hội Việt Nam là
- A. mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp.
 - B. mâu thuẫn giữa nhân dân ta với phát xít Pháp - Nhật.
 - C. mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp và phong kiến tay sai.
 - D. mâu thuẫn giữa nhân dân ta với phát xít Nhật và phong kiến tay sai.
- * Câu 16. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 5/1941 quyết định tạm gác khẩu hiệu.
- A. “Giảm tô, giảm tức chia lại ruộng đất”.
 - B. thực hiện “Người cày có ruộng”.
 - C. “Đánh đổ địa chủ chia ruộng đất cho dân cày”,
 - D. “Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày”.
- * Câu 17. Tháng 11 - 1939, tên gọi của Mặt trận ở Đông Dương là
- A. Mặt trận nhân dân phản đế.
 - B. Mặt trận dân chủ Đông Dương.
 - C. Mặt trận phản đế Đông Dương.
 - D. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.
- * Câu 18. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết Tuyên ngôn độc lập tại
- A. số nhà 48 phố Hàng Ngang – Hà Nội.
 - B. số nhà 48 phố Hàng Quạt – Hà Nội.
 - C. số nhà 48 phố Hàng Buồm – Hà Nội.
 - D. số nhà 84 phố Hàng Bún – Hà Nội.
- * Câu 19. Bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là
- A. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

B. Thái Nguyên, Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

C. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nội, Huế.

D. Cao Bằng, Bắc Cạn, Hải Dương, Hà Tĩnh.

* Câu 20. Chiều ngày 16-8-1945 theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đội giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến về giải phóng

A. Thị xã Cao Bằng.

B. Thị xã Thái Nguyên.

C. Thị xã Yên Bái.

D. Thị xã Tuyên Quang.

* Câu 21. Sau tháng 9/1940, để đối phó với tình hình mới khi Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách

A. mở cửa cho Nhật vào Đông Dương.

B. thi hành chính sách “ Kinh tê chỉ huy”.

C. tăng các loại thuế gấp 3 lần.

D. thỏa hiệp với Nhật để đàn áp nhân dân ta.

* Câu 22. Hiệp ước phòng thủ chung của Đông Dương (23-7-1941) được kí giữa Pháp và Nhật thừa nhận:

A. Pháp cam kết hợp tác với Nhật về mọi mặt.

B. Nhật có quyền đóng quân trên toàn cõi Đông Dương.

C. Pháp phải bảo đảm hậu phương an toàn cho quân đội Nhật.

D. Nhật có quyền sử dụng tất cả các sân bay và cửa biển ở Đông Dương.

** Câu 23. Tháng 8-1945, điều kiện khách quan bên ngoài rất thuận lợi, tạo thời cơ cho nhân dân Việt Nam khởi nghĩa giành độc lập là

A. Sự thất bại của phe phát xít ở châu Âu.

B. Sự thất bại của phe phát xít ở châu Phi.

C. Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

D. Phát xít Đức, Italia tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

* Câu 24. Khẩu hiệu thành lập “Chính phủ Dân chủ Cộng hòa” được đưa ra trong hội nghị

A. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1939).

B. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5/1941).

C. Đại hội quốc dân Tân Trào (15-16/8/1945).

D. Hội nghị toàn quốc của Đảng (13-15/8/1945).

* Câu 25. Sau khi ra đời, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã đánh thắng ở

A. Bắc Giang và Hải Dương.

B. Phay Khắt và Nà Ngần.

C. Hà Tĩnh và Quảng Nam.

D. Tuyên Quang và Thái Nguyên.

* Câu 26. Tháng 5/1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trương thành lập

A. Mặt trận Việt Minh.

B. Mặt trận Liên Việt.

- C. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.
- D. Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.

* Câu 27. Hội nghị toàn quốc của Đảng cộng sản Đông Dương họp từ 14 đến 15-8-1945 ở

- A. Pác Bó (Cao Bằng).
- B. Bắc Sơn (Lạng Sơn).
- C. Tân Trào (Tuyên Quang).
- D. Phay Khắt (Cao Bằng).

** Câu 28. Sau ngày 9-3-1945, ở Việt Nam, kẻ thù chính cụ thể trước mắt của nhân dân là

- A. Thực dân Pháp.
- B. Phát xít Nhật.
- C. Thực dân Pháp và tay sai.
- D. Phát xít Nhật và đồng minh.

** Câu 29. Sự kiện chứng tỏ Đảng cộng sản Đông Dương đã hoàn thành việc chuẩn bị về chủ trương, đường lối cho cách mạng tháng Tám

- A. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương tháng 11-1939.
- B. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương tháng 7-1940.
- C. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương tháng 5-1941.
- D. Hội nghị toàn quốc của Đảng cộng sản Đông Dương từ 14-15/8/1945.

** Câu 30. Chủ trương quan trọng nhất của Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941) là

- A. thành lập Mặt trận Liên Việt.
- B. thành lập Mặt trận Việt Minh.
- C. tiến hành cách mạng ruộng đất.
- D. đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

** Câu 31. *Chọn một câu trả lời đúng nhất trong số các câu từ A đến D để điền vào chỗ trống hoàn thiện đoạn tư liệu nói về ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945.*

“Cách mạng tháng Tám mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc ta. Nó đã phá tan hai tầng xiềng xích nô lệ của (1) hơn 80 năm và ách thống trị của (2) gần 5 năm, lật nhào ngai vàng phong kiến ngự trị ngót chục thế kỉ ở nước ta, lập nên nước (3).”

- A. Thực dân Pháp – phát xít Nhật – Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- B. Phát xít Nhật – thực dân Pháp - Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- C. Đế quốc Mỹ - phát xít Nhật – Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- D. Thực dân Pháp - đế quốc Mỹ – Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

** Câu 32. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 8 (5/1941) có tầm quan trọng đặc biệt đối với Cách mạng tháng Tám năm 1945 vì

- A. chủ trương giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc.

B. chủ trương giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
C. hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược tại Hội nghị Trung ương lần 6.

D. hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược tại Hội nghị Trung ương lần 7.

**** Câu 33.** *“Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”*. Câu nói nhận định về sự kiện

A. Cách mạng tháng Tám năm 1945.

B. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

C. Chiến dịch Huế-Đà Nẵng năm 1975.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.

**** Câu 34.** Thời cơ trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 xuất hiện vào thời điểm

A. Pháp suy yếu.

B. phong trào cách mạng lên cao

C. Nhật đầu hàng Đồng minh.

D. Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim sụp đổ.

**** Câu 35.** Nhà thơ Tố Hữu Viết: *“Ba mươi năm chân không mỏi/ Mà đến bây giờ mới tới nơi”*. Đó là hai câu thơ nói về sự kiện

A. Nguyễn Ái Quốc về nước.

B. Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô.

C. Nguyễn Ái Quốc đọc Luận cương của Lênin.

D. Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc).

**** Câu 36.** Phương pháp đấu tranh cơ bản trong Cách mạng tháng Tám 1945 là

A. đấu tranh vũ trang.

B. đấu tranh bạo lực.

C. đấu tranh chính trị

D. đấu tranh ngoại giao

**** Câu 37.** Dưới hai tầng áp bức bóc lột nặng nề của Pháp - Nhật, giai cấp bị khốn khổ nhất, tổn thất nhiều nhất trong nạn đói 1944-1945

A. nông dân.

C. thợ thủ công.

B. công nhân.

D. thợ mỏ.

**** Câu 38.** Sự kiện nào dưới đây nằm trong cao trào kháng Nhật cứu nước?

A. Giảm tô, giảm thuế.

B. Chia ruộng đất cho nhân dân.

C. đấu tranh chống phong kiến.

D. cao trào phá kho thóc, giải quyết nạn đói.

**** Câu 39.** Đội du kích đầu tiên của cách mạng Việt Nam có tên gọi là

A. đội du kích Bắc Sơn.

B. đội du kích Ba Tơ.

C. đội du kích Võ Nhai.

D. đội du kích Đình Bảng.

**** Câu 40.** Chỉ thị “ Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” có nội dung cơ bản là

- A. kêu gọi sửa soạn khởi nghĩa.
- B. kêu gọi đứng dậy khởi nghĩa.
- C. khởi nghĩa giành chính quyền.
- D. phát động cao trào “Kháng Nhật cứu nước”.

** Câu 41. Hội nghị quân sự Bắc Kỳ (15-4-1945) quyết định vấn đề quan trọng là

- A. thành lập khu giải phóng Việt Bắc.
- B. thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.
- C. thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.
- D. thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân.

** Câu 42. Ủy ban quân sự Bắc Kỳ được thành lập có nhiệm vụ cơ bản là

- A. thành lập Việt Nam giải phóng quân,
- B. thành lập khu giải phóng Việt Bắc.
- C. thành lập ủy ban lâm thời khu giải phóng.
- D. thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

** Câu 43. Cách mạng tháng Tám thắng lợi, trên thực tế nhân dân ta giành chính quyền từ tay

- A. Bọn phong kiến.
- B. phát xít Nhật Bản.
- C. Nhật và bọn phong kiến tay sai.
- D. Pháp – Nhật và bọn phong kiến tay sai.

** Câu 44. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11-1939 có ý nghĩa quan trọng là

- A. đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.
- B. đặt nhiệm vụ chống phát xít Nhật lên hàng đầu.
- C. đặt nhiệm vụ cách mạng ruộng đất lên hàng đầu.
- D. chủ trương thành lập mặt trận riêng ở mỗi nước Đông Dương.

** Câu 45. Sự kiện **không** thuộc thời kỳ “Cao trào kháng Nhật cứu nước” ở Việt Nam là

- A. khởi nghĩa Ba Tơ (3-1945).
- B. thành lập khu giải phóng Việt Bắc.
- C. “Phá kho thóc giải quyết nạn đói”.
- D. Chỉ thị “Sửa soạn khởi nghĩa” của tổng bộ Việt Minh.

** Câu 46. Sự kiện đánh dấu chế độ phong kiến sụp đổ ở Việt Nam là

- A. vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.
- B. Nhật vào Đông Dương, thành lập chính phủ Trần Trọng Kim.
- C. Ở miền Nam, Mỹ dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.
- D. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản “Tuyên ngôn độc lập”.

** Câu 47. Sự kiện mở ra thời kỳ giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội là

- A. cách mạng tháng Tám năm 1945.

- B. kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).
- C. kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954-1975).
- D. công cuộc đổi mới từ 1986.

*** Câu 48. *“Hỡi quốc dân đồng bào !..Phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân Nhật đã bị tan rã tại khắp các mặt trận, kẻ thù chúng ta đã ngã gục ...”*. Câu nói đó thể hiện điều gì trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

- A. thời cơ chủ quan thuận lợi
- B. thời cơ khách quan thuận lợi .
- C. thời kì tiền khởi nghĩa đã bắt đầu.
- D. cách mạng tháng Tám đã thành công.

*** Câu 49. Đêm ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương tạo nên cuộc khủng hoảng nào ở Đông Dương?

- A. Cuộc khủng hoảng về kinh tế.
- B. Cuộc khủng hoảng về văn hóa.
- C. Cuộc khủng hoảng về xã hội.
- D. cuộc khủng hoảng chính trị ở Đông Dương.

*** Câu 50. Tính chất của cách mạng tháng Tám là

- A. cách mạng vô sản.
- B. cách mạng tư sản.
- C. cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
- D. cách mạng dân tộc, dân chủ, nhân dân

*** Câu 51. Đoạn văn sau đây được Nguyễn Ái Quốc trình bày trong

“Nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm sau cũng không đòi được”.

- A. hội nghị Trung ương Đảng lần 6 (11/1939).
- B. hội nghị Trung ương Đảng lần 8 (5/1941).
- C. “Tuyên ngôn độc lập” (2/9/1945).
- D. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” (19/12/1946).

*** Câu 52. Hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. Bắc Sơn-Võ Nhai.
- B. Căn cứ Cao Bằng.
- C. Căn cứ Cao-Bắc-Lạng.
- D. Khu giải phóng Việt Bắc.

*** Câu 53. Mục đích của Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay là

- A. phá hoại nền nông nghiệp của ta.
- B. phát triển trồng cây công nghiệp.

C. phát triển nền kinh tế công nghiệp.

D. lấy nguyên liệu phục vụ chiến tranh.

*** Câu 54. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941) có tầm quan trọng đặc biệt đối với Cách mạng tháng Tám 1945 vì

A. giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

B. chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

C. củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

D. hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Hội nghị Trung ương lần thứ 6.

*** Câu 55. Tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời trong thời điểm lịch sử

A. Hội nghị toàn quốc diễn ra từ ngày 13 đến 15/8/1945.

B. Đại hội quốc dân Tân Trào (16 đến 18/8/1945).

C. khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội (19/8/1945).

D. “Tuyên ngôn độc lập” ngày 2/9/1945.

*** 56. Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

A. do sự đoàn kết của toàn Đảng, toàn dân.

B. do chiến thắng của Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh.

C. quá trình chuẩn bị chu đáo của toàn Đảng, toàn dân trong suốt 15 năm.

D. do Đảng cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

*** 57. “Việc thực hiện chính sách hai mặt: Một mặt chúng vẫn tiếp tục đàn áp bóc lột nhân dân ta. Mặt khác đưa ra nhiều thủ đoạn lừa bịp hòng làm cho nhân dân ta tưởng chúng là “bạn” chứ không phải là “thù”. Đó là chính sách của

A. thực dân Pháp.

B. phát xít Nhật.

C. tay sai phong kiến.

D. thực dân Pháp và phát xít Nhật.

*** Câu 58. Mặt trận giữ vai trò chuẩn bị trực tiếp, quyết định cho Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam là

A. Mặt trận Liên Việt.

B. Mặt trận Việt Minh.

C. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

D. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

*** Câu 59. Yếu tố tác động làm cho cách mạng tháng Tám 1945 nổ ra và giành được thắng lợi nhanh chóng, ít đổ máu là

A. do thời cơ chủ quan thuận lợi.

B. do thời cơ khách quan thuận lợi.

C. do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

D. do nhân dân ta vùng lên đấu tranh đồng loạt ở khắp các địa phương.

*** Câu 60. Khoảng thời gian từ khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Việt Nam năm 1945 được gọi là

- A. thời cơ thuận lợi.
- B. thời cơ “ngàn năm có một”.
- C. điều kiện khách quan thuận lợi.
- D. khoảnh khắc “ngàn cân treo sợi tóc”.

*** Câu 61. Bản “Tuyên ngôn độc lập” ngày 2-9-1945 ở Việt Nam đã tuyên bố thành lập nhà nước

- A. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- B. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- C. Việt Nam Cộng hòa.
- D. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

*** Câu 62. Tổ chức có nhiệm vụ chỉ huy các chiến khu ở Bắc Kỳ và giúp đỡ cả nước về quân sự trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

- A. Cứu quốc quân.
- B. Đội Việt Nam giải phóng quân.
- C. Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ.
- D. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

ĐÁP ÁN

1 A	2 C	3 D	4 D	5 B	6 C	7 D	8 D	9 D	10 D
11 A	12 C	13 D	14 D	15 B	16 D	17 C	18 A	19 A	20 B
21 B	22 A	23 C	24 B	25 B	26 A	27 C	28 B	29 C	30 B
31 A	32 C	33 A	34 C	35 A	36 C	37 A	38 C	39 A	40 D
41 D	42 A	43 C	44 A	45 B	46 A	47 A	48 B	49 D	50 D
51 B	52 D	53 D	54 D	55 D	56 D	57 B	58 B	59 B	60 B
61 A	62 C								

Bài 17:

NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA TỪ SAU NGÀY 2/9/1945 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 19/12/1946

Câu 1().** Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, để giải quyết căn bản nạn đói, Đảng và nhân dân ta đã thực hiện biện pháp có tính hàng đầu và lâu dài là

- A. quyên góp, điều hòa thóc gạo giữa các địa phương trong cả nước.
- B. nghiêm trị những người đầu cơ, tích trữ gạo.
- C. phát động phong trào “nhường cơm sẻ áo”, “hũ gạo cứu đói”...
- D. kêu gọi “ Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!”.

Câu 2(*). Thời điểm quân Trung Hoa Dân quốc với danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật ở miền Bắc nước ta là

- A. ngay sau khi khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thắng lợi.
- B. một tuần sau khi khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thắng lợi.
- C. mười ngày sau khi khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thắng lợi.
- D. hai tuần sau khi khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thắng lợi.

Câu 3(*). Bản Hiệp ước Hoa – Pháp kí ngày 28 – 2 -1946 có nội dung chính là

A. Pháp trả lại Trung Hoa Dân quốc các tô giới nhượng địa của Pháp trên đất Trung Quốc và Pháp được vận chuyển hàng hóa qua cảng Hải Phòng vào Vân Nam không phải đóng thuế

B. Pháp và quân Trung Hoa Dân quốc cùng công nhận chính phủ Việt Nam dân chủ Cộng hòa và rút hết quân khỏi Việt Nam.

C. Pháp được đưa quân ra miền Bắc Việt Nam thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật.

D. Pháp và quân Trung Hoa Dân quốc không công nhận chính phủ Việt Nam dân chủ Cộng hòa và rút hết quân khỏi Việt Nam.

Câu 4(*). Bản Tạm ước ngày 14 – 9 -1946 do chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí với đại diện Chính phủ Pháp có ý nghĩa

A. chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.

B. tạo cho ta thời gian hoà hoãn để xây dựng, củng cố lực lượng chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp.

C. giúp ta tránh được cuộc chiến đấu bất lợi vì phải chống lại nhiều kẻ thù cùng một lúc.

D. giúp ta đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc cùng bọn tay sai ra khỏi nước ta.

Câu 5(*). Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho Hội nghị Phôngtennôblô (Pháp) không có kết quả?

A. Thực dân Pháp thực hiện âm mưu kéo dài chiến tranh xâm lược nước ta.

B. Thời gian đàm phán ngắn.

C. Ta chưa có kinh nghiệm trong đấu tranh ngoại giao.

D. Ta không có được sự ủng hộ của nhân dân thế giới.

Câu 6(*). Kì họp đầu tiên tại Hà Nội vào ngày 2/3/1946, Quốc hội đã xác nhận thành tích của

A. chính phủ lâm thời.

B. Đảng cộng sản Đông Dương.

C. cách mạng Việt Nam.

D. phong trào công nhân.

Câu 7(). Trước 6/3/1946, Đảng, Chính phủ, chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện sách lược gì?**

A. Hoà với Trung Hoa Dân Quốc để đánh Pháp.

- B. Hoà với Pháp để đuổi Trung Hoa Dân Quốc.
- C. Hoà cả Trung Hoa Dân quốc và Pháp để củng cố lực lượng.
- D. Chống cả Pháp và Trung Hoa Dân Quốc.

Câu 8(*). Nhằm khắc phục tình trạng trống rỗng về ngân sách của chính phủ sau cách mạng tháng Tám, nhân dân ta đã hưởng ứng phong trào nào?

- A. “Ngày đồng tâm”.
- B. “Tuần lễ vàng”.
- C. “Quy độc lập”.
- D. “Quy đảm phụ quốc phòng”.

Câu 9(*). Sự kiện nào chứng tỏ thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai?

- A. Ngày 2/9/1945, khi nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng ngày độc lập, thực dân Pháp đã xả súng vào dân chúng.
- B. Đêm 22 rạng sáng 23/9/1945, Thực dân Pháp cho quân đánh úp trụ sở ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn.
- C. Hạ tuần tháng 11/1946 quân Pháp khiêu khích tiến công ta ở Hải Phòng và Lạng Sơn.
- D. Ngày 18/12/1946, Pháp gửi tới hậu thư đòi chính phủ ta phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu để cho quân Pháp làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự ở Hà nội.

Câu 10(*). Chủ tịch Hồ chí minh kêu gọi đồng bào thực hiện “ tuần lễ vàng”, “quỹ độc lập” nhằm mục đích gì?

- A. Giải quyết khó khăn về tài chính của đất nước.
- B. Quyên góp tiền để xây dựng đất nước.
- C. Quyên góp vàng, bạc để xây dựng đất nước.
- D. Đề hỗ trợ việc giải quyết nạn đói.

Câu 11(). Sau Cách mạng tháng Tám 1945, ở Việt Nam kẻ thù nào là nguy hiểm nhất?**

- A. Trung Hoa Dân Quốc.
- B. Phát xít Nhật.
- C. Thực dân Anh.
- D. Thực dân Pháp.

Câu 12(*). Để đối phó với Trung Hoa Dân quốc và Pháp, Đảng và Bác đã thực hiện chủ trương biện pháp nào sau đây được xem là đau đớn nhất để cứu vãn tình hình?**

- A. Đề Trung Hoa Dân quốc được tham gia vào Quốc hội và nhân nhượng cho chúng một số quyền lợi kinh tế.
- B. Đảng cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán(11/11/1945) sự thật là rút vào hoạt động bí mật.
- C. Nhận tiền của Trung Hoa Dân quốc.
- D. Kí Hiệp định Sơ bộ với Pháp, để cho Pháp ra miền Bắc.

Câu 13(). Việc kí hiệp định sơ bộ 6/3/1946 của Đảng ta đã chứng tỏ**

- A. sự mềm dẻo của ta trong việc phân hóa kẻ thù.
- B. chủ trương đúng đắn kịp thời của Đảng ta.
- C. sự thỏa hiệp của Đảng và Chính phủ ta.
- D. sự non yếu trong đường lối lãnh đạo của ta.

Câu 14(). Lí do nào cơ bản nhất để ta hoà hoãn, nhân nhượng cho Trung Hoa Dân quốc một số quyền lợi về kinh tế- chính trị?**

- A. Ta đủ sức đánh hai vạn quân Trung Hoa Dân Quốc.
- B. Tránh tình trạng cùng một lúc phải đối đầu với nhiều kẻ thù.
- C. Tránh thực dân Pháp thực hiện tiến công ra Bắc.
- D. Tránh Pháp và Trung Hoa Dân quốc câu kết với nhau.

Câu 15(*). Sự kiện nổi bật diễn ra vào chiều 6/3/1946, tại Hà Nội là

- A. chủ tịch Hồ Chí Minh kí với đại diện chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ.
- B. chủ tịch Hồ Chí Minh kí với đại diện chính phủ Pháp bản Tạm ước.
- C. thực dân Pháp kí với Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc Hiệp ước Hoa – Pháp.
- D. cuộc đàm phán chính thức giữa hai chính phủ Việt Nam và Pháp.

Câu 16(). Nội dung nào dưới đây thể hiện tính nguyên tắc trong Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946?**

- A. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do nằm trong liên hiệp Pháp.
- B. Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ.
- C. Việt Nam có chính phủ riêng, nghị viện riêng, có quân đội riêng và tài chính riêng.
- D. Chính phủ Việt Nam chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra miền Bắc Việt Nam.

Câu 17(). Việc ký kết Hiệp định Sơ bộ, ngày 6/3/1946 của ta nhằm mục đích gì?**

- A. Chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.
- B. Phân hóa kẻ thù, tập trung đánh kẻ thù chủ yếu.
- C. Tạo điều kiện để xây dựng đất nước sau chiến tranh.
- D. Thể hiện thiện chí của ta trên trường quốc tế.

Câu 18(). Sự kiện nổi bật diễn ra vào ngày 3/3/1946, ở Việt Nam là**

- A. thực dân Pháp kí với Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc Hiệp ước Hoa – Pháp.

- B. Hiệp định sơ bộ được kí kết.
- C. Ban Thường vụ TW Đảng họp, đã chọn giải pháp “ hòa để tiến”.
- D. Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố “ tự giải tán”.

Câu 19().Tác động của Hiệp định sơ bộ đối với quân đội Tưởng ở miền Bắc là**

- A. vô hiệu hóa quân đội Tưởng ở Miền Bắc.
- B. dùng bàn tay Pháp đuổi quân đội Tưởng ra khỏi miền Bắc.
- C. lợi dụng được quân đội Tưởng để đánh Pháp.
- D. vô hiệu hóa quân đội Tưởng và Pháp ở Miền Bắc.

Câu 20(*).Nội dung nào dưới đây không nằm trong Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946?

- A. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là quốc gia tự do.
- B. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra Bắc và rút dần trong 5 năm.
- C. Ta tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi kinh tế và văn hóa.
- D. Hai bên thực hiện ngừng mọi cuộc xung đột ở phía Nam.

Câu 21().Thái độ của thực dân Pháp sau khi kí Hiệp định sơ bộ (6-3) và Tạm ước (14-9) năm 1946 là**

- A. thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định và Tạm ước.
- B. chỉ thi hành Hiệp định, không thi thành Tạm ước.
- C. chỉ thi hành Tạm ước, không thi hành Hiệp định.
- D. ngang nhiên xé bỏ Hiệp định và Tạm ước.

Câu 22().Sau thời kì đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng từ tháng 9/1945 đến tháng 12/1946, đất nước ta bước vào thời kì nào?**

- A. Xây dựng phát triển kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.
- B. Đấu tranh chống các thế lực thù địch.
- C. Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.
- D. Tiếp tục đấu tranh chống Pháp và Tưởng.

Câu 23(*).Sự kiện nổi bật diễn ra vào ngày 2/3/1946, tại Hà Nội là

- A. Hiệp định sơ bộ được kí kết.
- B. Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với Pháp bản Tạm ước.
- C. Trung Hoa Dân quốc và Pháp kí Hiệp ước Hoa – Pháp.
- D. Kì họp đầu tiên, Quốc hội khóa I.

Câu 24().Thiện chí của ta thể hiện trong “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh là**

- A. chúng ta muốn hòa bình. Chúng ta phải nhân nhượng.
- B. chúng ta muốn hòa bình. Chúng ta đã kí hiệp định sơ bộ.
- C. chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ.
- D. chúng ta phải nhân nhượng.

Câu 25().Rạng sáng ngày 23/9/1945 đã diễn ra sự kiện lịch sử nào?**

- A. Quân Anh đến Sài Gòn làm nhiệm vụ giải giáp lực lượng phát xít Nhật.
- B. Lực lượng quân Tưởng vào miền Bắc làm nhiệm vụ giải giáp phát xít Nhật.
- C. Nhân dân Sài Gòn tổ chức mít tinh chào mừng ngày đất nước được độc lập.
- D. Thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu quá trình quay trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai.

Câu 26(*). Sau cách mạng tháng Tám, nước ta phải đối phó với nhiều khó khăn như thế nào?

- A. Nạn đói, nạn dốt, thù trong giặc ngoài.
- B. Nạn đói, nạn dốt,ngân sách nhà nước trống rỗng.
- C. Nạn đói, nạn dốt,ngân sách nhà nước trống rỗng, giặc ngoại xâm và nội phản.
- D. Nạn đói, nạn dốt, nội phản.

Câu 27(). Thuận lợi cơ bản sau cách mạng tháng Tám năm 1945 ở nước ta là**

- A. nhân dân lao động đã giành được chính quyền, tích cực xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.
- B. phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao ở nhiều nước thuộc địa, phụ thuộc.
- C. hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành, phong trào đấu tranh vì hòa bình dân chủ phát triển.
- D. hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành, phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao.

Câu 28(): Sự kiện nào sau đây được coi là nguyên nhân để Đảng ta thay đổi chiến lược từ hòa hoãn với quân Trung hoa Dân quốc để chống Pháp sang hòa hoãn với Pháp để đuổi quân Trung hoa Dân quốc?**

- A. Quốc Hội khóa I(2/3/1946) nhường cho quân Trung Hoa Dân quốc 70 ghế trong Quốc Hội.
- B. Hiệp ước Hoa – Pháp ngày 28/2/1946.
- C. Hiệp định sơ bộ(6/3/1946).

D. Tạm ước Việt – Pháp(14/9/1946).

Câu 29(). Kẻ thù nào dọn đường tiếp tay cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta?**

A. Bọn Việt quốc, Việt cách.

B. Đế quốc Anh.

C. Các lực lượng phản cách mạng trong nước.

D. Bọn Nhật đang còn tại Việt Nam.

Câu 30(). Lý do nào là quan trọng nhất để Đảng ta chủ trương khi thì tạm thời hòa hoãn với Tưởng để chống Pháp, khi thì hòa hoãn với Pháp để đuổi Tưởng?**

A. Tưởng dùng bọn tay sai Việt quốc, Việt cách để phá ta từ bên trong.

B. Thực dân Pháp được sự giúp đỡ hậu thuẫn của Anh.

C. Chính quyền của ta còn non trẻ không thể một lúc chống hai kẻ thù mạnh.

D. Tưởng có nhiều âm mưu chống phá cách mạng.

Câu 31(*). Khi Thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta, mở đầu là cuộc chiến đấu của quân dân ta ở đâu?

A. Sài Gòn - Chợ Lớn cùng với Nam Bộ.

B. Nam Bộ cùng với Trung Bộ.

C. Trung Bộ cùng với Sài Gòn - Chợ Lớn.

D. Bến tre.

Câu 32(*). Nội dung đầu tiên của Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946 mà chính phủ ta kí với Pháp là

A. chính phủ Pháp công nhận nước ta là một nước độc lập, tự do nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

B. chính phủ Pháp công nhận nước VNDCCH là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

C. chính phủ VNDCCH thỏa thuận cho 15000 quân Pháp ra Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc.

D. Hai bên ngừng mọi cuộc xung đột ở phía Nam.

Câu 33(). Điều khoản nào trong Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946 có lợi thực tế cho ta?**

A. Pháp công nhận VNDCCH là một quốc gia tự do.

B. Pháp công nhận ta có chính phủ, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

C. Chính phủ Việt Nam thỏa thuận cho 15000 quân Pháp ra Bắc thay quân Tưởng.

D. Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.

Câu 34(*). Nội dung nào dưới đây không phải là lý do khiến ta thực hiện đường lối kháng chiến lâu dài?

- A. Ta cần có thời gian để chuẩn bị lực lượng.
- B. Từ đầu cuộc kháng chiến ta yếu hơn địch.
- C. Hậu phương của ta chưa vững mạnh.
- D. Ta gặp khó khăn về phương pháp đấu tranh.

Câu 35(). Việc kí hiệp định sơ bộ 06/03/1946 chứng tỏ**

- A. sự mềm dẻo của Đảng ta trong việc phân hoá kẻ thù.
- B. đường lối, chủ trương đúng đắn kịp thời của Đảng ta.
- C. sự thoả hiệp của Đảng ta và chính phủ ta.
- D. sự non yếu trong lãnh đạo của Đảng ta.

Câu 36() . Thắng lợi của tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 đã**

- A. thể hiện tinh thần yêu nước và khối đoàn kết toàn dân.
- B. xây dựng được chế độ mới được lòng dân, đất nước vượt qua khó khăn thử thách.
- C. đất nước vượt qua khó khăn thử thách.
- D. thể hiện tinh thần yêu nước và khối đoàn kết toàn dân, xây dựng được chế độ mới được lòng dân.

Câu 37() . Ta nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi trong Tạm ước 14/09/1946 là**

- A. một số quyền lợi về kinh tế và văn hoá.
- B. chấp nhận cho Pháp đưa 15 nghìn quân ra Bắc.
- C. một số quyền lợi về chính trị và quân sự.
- D. một số quyền lợi về kinh tế và quân sự.

Câu 38() . Hãy điền các từ đúng vào câu sau đây : “Bằng việc kí Hiệp định sơ bộ ngày 06/03 và Tạm ước 14/09/1946 chúng ta đã đập tan âm mưu của..... để chống lại ta”**

- A. đế quốc Mỹ câu kết với Tưởng
- B. đế quốc Pháp câu kết với Tưởng
- C. Tưởng câu kết với Pháp
- D. đế quốc Pháp câu kết với Anh

Câu 39(*).Sau bầu cử Quốc hội, chính quyền cách mạng ở các địa phương được thành lập có tên gọi là

- A. Ủy ban nhân dân.
- B. Hội đồng nhân dân.

C. Ủy ban cách mạng.

D. Ủy ban hành chính các cấp.

Câu 40(). Khó khăn lớn nhất đưa chính quyền cách mạng nước ta sau ngày 2/9/1945 vào tình thế : « ngàn cân treo sợi tóc » là**

- A. các tổ chức phản cách mạng trong nước ngóc đầu dậy chống phá cách mạng.
- B. nạn đói, nạn dốt đang đe dọa nghiêm trọng.
- C. âm mưu của Tưởng và Pháp.
- D. ngân quỹ nhà nước trống rỗng.

Câu 41 (*). Kẻ thù nguy hiểm nhất trên lãnh thổ đất nước ta sau cách mạng tháng Tám năm 1945 là**

A. Anh.

B. Pháp.

C. Tưởng.

D. Mĩ.

Câu 42 (**) Chọn một câu trả lời đúng nhất trong số các câu từ A đến D để điền vào chỗ trống hoàn thiện đoạn tư liệu nói về quan điểm của Đảng ta trong việc đối phó với Trung Hoa Dân Quốc sau khi Hiệp ước Hoa- Pháp được kí kết. « Hiệp ước Hoa- Pháp đặt nhân dân ta trước sự lựa chọn một trong hai con đường: hoặc (1)chiến đấu chống thực dân Pháp, không cho chúng (2)hoặc hoà hoãn, nhân nhượng với Pháp để tránh tình trạng (3) »**

- A. đoàn kết- chuyển lực lượng ra miền Bắc- mất tinh thần
- B. cầm súng- đổ bộ lên miền Bắc- phải đối phó cùng một lúc với nhiều kẻ thù.
- C. tiếp tục- có cơ hội xâm lược- thất bại
- D. chấp nhận- thực hiện ý đồ xâm lược- Pháp giành thắng lợi

1 D	2 B	3 C	4 B	5 A	6 A	7 A	8 B	9 B	10 A
11 D	12 B	13 B	14 B	15 A	16 C	17 D	18 C	19 B	20 C
21 D	22 C	23 D	24 A	25 D	26 C	27 A	28 B	29 B	30 C
31 A	32 B	33 D	34 D	35 B	36 D	37 A	38 B	39 D	40 C
41 B	42 B								

BÀI 18

NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946-1950)

***Câu 1.** Cuộc chiến đấu ở các đô thị kết thúc vào tháng

A. 4 – 1947.

B. 2 – 1947.

C. 6 – 1947.

D. 10 – 1947.

*****Câu 2.** Thiện chí của ta thể hiện trong “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh là

A. kêu gọi toàn dân tham gia kháng chiến.

B. chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng.

C. chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã kí hiệp định sơ bộ.

D. chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước.

****Câu 3.** Trong chiến dịch Việt Bắc thu đông năm 1947 thực dân Pháp bị phá sản âm mưu

A. đánh úp.

B. đánh nhanh, thắng nhanh.

C. dùng người Việt trị người Việt.

D. lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

****Câu 4.** Chiến thắng đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta tiến lên bước phát triển mới là

A. cuộc chiến đấu ở các đô thị.
1947.

B. chiến dịch Việt Bắc thu - đông

C. chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.
1954.

D. chiến dịch Điện Biên Phủ - đông

***Câu 5.** Trận chiến đấu ác liệt nhất trong Chiến dịch Biên giới thu-đông 1950 là

A. Thất Khê.

B. Cao Bằng.

C. Đông Khê.

D. Đình Lập.

****Câu 6.** Ý nào sau đây phản ánh không đúng ý nghĩa của cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16?

A. Tạo điều kiện cho cả nước bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.

B. Giam chân địch ở các đô thị, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch.

C. Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp.

D. Bảo đảm cho cơ quan đầu não của Đảng và chính phủ rút về chiến khu an toàn.

****Câu 7.** Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng (1946-1954) không nằm trong nội dung của văn kiện nào?

A. Hiệp định Sơ Bộ 6/3/1946.

B. Chỉ thị toàn dân kháng chiến của Đảng.

C. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

D. Tác phẩm kháng chiến nhất định thắng lợi của Trường Chinh.

****Câu 8.** Chính sách thực dân Pháp tăng cường từ sau chiến dịch Việt Bắc Thu đông năm 1947 ở Việt Nam là

A. “ Phòng ngự ở đồng bằng Bắc Bộ”.

B. “ Mở rộng địa bàn chiếm đóng khắp cả nước”.

C. “Tập trung quân Âu Phi mở cuộc tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai”.

D. “ Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”.

****Câu 9.** Ý nào sau đây phản ánh **không** đúng ý nghĩa của chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950?

A. Mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

B. Tạo điều kiện cho cả nước bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.

- C. Con đường liên lạc của ta với các nước XHCN được khai thông.
- D. Quân đội ta giành được thế chủ động trên chiến trường chính ở Bắc Bộ.

*****Câu 10.** Thái độ của thực dân Pháp sau khi kí Hiệp định sơ bộ (6-3) và Tạm ước (14-9) năm 1946 là

- A. thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định và Tạm ước.
- B. chỉ thi hành Hiệp định, không thi thành Tạm ước.
- C. chỉ thi hành Tạm ước, không thi hành Hiệp định.
- D. đẩy mạnh chuẩn bị chiến tranh xâm lược nước ta lần nữa.**

***Câu 11.** Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ đầu tiên tại

- A. Hải Phòng.
- B. Đà Nẵng.
- C. Hải Dương.
- D. Hà Nội.**

*****Câu 12.** Sau thời kì đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng từ tháng 9/1945 đến tháng 12/1946, đất nước ta bước vào thời kì

- A. Đấu tranh chống các thế lực thù địch .
- B. Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.**
- C. Tiếp tục đấu tranh chống Pháp và Tưởng .
- D. Xây dựng phát triển kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

****Câu 13.** Người trực tiếp nghiên cứu, phê phán chỉ đạo kế hoạch tác chiến từ Trung ương đến địa phương phục vụ cho chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 là

- A. Trường Chinh
- B. Võ Nguyên Giáp
- C. Phạm Văn Đồng
- D. Hồ Chí Minh**

*****Câu 14.** Ý nào sau đây phản ánh **không** đúng lí do ta phải kháng chiến chống Pháp (1946-1954) lâu dài

- A. Ta cần thời gian để chuẩn bị lực lượng.
- B. Hậu phương của ta chưa vững mạnh.
- C. Thế giới chưa ủng hộ cuộc kháng chiến của ta.**
- D. Từ đầu cuộc kháng chiến ta yếu hơn địch.

****Câu 15.** Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, khai thông Biên giới Việt -Trung, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, là mục tiêu của chiến dịch

- A. Cuộc chiến đấu ở các đô thị
- B. Việt Bắc thu - đông 1947
- C. Biên giới thu - đông 1950**
- D. Điện Biên Phủ - đông 1954

******Câu 16.** Tính nhân dân của cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954) thể hiện ở

- A. mục đích kháng chiến của Đảng ta
- B. đường lối kháng chiến của Đảng ta
- C. nội dung kháng chiến toàn dân của Đảng ta**
- D. quyết tâm kháng chiến của toàn thể dân tộc ta

****Câu 17.** Quyết định toàn quốc kháng chiến chống Pháp của Ban thường vụ Trung ương Đảng họp (18-19/12/1946) thông qua tại

- A. làng Đình Bảng- Bắc Ninh.
- B. số 312 Khâm Thiên -Hà Nội.

C. số 48 Hàng Ngang -Hà Nội. **D. làng Vạn Phúc -Hà Đông.**

*****Câu 18.** Thực dân Pháp thực hiện “kế hoạch Rơ ve” nhằm mục đích

A. thiết lập các xứ Thái, Nùng tự trị.

B. thu hút lực lượng chủ lực của ta để tiêu diệt.

C. khẳng định ưu thế về sức mạnh quân sự của Pháp.

D. “khóa cửa Biên giới Việt Trung” và “cô lập căn cứ địa Việt Bắc”.

*****Câu 19.** Thắng lợi lớn nhất trong chiến dịch Biên giới thu đông 1950 là

A. loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8000 địch.

B. bộ đội ta trưởng thành hơn trong chiến đấu.

C. giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

D. giải phóng đường biên giới Việt Trung từ Cao Bằng đến Đình Lập.

****Câu 20.** Hai hệ thống phòng ngự mà Pháp thiết lập ở Việt Nam năm 1950 là

A. xây dựng “Vành đai trắng” và bao vây Việt Bắc.

B. hệ thống phòng ngự đồng bằng Bắc Bộ và Trung Du.

C. hệ thống phòng ngự trên đường số 4 và hành lang Đông Tây

D. phòng tuyến “Boongke” và “Vành đai trắng” ở đồng bằng Bắc Bộ.

****Câu 21.** Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng ta (1946-1954) là

A. kháng chiến toàn diện và trường kì.

B. phải liên kết với cuộc kháng chiến của Lào và Campuchia.

C. kháng chiến dựa vào sức mình và tranh thủ sự ủng hộ từ bên ngoài.

D. Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ từ bên ngoài .

*****Câu 22.** Mặt trận chủ yếu quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp là

A. quân sự B. chính trị C. kinh tế D. ngoại giao

***Câu 23.** Tác phẩm “kháng chiến nhất định thắng lợi” của...

A. Chủ tịch Hồ Chí Minh

B. Trường Chinh

C. Phạm Văn Đồng

D. Võ Nguyên Giáp

******Câu 24.** Ý nào sau đây phản ánh **không** đúng mục đích của cuộc kháng chiến chống Pháp giai đoạn đầu

A. Để vây hãm địch, đảm bảo việc chuyển quân của ta.

B. Để giành thế chủ động trên chiến trường chính ở Bắc Bộ.

C. Để hậu phương kịp thời huy động lực lượng kháng chiến.

D. Ta chủ động tiến công, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.

****Câu 25.** Ý nào sau đây phản ánh **không** đúng mục đích của Pháp khi mở cuộc tấn công lên Việt Bắc?

A. Phá hậu phương kháng chiến, chặn đường tiếp tế.

B. Phá vỡ thế chủ động của ta, thành lập chính phủ bù nhìn.

C. Giành thắng lợi quân sự quyết định, kết thúc nhanh chiến tranh.

D. Phá căn cứ địa chính của cả nước, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta

***Câu 26.** Thắng lợi tiếp theo có ý nghĩa to lớn sau chiến dịch Việt Bắc năm 1947 là

A. Thắng lợi về kinh tế, chính trị.

B. Thắng lợi về kinh tế, ngoại giao.

C. Thắng lợi về chính trị, ngoại giao.

D. Thắng lợi về ngoại giao, văn hóa, giáo dục.

***Câu 27.** Nước đầu tiên công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ Việt Nam là

A. Lào.

B. Liên Xô.

C. Trung Quốc.

D. Campuchia.

*****Câu 28.** Ý nào sau đây phản ánh **không** đúng những thuận lợi của ta trước khi mở chiến dịch Biên Giới 1950?

A. 1/10/1949 cách mạng Trung Quốc thành công.

B. 13/5/1949 chính phủ Pháp đề ra kế hoạch Rơ ve.

C. Nhân dân tiến bộ trên thế giới phản đối cuộc chiến tranh của Pháp tại Đông Dương.

D. Tháng 1/1950 các nước XHCN lần lượt đặt quan hệ ngoại giao với nước VNDCCH.

******Câu 29.** Ngày 18 và 19/12/1946 Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định vấn đề quan trọng

A. Quyết định ký Hiệp định Sơ bộ với Pháp.

B. Hoà hoãn với Pháp để kí Hiệp định Fontainebleau.

C. Quyết định ủng hộ dân nhân miền Nam kháng Pháp.

D. Phát động toàn quốc kháng chiến và đề ra đường lối kháng chiến.

*****Câu 30.** “Không! chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.” câu văn trên trích trong văn bản

A. Hịch Việt Minh.

B. Tuyên ngôn độc lập.

C. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến..

D. Lời kêu gọi nhân ngày thành lập

Đảng.

****Câu 31.** Nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc là

A. Quân ta khiêu khích Pháp.

B. Hội nghị Fontainebleau thất bại.

C. Nhân dân tự phát nổi dậy đánh Pháp.

D. Pháp gửi tới hậu thư buộc ta phải đầu hàng

****Câu 32.** Bản chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” do ai ban hành? Vào thời gian nào?

A. Đại hội Đảng lần II - 2/1951.

B. Trung ương Đảng - 22/2/1947.

C. Chủ tịch Hồ Chí Minh - 19/12/1946.

D. Ban Thường vụ Trung ương Đảng - 12/12/1946..

****Câu 33.** Hiệu lệnh chiến đấu trong toàn thủ đô Hà Nội, mở đầu cho cuộc kháng chiến toàn quốc là

- A. Pháp ném bom Hà Nội.
- B. Quân dân Hà Nội phá nhà máy xe lửa.
- C. Nhà máy nước Hà Nội ngừng hoạt động.
- D. Tối 19/12/1946, công nhân nhà máy Yên Phụ phá máy.

*****Câu 34.** Lực lượng nào của ta giữ vai trò chủ yếu khi tiến hành cuộc chiến đấu ở Hà Nội

- A. Vệ quốc quân.
- B. Cứu quốc quân.
- C. Trung đoàn Thủ đô.
- D. Việt Nam giải phóng quân.

****Câu 35.** “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh!” là lời khen ngợi của Hồ Chủ tịch đối với

- A. Vệ Quốc Quân.
- B. Đội Cứu quốc quân.
- C. Trung đoàn Thủ đô.
- D. Việt Nam giải phóng quân.

******Câu 36.** Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược đã bùng nổ do

- A. những hành động ngang ngược của Tưởng và tay sai.
- B. được Mỹ giúp sức, thực dân Pháp đã nổ súng xâm lược nước ta.
- C. quân Pháp được quân Anh che chở nên đã nổ súng xâm lược nước ta.
- D. những hành động phá hoại Hiệp định sơ bộ và Tạm ước Việt – Pháp của thực dân Pháp.

******Câu 37.** Bản chỉ thị “Tòan dân kháng chiến” của Ban thường vụ trung ương Đảng (12-12-1946) trình bày vấn đề

- A. Kêu gọi toàn dân tham gia kháng chiến chống Pháp.
- B. Kêu gọi các nước trên thế giới ủng hộ cuộc kháng chiến của ta.
- C. Biểu dương tinh thần chiến đấu dũng cảm của trung đoàn thủ đô.
- D. Khái quát những nội dung cơ bản về đường lối kháng chiến chống Pháp..

******Câu 38.** Chọn câu trả lời đúng nhất trong số các câu từ A đến D điền vào dấu chấm (...) để hoàn thiện đoạn tư liệu về Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

“...Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải (a....). Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng (b.....)!”

- A. a. đấu tranh, b. cướp nước ta lần nữa.
- B. a. nhượng bộ Pháp, b. sợ bị thất bại tại Việt Nam.
- C. a. nhân nhượng, b. quyết tâm cướp nước ta lần nữa.
- D. a. nhân nhượng, b. muốn hoàn thành cuộc chiến tranh.

*****Câu 39.** Ngày 18-12-1946, Pháp gửi tối hậu thư đòi chính phủ ta phải giải tán lực lượng chiến đấu, để

A. quân Pháp chiếm đóng cơ quan Bộ Tài chính

B. cho quân Pháp làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự tại Hà Nội.

C. chậm nhất sáng 20-12-1946 Pháp sẽ nổ súng tấn công ta.

D. quân Pháp bắn súng, ném lựu đạn vào Hà Nội, Hải Phòng.

*****Câu 40.** Để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài Đảng, Chính phủ lãnh đạo và tổ chức nhân dân cả nước

A. xây dựng lực lượng kháng chiến về mọi mặt.

B. thực hiện nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc.

C. tập trung phát triển về kinh tế, văn hóa-xã hội.

D. thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện.

*****Câu 41.** Nội dung nào **không** nằm trong ý nghĩa của chiến dịch Biên giới thu-đông năm 1950

A. mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

B. quân đội ta giành thế chủ động trên chiến trường chính.

C. buộc thực dân Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

D. khai thông đường liên lạc của ta với các nước xã hội chủ nghĩa.

****Câu 42.** “Hành lang Đông-Tây” của Pháp nối liền 4 tỉnh

A. Hải Phòng- Hà Nội- Hòa Bình- Sơn La.

B. Hòa Bình- Sơn La- Hà Nội- Hải Phòng.

C. Lạng Sơn- Hải Phòng- Hà Nội- Hòa Bình.

D. Hòa Bình- Hà Nội- Hải Dương- Hải Phòng.

BÀI 19. Bước phát triển của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1951-1953)

Câu 1. *Bước sang giai đoạn từ 1951 đến 1953 cuộc xâm lược của Pháp có sự giúp đỡ chủ yếu của nước

A. Mĩ

B. Anh

C. Nhật

D. Đức

Câu 2. *Tháng 9 năm 1951, Mĩ kí với Bảo Đại hiệp ước hợp tác kinh tế Việt-Mĩ nhằm mục đích

A. trực tiếp ràng buộc chính phủ Bảo Đại vào Mĩ

B. thúc đẩy phát triển của kinh tế của chính phủ Bảo Đại

C. hạn chế sự phát triển kinh tế của Việt Nam

D. đưa cuộc kháng chiến của ta phát triển

Câu 3. * Cuối năm 1950, Pháp đề ra kế hoạch nào để mong muốn kết thúc chiến tranh?

- A. Kế hoạch Rơ_Ve
- B. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinh
- C. Kế hoạch Mác san
- D. Kế hoạch Nava

Câu 4. Sự kiện chính trị nào quan trọng nhất ở Việt Nam từ 1951-1952 ?

- A. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (tháng 2 năm 1951)
- B. Đại hội thống nhất Việt Minh- Liên Việt(tháng 3 năm 1951)
- C. Hội nghị thành lập “liên minh Việt-Miên-Lào”
- D. Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ I(tháng 5 năm 1952)

Câu 5.** Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất đã chọn được:

- A. 5 anh hùng
- B. 6 anh hùng
- C. 7 anh hùng
- D. 8 anh hùng

Câu 6.** Đại hội nào đã quyết định tách Đảng cộng sản Đông Dương để thành lập ở mỗi nước Việt Nam-Lào-Cam pu chia một Đảng Mác Lê Nin?

- A. Đại hội đại biểu lần thứ I Đảng cộng sản Đông Dương(3-1935)
- B. Đại hội đại biểu lần thứ II của đảng(2-1951)
- C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của đảng(9-1960)
- D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI(12-1986)

Câu 7.*Đại hội nào quyết định đưa Đảng cộng sản Đông Dương ra hoạt động công khai?

- A. Đại hội đại biểu lần thứ I Đảng cộng sản Đông Dương(3-1935)
- B. Đại hội đại biểu lần thứ II của đảng(2-1951)
- C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của đảng(9-1960)
- D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI(12-1986)

Câu 8.* Đại hội nào quyết định Đảng cộng sản đông dương đổi tên thành Đảng lao động Việt Nam?

- A. Đại hội đại biểu lần thứ I Đảng cộng sản Đông Dương(3-1935)
- B. Đại hội đại biểu lần thứ II của đảng(2-1951)
- C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của đảng(9-1960)
- D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI(12-1986)

Câu 9. *kế hoạch nào của Pháp đã làm cho cuộc kháng chiến của ta ở vùng sau lưng địch trở nên khó khăn?

- A. Kế hoạch Rove
- B. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinh
- C. Kế hoạch Macsan
- D. Kế hoạch Nava

Câu 10. **Một trong những điểm chính của kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinh là

- A. đánh phá hậu phương, thả thổ phỉ thả gián điệp
- B. giữ thế phòng ngự ở bắc bộ ở miền bắc

- C. ra sức phát triển nguy quân
- D. xây dựng đội quân cơ động chiến lược mạnh

Câu 11. **Đại hội kháng chiến thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp là

- A. Đại Hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng
- B. Đại Hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng
- C. Đại Hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng
- D. Đại Hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VI

Câu 12.* Đại Hội đại biểu lần thứ II của Đảng họp tại

- A. xã Vinh Quang (Chiêm Hóa-Tuyên Quang)
- B. Ma Cao (Trung Quốc)
- C. Thủ đô Hà Nội
- D. Hóc Môn (Gia Định)

Câu 13. **Cuối năm 1950 Pháp đề ra kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi là

- A. mong muốn kết thúc chiến tranh
- B. chuyển từ bại thành thắng
- C. phát triển lực lượng cơ động
- D. đánh phá hậu phương của ta

Câu 14.**** Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam do ai làm chủ tịch ?

- A. Tôn Đức Thắng
- B. Trường Chinh
- C. Lê Duẩn
- D. Nguyễn Văn Cừ

****Câu 15.** Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi Pháp đã thành lập

- A. “vành đai trắng” bao quanh Trung du và đồng bằng Bắc Bộ
- B. “vành đai trắng” bao quanh Trung du và đồng bằng Nam Bộ
- C. “vành đai trắng” bao quanh Trung du và đồng bằng sông Cửu Long
- D. “vành đai trắng” bao quanh Trung du và đồng bằng Duyên Hải Miền Trung

****Câu 16.** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng quyết định xuất bản

- A. báo giáo dục
- B. báo Nhân dân
- C. báo Tiền Phong
- D. báo đời sống

*****Câu 17.** Một trong những điểm giống nhau giữa kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi với kế hoạch Nava là

- A. thả thả phi ở khắp mọi nơi
- B. tập trung lực lượng ở đồng bằng Bắc Bộ
- C. xóa bỏ vùng tự do Liên khu V
- D. tiến hành “chiến tranh tổng lực”

Câu 18. ***Vì sao Đại Hội II của Đảng đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta ?

- A. Đưa Đảng tiếp tục hoạt động cách mạng
- B. Đảng ta tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến
- C. Đảng ta đã hoạt động công khai
- D. Đưa Đảng ra hoạt động công khai và đổi tên Đảng thành Đảng lao động Việt Nam

Câu 19. ****“Gấp rút tập trung quân Âu-Phi,xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh,ra sức phát triển nguy quân” đó là một trong những điểm chính của kế hoạch nào?

- A. Rove
- B. Nava
- C. Đờ Lát đơ Tátxinhi
- D. Đờ-cát-tơ-ri

Câu 20. ****Liên minh nhân dân Việt-Miên-Lào thành lập để đấu tranh chống

- A. Pháp và tay sai
- B. Pháp và can thiệp Mĩ
- C. Pháp-Nhật
- D. Pháp

BÀI 21 - XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 – 1965)

Câu 1.(NB) Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam mà nghị quyết Trung ương lần thứ 15 (1959) xác định là con đường nào sau đây?

- A. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.
- B. Giữ gìn và phát triển lực lượng chờ thời cơ.
- C. Chuyển từ hình thức vũ trang chống Pháp sang đấu tranh chính trị hoà bình chống Mỹ - Diệm.
- D. Thực hiện ngay hình thức tổng tiến công và nổi dậy giành chính quyền về tay nhân dân.

Câu 2. (NB)Đặc điểm nổi bật của tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ 1954 là đặc điểm nào sau đây?

- A. Đất nước bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau bởi những âm mưu và thủ đoạn của Mỹ - Diệm.
- B. Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng.
- C. Pháp rút quân ra khỏi miền Bắc và miền Nam Việt Nam.
- D. Pháp không tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử ở hai miền Bắc và Nam Việt Nam.

Câu 3.(NB) Sau thắng lợi của phong trào Đồng Khởi, mặt trận nào được thành lập?

- A. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
- B. Mặt trận dân chủ Đông Dương.
- C. Mặt trận Việt Minh.
- D. Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.

Câu 4.(NB) Nhằm đẩy lùi lực lượng cách mạng ra khỏi các xã, ấp, tách dân khỏi cách mạng, tiến tới bình định miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ đã tiến hành thủ đoạn nào sau đây?

- A. **Lập Ấp chiến lược nhanh chóng bình định miền Nam.**
- B. Tăng nhanh viện trợ quân sự và cố vấn cho Diệm.
- C. Thực hiện chính sách tổ cộng, diệt cộng.
- D. Đẩy mạnh tàn sát nhân dân, tiêu diệt những người kháng chiến cũ.

Câu 5.(TH) Chiến thắng nào mở ra khả năng quân và dân miền Nam có thể đánh bại hoàn toàn chiến lược *Chiến tranh đặc biệt*?

- A. **Chiến thắng Ấp Bắc.**
- B. Chiến thắng Vạn Tường.
- C. Chiến thắng Bình Giả.
- D. Chiến thắng Đồng Xoài.

Câu 6.(TH) Quân và dân miền Nam đã làm phá sản về cơ bản chiến lược “Chiến tranh Đặc biệt” của Mỹ với chiến thắng quân sự nào sau đây?

- A. **Bình Giả (Bà Rịa).**
- B. Ấp Bắc (Mỹ Tho).
- C. An Lão (Bình Định).
- D. Ba Gia (Quảng Ngãi).

Câu 7.(NB) Trong chiến lược *Chiến tranh Đặc biệt* (1961-1965) Mỹ –Diệm đã sử dụng lực chủ yếu nào?

- A. **Quân đội tay sai.**
- B. Quân viễn chinh Mỹ.
- C. Cố vấn Mỹ.
- D. Quân Mỹ và chư hầu.

Câu 8.(NB) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng(9/1960) đã xác định cách mạng miền Bắc có vai trò gì đối với sự nghiệp cách mạng của cả nước?

- A. **Có vai trò quyết định nhất .**
- B. Có vai trò quyết định trực tiếp.
- C. Có vai trò quyết định gián tiếp.
- D. có vai trò quan trọng.

Câu 9. (TH) Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công là ý nghĩa của phong trào nào?

A. Phong trào Đồng khởi (1959-1960).

B. Phong trào hoà bình (8/1954).

C. Phong trào chống tổ cộng diệt cộng của nhân dân miền Nam.

D. Phong trào phá Ấp chiến lược.

Câu 10(TH). Nội dung nào trong kế hoạch Giôn xơn – Mac Namara chứng tỏ đó là bước lùi của Mỹ so với kế hoạch Stalay – Taylo?

A. Bình định có trọng điểm miền Nam trong vòng hai năm.

B. Tăng nhanh viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn.

C. Đẩy mạnh việc lập Ấp chiến lược.

D. Tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn và cố vấn Mỹ.

Câu 11(NB): Nội dung nào sau đây của Đại hội đại biểu lần thứ III của Đảng (9-1960) xác định nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc?

A. Khôi phục kinh tế - xã hội, hàn gắn vết thương chiến tranh .

B. Đưa miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

C. Đấu tranh chống lại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ .

D. Ra sức chi viện cho tiền tuyến miền Nam đấu tranh chống Mỹ.

Câu 12: Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 (1-1959) của Đảng xác định phương pháp đấu tranh chủ yếu của cách mạng miền Nam là gì?

A. Bạo lực cách mạng.

B. Đấu tranh hoà bình.

C. Đấu tranh ngoại giao.

D. Kết hợp bạo lực cách mạng và đấu tranh ngoại giao.

Câu 13: Ngày 10 tháng 10 năm 1954 gắn liền với sự kiện nào dưới đây trong lịch sử dân tộc?

A. Quân đội Việt Nam tiếp quản thủ đô Hà Nội.

B. Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà.

C. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi.

D. Pháp buộc phải kí kết Hiệp định Giơnevơ.

Câu 14: Trong những năm (1961 – 1965), đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh nào dưới đây ở miền Nam Việt Nam?

A. Chiến tranh đặc biệt.

B. Chiến tranh cục bộ.

C. Việt Nam hóa chiến tranh.

D. Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 15: Trong chiến lược Chiến tranh đặc biệt, quân đội Sài Gòn sử dụng phổ biến chiến thuật nào dưới đây?

- A. Trục thẳng vận, thiết xa vận.
- B. Tìm diệt và bình định.
- C. Tràn ngập lãnh thổ.
- D. Bao vây, đánh lấn

BÀI 22 - NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC ... (1965 – 1973)

Câu 1. Sự kiện nào của quân dân ta ở miền Nam trong chiến đấu chống Mỹ đã buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh?

- A. Chiến thắng Vạn Tường.
- B. Chiến thắng Ấp Bắc.
- C. Chiến thắng Bình Giã.
- D. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

Câu 2. Trong chiến lược “chiến tranh cục bộ” đế quốc Mỹ đã sử dụng những lực lượng nào?

- A. Quân đội Sài Gòn.
- B. Quân đồng minh của Mỹ.
- C. Quân viễn chinh Mỹ, quân đội Sài Gòn và quân đồng minh của Mỹ.
- D. Quân đội Sài Gòn và quân đồng minh của Mỹ.

Câu 3. Đế quốc Mỹ đã thực hiện chiến lược chiến tranh nào trong những năm 1969 - 1973?

- A. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
- B. Chiến lược “Chiến tranh Cục bộ”.
- C. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”.
- D. chiến tranh phá hoại lần thứ nhất.

Câu 4. Nội dung nào dưới đây **không** phải là mục đích của Mỹ khi tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất?

- A. Phá tiềm lực kinh tế quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
- B. Ngăn chặn sự chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc, từ miền Bắc vào miền Nam.
- C. Buộc Việt Nam phải ký Hiệp định Pa-ri với những điều khoản có lợi cho Mỹ.
- D. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí kháng chiến chống Mỹ của nhân dân hai miền.

Câu 5. Thắng lợi nào của nhân dân ta ở miền Nam buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược?

- A. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
- B. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.**
- C. Trận “Điện biên phủ trên không” cuối 1972.
- D. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 6. Mĩ chuyển sang thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam sau thất bại nào?

- A. Trận Vạn Tường.
- B. Ở trận Ấp Bắc.
- C. Chiến lược chiến tranh đặc biệt**
- D. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 7. Lực lượng chủ yếu được Mĩ sử dụng trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là:

- A. Quân đội Sài Gòn**
- B. Quân Mĩ và Đồng minh của Mĩ
- C. Quân đồng minh và quân đội Sài Gòn
- D. Quân Sài Gòn và quân Mĩ.

Câu 8. Thủ đoạn nào **không** nằm trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ ở miền Nam?

- A. “Tìm diệt”
- B. “Bình định”
- C. Mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc
- D. Mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương**

Câu 9. Mĩ phải dựng lên sự kiện “Vịnh Bắc Bộ” (đầu tháng 8/1964) nhằm mục đích gì?

- A. Để thử sức phòng vệ của lực lượng Hải quân miền Bắc.
- B. Để mở đầu chiến tranh phá hoại miền Bắc.
- C. Để lấy cớ gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.**
- D. Để lấy cớ giải trình với quốc hội Mĩ.

Câu 10. Điều khoản nào của Hiệp định Pari có lợi cho cách mạng miền Nam?

- A. Hai bên tiến hành trao trả tù binh và dân thường bị bắt.
- B. Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
- C. Hai miền Nam Bắc Việt Nam sẽ thương lượng về việc thống nhất đất nước không có sự can thiệp của nước ngoài.

D. Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân đồng minh trong thời hạn 60 ngày kể từ khi kí Hiệp định, hủy bỏ các căn cứ quân sự của Mỹ, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Câu 11: Thắng lợi nào sau đây của quân và dân Việt Nam buộc Mỹ phải kí kết Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam?

A. Trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.

B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968.

C. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi năm 1975.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi năm 1975.

Câu 12: Ngày 6-6-1969, sự kiện lịch sử nào sau đây đánh dấu sự phát triển của cách mạng miền Nam Việt Nam?

A. Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập.

B. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam dự Hội nghị Pa-ri.

C. Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được kí kết.

D. Hội nghị cấp cao của ba nước Đông Dương được tổ chức.

Câu 13. Trong những năm (1969 – 1973), đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh nào dưới đây ở miền Nam Việt Nam?

A. Việt Nam hóa chiến tranh.

B. Chiến tranh cục bộ.

C. Chiến tranh đặc biệt.

D. Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 14. Nội dung nào dưới đây là âm mưu của Mỹ khi gây chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc lần thứ hai năm 1972?

A. Nhằm cứu nguy cho chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.

B. Nhằm cứu nguy cho chiến lược Chiến tranh đặc biệt.

C. Nhằm cứu nguy cho chiến lược Chiến tranh cục bộ.

D. Nhằm nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược.

Câu 15. Thắng lợi nào của quân và dân Việt Nam đã buộc Mỹ phải kí kết Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam?

A. Trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.

B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968.

C. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi năm 1975.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi năm 1975.

Câu 16: Âm mưu của Mỹ khi tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc lần thứ hai năm 1972 là gì?

A. Gây sức ép buộc ta phải nhượng bộ trên bàn đàm phán ngoại giao.

B. Nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh và hỏa lực với lực lượng cách mạng.

C. Gây sức ép với các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Cứu nguy cho chiến lược Chiến tranh cục bộ.

Câu 17: Nội dung nào dưới đây là nội dung của Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam?

- A. Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.
- B. Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do.
- C. Mỹ công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do.
- D. Việt Nam tạm thời bị chia cắt ở vĩ tuyến 17.

BÀI 23 - MIỀN BẮC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC.

GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973- 1975)

Câu 1: Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam được Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra và hoàn chỉnh sau khi nhận được tin thắng lợi từ chiến dịch nào?

- A. Đường 14 – Phước Long.
- B. Huế - Đà Nẵng.
- C. Tây Nguyên.
- D. Điện Biên Phủ trên không.

Câu 2: Chiến dịch nào sau đây kết thúc thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước sang một giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam?

- A. Tây Nguyên.
- B. Huế - Đà Nẵng.
- C. Hồ Chí Minh.
- D. Đường 14 – Phước Long.

Câu 3: Chiến thắng nào của quân và dân Việt Nam thắng lợi đã hoàn thành nhiệm vụ đánh cho “Ngụy nhào”?

- A. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
- B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
- C. Hiệp định Pari được kí kết năm 1973.
- D. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

Câu 4. Nội dung nào sau đây không phải là nguyên nhân chủ quan dẫn tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 - 1975?

- A. Tinh đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.
- B. Sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng.
- C. Truyền thống yêu nước của nhân dân ta.
- D. Hậu phương miền Bắc lớn mạnh đã chi viện cho miền Nam.

Câu 5. Chiến thắng nào của ta trong năm 1975, đã chuyển cách mạng miền Nam từ cuộc tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược?

- A. Chiến thắng Phước Long

- B. Chiến thắng Tây Nguyên**
- C. Chiến thắng Huế -Đà Nẵng
- D. Chiến thắng Quảng Trị

Câu 6. Khi chiến dịch Tây Nguyên đang diễn ra thì Đảng ta đã quyết định mở chiến dịch nào?

- A. Chiến dịch giải phóng Quảng Trị.
- B. Chiến dịch đường số 14 Phước Long.
- C. Chiến dịch Huế-Đà Nẵng.**
- D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 7. “Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kỹ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa 1975”. Quyết định này ra đời khi

- A. chiến dịch Huế Đà Nẵng và chiến dịch Tây Nguyên chuẩn bị bắt đầu.
- B. chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng sắp thắng lợi.
- C. chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng giành thắng lợi.**
- D. chiến dịch Hồ Chí Minh và chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi.

Câu 8. Chiến thắng nào củng cố thêm quyết tâm giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 - 1976 của Bộ Chính trị ?

- A. Chiến thắng Quảng Trị.
- B. Chiến thắng Tây Nguyên.
- C. Chiến thắng Phước Long.**
- D. Chiến thắng Đà Nẵng.

Câu 9. Thắng lợi nào của nhân dân ta đã mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội?

- A. Cách mạng tháng Tám 1945.
- B. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).
- C. Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương.
- D. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975.**

Câu 10. Chiến thắng đường số 14 Phước Long **không** khẳng định nội dung nào sau đây?

- A. Quân đội Sài Gòn đã bắt lức
- B. Sự can thiệp trở lại bằng quân sự của Mĩ rất hạn chế.
- C. Mĩ đã hoàn toàn từ bỏ chiến tranh xâm lược Việt Nam.**
- D. Sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của quân ta.

Câu 11. Nguyên nhân quyết định đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là gì?

- A. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước.
- B. Có hậu phương miền Bắc vững chắc.
- C. Có sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.**
- D. Có sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

BÀI 24 - VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC NĂM 1975

Câu 1. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.
- B. Ổn định tình hình chính trị, xã hội ở miền Nam.
- C. Thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.**
- D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

Câu 2. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất quyết định tên nước là gì?

- A. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.**
- B. Việt Nam dân chủ cộng hòa.
- C. Việt Nam Cộng hòa.
- D. Việt Nam độc lập đồng minh.

Câu 3. (NB) Sau Đại thắng mùa xuân năm 1975, tình hình cách mạng nước ta có thuận lợi nào sau đây?

- A. Nước ta đã hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- B. Nước ta hoàn thành sự nghiệp thống nhất về mặt lãnh thổ.**
- C. Nước ta hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất trên cả nước.
- D. Nước ta hoàn thành cuộc cách mạng vô sản.

Câu 4. (NB) Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 9 năm 1975 đã đề ra nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.**
- B. Thống nhất đất nước trên tất cả các lĩnh vực.
- C. Hàn gắn vết thương chiến tranh.
- D. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước.

Câu 5. (NB) Quốc hội khóa VI, nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội quyết định nội dung nào sau đây?

- A. Quyết định nhiệm vụ thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- B. Quyết định tên nước là Cộng Hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.**
- C. Quyết định Tổng tuyển cử bầu Quốc hội.
- D. Quyết định gia nhập Liên Hợp Quốc.

Câu 6. (NB) Quốc hội khóa VI, nước Việt Nam thống nhất diễn ra trong thời gian nào?

- A. Từ ngày 15/11/1975 đến ngày 21/11/1975.
- B. Từ ngày 25/4/1976 đến ngày 30/4/1976.
- C. Từ ngày 24/6/1976 đến ngày 3/7/1976.**
- D. Từ ngày 20/9/1977 đến ngày 30/9/1977.

Câu 7. Thắng lợi nào đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên CNXH và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới?

- A. Thắng lợi của việc ký Hiệp định Pa-ri 1973.
- B. Thắng lợi của đại thắng mùa Xuân 1975.
- C. Thắng lợi của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.**
- D. Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc.

Câu 8. Ngày 20 – 9 – 1977, nước ta trở thành thành viên thứ 149 của tổ chức nào?

- A. ASEAN.
- B. WTO.
- C. Liên hợp quốc.**
- D. APEC.

Câu 9. Hội nghị nào đã đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước?

- A. Hội nghị Hiệp thương chính trị tổ chức tại Sài Gòn.
- B. Hội nghị lần thứ 24 BCH TƯ Đảng (9 – 1975).**
- C. Hội nghị lần thứ 21 BCH TƯ Đảng (7 – 1973).
- D. Hội nghị TƯ lần thứ 15.

Câu 10. Sau mùa Xuân 1975, nguyện vọng tình cảm thiêng liêng của nhân dân 2 miền Nam – Bắc là gì?

- A. giải phóng hoàn toàn miền Nam.
- B. mong muốn có một chính phủ thống nhất.**
- C. tiến hành CMXHCN trên cả nước.
- D. gia nhập các tổ chức quốc tế.

Câu 11. Hãy sắp xếp sự kiện sau theo trình tự thời gian: 1. Hội nghị lần thứ 24 BCH TƯ Đảng; 2. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước; 3. Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp kỳ đầu tiên; 4. Tổng tuyển của bầu Quốc hội chung cả nước.

A. 1,3,2,4.

B. 1,2,3,4.

C. 1,2,4,3.

D. 2,1,3,4.

BÀI 25: VIỆT NAM XÂY DỰNG CNXH VÀ ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1986)

Câu 1. (NB) Trong những năm 1978 - 1979, với cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam, ta đạt kết quả nào sau đây?

A. Quét sạch quân xâm lược Pôn Pốt ra khỏi nước ta.

B. Kí hiệp định đình chiến với quân xâm lược Pôn Pốt.

C. Ta mất một số tỉnh ở Tây Nam Bộ.

D. Lực lượng quân đội hai bên phục viên tại chỗ.

Câu 2. (NB) Ngay sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, để bảo vệ lãnh thổ của Tổ quốc, Việt Nam phải đối đầu trực tiếp với những lực lượng xâm lược nào?

A. Quân xâm lược Mỹ, Pôn Pốt.

B. Tập đoàn Pôn Pốt, quân xâm lược Trung Quốc.

C. Quân xâm lược Pháp, Trung Quốc.

D. Quân xâm lược Nhật, Trung Quốc.

BÀI 26 – ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CNXH (1985 – 2000)

Câu 1. (NB) Đại hội VI (12/1986) của Đảng đã xác định “Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ” nhưng trong đó, trọng tâm là gì?

A. Đổi mới về chính trị.

B. Đổi mới về kinh tế.

C. Đổi mới về kinh tế, chính trị.

D. Đổi mới về văn hóa, xã hội.

Câu 2. (NB) Mục tiêu của Ba chương trình kinh tế: Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu được đề ra từ Đại hội Đảng nào?

A. Đại hội IV.

B. Đại hội V.

C. Đại hội VI.

D. Đại hội VII.

Câu 3. Trọng tâm đổi mới đất nước do Đại hội lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt Nam đề ra là gì?

A. Đổi mới nền kinh tế và Quốc phòng.

B. Đổi mới về kinh tế và văn hóa.

C. Đổi mới về kinh tế và chính trị.

D. Đổi mới về kinh tế và đối ngoại.

Câu 4. Chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng lần thứ VI là gì?

A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển công nghiệp và công nghiệp nhẹ.

B. Thực hiện công nghiệp hóa, điện đại hóa đưa sự nghiệp đổi mới đất nước tiến lên.

C. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

D. Khắc phục sai lầm, khuyết điểm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng đẩy mạnh cách mạng XHCN tiến lên.

Câu 5. Những mục tiêu kinh tế mà toàn Đảng, toàn dân ta thực hiện trong kế hoạch 5 năm (1986-1990) là gì?

A. Công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ.

B. Công nghiệp, nông nghiệp và kinh tế đối ngoại.

C. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

D. Lương thực, thực phẩm

Câu 6. Khó khăn, yếu kém cản trở đường lối đổi mới được xem như “giặc nội xâm” là gì?

A. Kinh tế mất cân đối, lạm phát ở mức độ cao.

B. Lao động thiếu việc làm, hiệu quả nền kinh tế thấp.

C. Đời sống của một bộ phận nhân dân khó khăn, văn hóa có những mặt xuống cấp.

D. Tình trạng tham ô, tham nhũng, chưa được chặn đứng.

BÀI 27: TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 1. Đông Dương cộng sản liên đoàn được cải tổ từ tổ chức nào ?

- A. Việt Nam cách mạng Thanh niên.
- B. Thanh niên cao vọng Đảng.
- C. Tân Việt Cách mạng Đảng.
- D. Việt Nam cách mạng đồng chí hội.

Câu 2. Tổ chức cách mạng nào dưới đây là tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam ?

- A. Hội Phục Việt.
- B. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.
- C. Việt Nam nghĩa đoàn.
- D. Việt Nam cách mạng đồng chí hội.

Câu 3. Tên gọi chung của các tổ chức quần chúng trong mặt trận Việt Minh ?

- A. Hội Độc lập.
- B. Hội giải phóng.
- C. Hội cứu quốc.
- D. Hội tự do.

Câu 4. Điền thêm thông tin còn thiếu trong câu nói của Hồ Chí Minh: "dù hy sinh tới đâu, dù đốt cháy cả cũng phải quyết tâm giành cho được ..."

- A. Dãy Trường Sơn, tự do.
- B. Dãy Hoàng Sơn, độc lập.
- C. Dãy Trường Sơn, độc lập.
- D. Dãy Hoàng Sơn, độc lập.

Câu 5. Hình thái vận động chủ yếu của cách mạng tháng Tám 1945 ?

- A. Giành chính quyền ở thành thị trước, sau đó giành chính quyền ở nông thôn.
- B. Giành chính quyền ở nông thôn và thành thị diễn ra đồng thời.
- C. Giành chính quyền ở thành thị thắng lợi đó làm cho hệ thống chính quyền ở nông thôn tự tan rã.
- D. Giành chính quyền ở nông thôn thắng lợi đó tạo đà tiến lên giành chính quyền ở thành thị nhanh chóng, ít tổn thất.

Xem thêm:

- [Bộ đề thi thử THPT QG 2020 môn Lịch sử](#)
- [Đề thi tham khảo THPTQG 2020 môn Lịch sử](#)

Câu 6. Đảng ta đã nhận định, khoảng thời gian nào là "thời cơ chín muồi" cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền bùng nổ và thắng lợi ?

- A. Từ khi Nhật đảo chính Pháp đến khi Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng Minh.
- B. Từ khi Nhật đảo chính Pháp cho đến khi quân Đồng minh tiến vào nước ta.

C. Từ khi Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh cho đến khi quân đội Đồng minh hoàn thành nhiệm vụ giải giáp phát xít.

D. Từ khi Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh cho đến trước khi quân Đồng minh tiến vào nước ta.

Câu 7. Chủ trương giải quyết vấn đề độc lập dân tộc trong phạm vi mỗi nước ở Đông Dương được đưa ra tại hội nghị nào ?

A. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11/1939 .

B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 2/1941 .

C. Hội nghị hợp nhất 3 tổ chức Cộng sản 2/1930.

D. Hội nghị toàn quốc của Đảng.

Câu 8. Tính chất của cuộc cách mạng tháng Tám 1945?

A. Tính chất dân tộc.

B. Tính chất dân chủ.

C. Tính chất dân chủ tư sản.

D. Tính chất dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 9. Hình thức đấu tranh mới xuất hiện trong phong trào cách mạng 1936 – 1939?

A. Đấu tranh báo chí, bút chiến trên diễn đàn văn học - nghệ thuật.

B. Đấu tranh trên nghị trường.

C. Đấu tranh chính trị kết hợp vũ trang tự vệ.

D. Bãi công kết hợp với lãn công.

Câu 10. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 – 1954 ?

A. Kháng chiến chống Pháp xâm lược.

B. Đấu tranh chống phong kiến phản động.

C. Kháng chiến chống Pháp xâm lược và bọn phản động tay sai bán nước.

D. Kháng chiến chống xâm lược và xây dựng đất nước.

Câu 11. Chiến lược " Việt Nam hóa chiến tranh" của Mĩ ở miền Nam phá sản hoàn toàn khi nào ?

A. 1972 – ta tiến hành cuộc tiến công chiến lược ở Quảng Trị.

B. 1973 – ta và Mĩ ký Hiệp định Pari.

C. 1974 – Miền Bắc hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh phá hoại lần 2

D. 1975 – Ta hoàn thành giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Câu 12. Giai đoạn nào của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 -1954) được gọi là cuộc chiến vòng vây ?

A. Từ 1945 đến 1951

B. Từ 1945 đến 1950

C. Từ 1946 đến 1951

D. Từ 1946 đến 1950

Câu 13. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" bước đầu bị phá sản khi nào ?

- A. 1970 – quân đội Việt Nam phối hợp với quân dân Cam – pu – chia đập tan cuộc hành quân của 10 vạn quân Mĩ và quân Sài Gòn.
- B. 1971 – ta đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 của Mĩ - ngụy.
- C. 1972 – ta tiến hành cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền Nam với hai hướng chính là Quảng Trị và Tây Nguyên.
- D. 1973 – Ta và Mĩ ký hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Câu 14. Vì sao nói cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của dân tộc ta là 1 cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc mang tính thời đại sâu sắc?

- A . Vì đây là cuộc chiến tranh giữa một dân tộc nhỏ yếu với một siêu cường số 1 thế giới.
- B. Vì đây là cuộc chiến đấu vì 4 mục tiêu của thời đại: Hoà bình - độc lập dân tộc - dân chủ và tiến bộ xã hội.
- C. Vì đây là cuộc chiến tranh ý thức hệ.
- D. Vì Việt Nam là nơi tập trung mâu thuẫn cơ bản của thế giới, nơi trung tâm đối phó của chiến lược toàn cầu của Mĩ.

Câu 15. Tính chất của cuộc kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954?

- A. Tính chính nghĩa
- B. Tính chất giải phóng
- C. Tính chất bảo vệ Tổ quốc
- D. Tất cả các ý trên

Câu 16. Trong kháng chiến chống Mĩ, vùng đất nào là tiền phương của miền Bắc, hậu phương trực tiếp của miền Nam?

- A. Quảng Trị - Quảng Bình
- B. Quảng Bình
- C. Vĩnh Linh - Quảng Bình
- D. Quảng Trị

Câu 17. Điểm giống nhau về nội dung của Hiệp định Giơ-ne-vơ và Hiệp định Pari?

- A. Cả hai đều quy định việc tập kết, chuyển quân giữa hai bên tham gia chiến tranh.
- B. Cả hai đều khẳng định Việt Nam sẽ thống nhất đất nước bằng cuộc Tổng tuyển cử tự do.
- C. Cả hai đều đưa đến việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.
- D. Cả hai đều quy định việc rút quân của quân đội các nước để quốc xâm lược trong vòng 2 năm.

Câu 18. Điền thêm thông tin còn thiếu trong nhận định sau: “Từ năm 1954 - 1975 cách mạng miền Nam đã trải qua ... thời kì, lần lượt đánh bại .. chiến lược chiến tranh của Mĩ ?

- A. 5; 5;
- B. 4; 3

C. 5; 4

D. 4; 4

Câu 19. Điền thêm thông tin còn thiếu trong nhận định sau: “Từ 1954 - 1975, đất nước ta tạm thời chia thành ... , đồng thời tiến hành ... cách mạng, dưới sự lãnh đạo của ... thống nhất”

A. 2 miền; 1 chiến lược; 1 Đảng

B. 2 miền; 2 chiến lược; 1 Chính phủ

C. 2 miền; 2 chiến lược; 1 Đảng

D. 2 miền; 1 chiến lược; 1 Chính phủ

Câu 20. Trong quá trình kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975), Đảng ta đã tiến hành mấy kì Đại hội Đảng ?

A. 2

B. 3

C. 1

D. 4

Câu 21. Vì sao nói đổi mới đất nước là một tất yếu khách quan?

A. Đổi mới là yêu cầu thường xuyên của cách mạng.

B. Đất nước ta đang lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng.

C. Tình hình thế giới có nhiều chuyển biến lớn, đặc biệt là cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật đó có tác động sâu sắc đến mọi quốc gia trên thế giới.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 22. Đường lối đổi mới đất nước được đưa ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ mấy của Đảng?

A. Đại hội IV

B. Đại hội V

C. Đại hội VI

D. Đại hội VI

Câu 23. Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam là đại hội của:

A. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. Xây dựng và phát triển kinh tế.

C. Công cuộc đổi mới đất nước.

D. Xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Câu 24. Mục tiêu của Ba chương trình kinh tế: lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, được đề ra trong Đại hội nào của Đảng?

A Đại hội IV.

B. Đại hội V.

C. Đại hội VI.

D. Đại hội VII.

Câu 25. Chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng lần VI là gì?

- A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
- B. Thực hiện công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.
- C. Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường.
- D. Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Câu 26. Điền những từ thích hợp vào câu sau đây: Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là:

- A. Làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.
- B. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.
- C. Làm cho mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện.
- D. Làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.

Câu 27. Trong những thành tựu quan trọng bước đầu của công cuộc đổi mới, thành tựu nào quan trọng nhất?

- A. Thực hiện được Ba chương trình kinh tế.
- B. Phát triển kinh tế đối ngoại.
- C. Kiểm chế được lạm phát.
- D. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Câu 28. Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn cả nước tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện

- A. Đất nước đã hoà bình.
- B. Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng.
- C. Đất nước độc lập, thống nhất.
- D. Miền Bắc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Câu 29. Từ sau 30 - 4 - 1975, để bảo vệ an toàn lãnh thổ của Tổ quốc, Việt Nam phải đối đầu trực tiếp với những lực lượng nào?

- A. Quân xâm lược Mỹ.
- B. Tập đoàn Pôn Pốt (Campuchia).
- C. Cuộc tiến công biên giới phía Bắc của Trung Quốc.
- D. Câu B và C đúng.

Câu 30. Hoàn cảnh nào đưa đến việc Đảng ta phải thực hiện đường lối đổi mới?

- A. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng.
- B. Do những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.
- C. Những thay đổi của tình hình thế giới, nhất là trước sự khủng hoảng ngày càng trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 31. Đường lối đổi mới của Đảng được điều chỉnh, bổ sung, phát triển tại các kỳ Đại hội nào của Đảng?

- A. Đại hội IV; Đại hội V; Đại hội VI.
- B. Đại hội V; Đại hội VI; Đại hội VII.
- C. Đại hội VI; Đại hội VII; Đại hội VIII.
- D. Đại hội VII; Đại hội VIII; Đại hội IX.

Câu 32. Đường lối đổi mới của Đảng được hiểu như thế nào là đúng?

- A. Đổi mới là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa.
- B. Đổi mới không phải thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa.
- C. Mục tiêu xã hội chủ nghĩa được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.
- D. B và c đúng.

Câu 33. Đại hội lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt Nam họp từ trong khoảng thời gian

- A. Từ 15 đến 18 - 12 - 1985
- B. Từ 10 đến 18 - 12 - 1985
- C. Từ 15 đến 18-12-1986
- D. Từ 20 đến 25-12-1986

Câu 34. Quan điểm đổi mới của Đảng ta tại Đại hội Đảng VI.

- A. Đổi mới về kinh tế.
- B. Đổi mới về chính trị.
- C. Đổi mới về văn hoá.
- D. Đổi mới về kinh tế- xã hội.

Câu 35. Đại hội Đảng VI đã xác định quan điểm đổi mới với Đảng Cộng sản Việt Nam là đổi mới toàn diện và đồng bộ. Nhưng quan trọng nhất là gì ?

- A. Đổi mới về chính trị.
- B. Đổi mới về kinh tế và chính trị.
- C. Đổi mới về kinh tế.
- D. Đổi mới về văn hoá.

Câu 36. Chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng lần VI là:

- A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
- B. Thực hiện công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.
- C. Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường.
- D. Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Câu 37. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà

- A. Làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.
- B. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện một cách có hiệu quả.
- C. Làm cho mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện.
- D. Làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.

Câu 38. Trong những thành tựu quan trọng bước đầu của công cuộc đổi mới, thành tựu nào quan trọng nhất?

- A. Thực hiện được 3 chương trình kinh tế.
- B. Phát triển kinh tế đối ngoại.
- C. Kiểm chế được lạm phát.
- D. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Câu 39. Mục tiêu của 3 chương trình kinh tế của kế hoạch 5 năm (1986- 1990) lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, được đề ra trong:

- A. Đại hội Đảng lần IV.
- B. Đại hội Đảng lần V.
- C. Đại hội Đảng lần VI.
- D. Đại hội Đảng lần VII.

Câu 40. Trong số 3 chương trình kinh tế của Kế hoạch 5 năm (1986 – 1990), chương trình nào phải được đưa lên hàng đầu?

- A. Lương thực, thực phẩm.
- B. Hàng xuất khẩu.
- C. Hàng tiêu dùng.
- D. Câu A và B đúng.

Câu 41. Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp làm cho xã hội Việt Nam có những mâu thuẫn cơ bản nào?

- A. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp; mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với bọn địa chủ phong kiến.
- B. Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp.
- C. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và nông dân Việt Nam với thực dân Pháp.
- D. Mâu thuẫn giữa công nhân Việt Nam đế quốc Pháp.

Câu 42. So với phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm 1919 - 1925 thì phong trào thì phong trào công nhân trong những năm 1926 – 1929 có những điểm nào tiến bộ ?

- A. Đấu tranh đòi tăng lương giảm giờ làm.
- B. Đấu tranh đòi nghỉ ngày chủ nhật có lương.
- C. Đấu tranh đòi tất cả các quyền lợi về kinh tế.
- D. Đấu tranh đòi quyền lợi về kinh tế kết hợp đòi quyền lợi về chính trị.

Câu 43. Trong những năm 1919 – 1925, có sự kiện lịch sử tiêu biểu nào gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ?

- A. Nguyễn Ái Quốc tìm đến cách mạng tháng 10 Nga.
- B. Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác Lênin tìm con đường cứu nước đúng đắn.
- C. Nguyễn Ái Quốc đưa ra yêu sách đến Hội nghị Vecsai.
- D. Nguyễn Ái Quốc thành lập hội Liên hiệp thuộc địa.

Câu 44. Đông Dương cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng ra đời từ các tổ chức chính trị nào ?

- A. Việt Nam quốc dân đảng.
- B. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.
- C. Tân Việt cách mạng Đảng.
- D. Cả 3 tổ chức trên.

Câu 45. Sự kiện nào dưới đây gắn liền với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô ?

- A. Tham dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế cộng sản.
- B. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.
- C. Thành lập Hội liên hiệp thuộc địa.
- D. Viết "Bản án chế độ thực dân Pháp".

Câu 46. Công lao đầu tiên to lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1911 – 1920 là gì ?

- A. Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.
- B. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.
- C. Hợp nhất ba tổ chức cộng sản.
- D. Khởi thảo cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam.

Câu 47. Chọn câu đúng để điền vào chỗ trống câu sau đây: "Muốn cứu nước, muốn giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác".

- A. Con đường Cách mạng tháng Mười Nga.
- B. Con đường cách mạng dân chủ tư sản.
- C. Con đường cách mạng vô sản.
- D. Con đường cách mạng thuộc địa.

Câu 48. Trong các sự kiện sau đây, sự kiện nào có liên hệ trực tiếp đến việc Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp.
- B. Nguyễn Ái Quốc viết Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.
- C. Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị ba tổ chức cộng sản.
- D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 49. Nội dung nào dưới đây không thuộc Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.
- B. Cách mạng Việt Nam phải trải qua 2 giai đoạn: Cách mạng tư sản dân quyền và Cách mạng Xã hội chủ nghĩa.
- C. Lực lượng cách mạng Việt Nam là công nhân và nông dân.
- D. Vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Câu 50. Vấn đề khác nhau giữa Cương lĩnh chính trị và Luận cương chính trị tháng 10 - 1930 là gì?

- A. Về con đường cách mạng Việt Nam.
- B. Về nhiệm vụ và lực lượng cách mạng Việt Nam.
- C. Về vị trí của cách mạng Việt Nam.
- D. Câu A và B đều đúng.

Câu 51. Các tổ chức chính trị sau đây, tổ chức nào theo khuynh hướng vô sản?

- A. Hội Phục Việt.
- B. Việt Nam Quốc dân đảng.
- C. Đảng Lập hiến.
- D. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.

Câu 52. Vì sao cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng vô sản?

- A. Đường lối cứu nước của giai cấp phong kiến và tư sản đã lỗi thời, lạc hậu.
- B. Giai cấp vô sản đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến.
- C. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.
- D. Câu A và B đúng.

Câu 53. Tác phẩm nào của Nguyễn Ái Quốc nêu rõ mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng chính quốc?

- A. "Người cùng khổ"
- B. "Bản án chế độ thực dân Pháp"
- C. "Đường Kách mệnh"
- D. Tất cả các tác phẩm trên

Câu 54. Điểm nổi bật nhất của phong trào cách mạng 1930-1931 là gì?

- A. Vai trò lãnh đạo của Đảng và thực hiện liên minh công - nông.
- B. Tập hợp đông đảo quần chúng thành lập đội quân chính trị.
- C. Đảng kiên định trong đấu tranh.
- D. Tất cả cùng đúng.

Câu 55. Hạn chế về lực lượng cách mạng mà Luận cương chính trị tháng 10 - 1930 đã nêu ra được sửa chữa trong thời kì cách mạng:

- A. 1930 - 1931.
- B. 1932 - 1935.
- C. 1936 - 1939.
- D. 1939 - 1945.

Câu 56. Tính chất cách mạng triệt để của phong trào cách mạng 1930 - 1931 được thể hiện như thế nào?

- A. Phong trào thực hiện sự liên minh công - nông vững chắc.
- B. Phong trào đấu tranh liên tục từ Bắc đến Nam.
- C. Phong trào đã giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân, phong kiến.

D. Phong trào đã sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa, đã giành được chính quyền ở một số địa phương thuộc Nghệ - Tĩnh và thành lập chính quyền cách mạng Xô Viết Nghệ - Tĩnh.

Câu 57. Điểm hạn chế về nhiệm vụ cách mạng của Luận cương chính trị tháng 10 - 1930 được sửa chữa trong thời kì nào?

A. 1930 - 1931.

B. 1936 - 1939.

C. 1939 - 1941.

D. 1941 - 1945.

Câu 58. So với thời kì 1930 - 1931, kẻ thù trong thời kì cách mạng 1936 - 1939 chủ yếu, trước mắt là bọn nào?

A. Thực dân Pháp và phong kiến tay sai.

B. Thực dân Pháp và phát xít Nhật.

C. Thực dân Pháp là kẻ thù chủ yếu, trước mắt.

D. Bọn phản động thuộc địa Pháp và tay sai của chúng.

Câu 59. Công tác mặt trận được xây dựng trong thời kì cách mạng 1930 - 1931 gọi tên là gì?

A. Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương.

B. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

C. Hội phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 60. Trong các mặt trận sau đây, mặt trận nào thực hiện vai trò tập hợp quần chúng đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ?

A. Mặt trận Việt Minh.

B. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

C. Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

D. Tất cả các mặt trận trên.

Câu 61. Mục tiêu đấu tranh trong thời kì cách mạng 1930 - 1931 là

A. Chống đế quốc và phong kiến đòi độc lập dân tộc và ruộng đất dân cày.

B. Chống bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình.

C. Chống đế quốc và phát xít Pháp - Nhật đòi độc lập cho dân tộc.

D. Chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình.

Câu 62. Mục tiêu đấu tranh trong thời kì cách mạng 1936 - 1939 là gì?

A. Giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

B. Đòi các quyền tự do dân chủ.

C. Giải phóng dân tộc là mục tiêu hàng đầu.

D. Tất cả các mục tiêu trên.

Câu 63. Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách hơn bao giờ hết. Đó là nhiệm vụ cách mạng trong thời kì nào?

- A. 1930 - 1931.
- B. 1936 - 1939.
- C. 1939- 1941.
- D. 1941 - 1945.

Câu 64. Mặt trận Việt Minh ra đời trong sự kiện lịch sử nào dưới đây?

- A. Hội nghị lần thứ 6 của Đảng (11 - 1939).
- B. Hội nghị toàn quốc của Đảng (13 đến 15 - 8 - 1945).
- C. Đại hội quốc dân Tân Trào - Tuyên Quang (16 đến 18 - 8 - 1945).
- D. Hội nghị lần thứ 8 của Đảng (10 đến 19-5-1941).

Câu 65. Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" được Đảng ta đề ra trong thời điểm lịch sử nào?

- A. Đêm 09 - 3 - 1945.
- B. Ngày 12 - 3 - 1945.
- C. Ngày 14 - 8 - 1945.
- D. Ngày 19- 8 - 1945.

Câu 66. Thời cơ trong Cách mạng tháng Tám được xác định vào thời điểm lịch sử nào?

- A. 09- 3 - 1945.
- B. 12 - 8 - 1945.
- C. 15 - 8 - 1945.
- D. 16 - 8 - 1945.

Câu 67. Sự kiện nào trong Chiến tranh thế giới thứ hai có tác động tạo thời cơ khách quan thuận lợi cho Cách mạng tháng Tám giành chính quyền nhanh chóng và ít đổ máu?

- A. 19 - 5 - 1945, Hồng quân Liên Xô đánh bại phát xít Đức.
- B. 08 - 8 - 1945, Hồng quân Liên Xô đánh bại một triệu quân Quan Đông Nhật.
- C. 14 - 8 - 1945, phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại.
- D. 15 - 8 - 1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

Câu 68. Sự kiện lịch sử nào dưới đây nằm trong Cao trào kháng Nhật cứu nước?

- A. Khởi nghĩa Ba Tơ (11 - 3 - 1945)
- B. Phả kho thóc Nhật để giải quyết nạn đói.
- C. Khởi nghĩa Nam Kỳ (23 - 11 - 1940).
- D. Câu A và B đúng.

Câu 69. Ngày 30 - 8 - 1945 ghi dấu sự kiện lịch sử nào trong Cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Cách mạng tháng Tám thành công trong cả nước.
- B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn.

C. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.

D. Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi ở Hà Nội.

Câu 70. Nguyên nhân quyết định nhất của thắng lợi Cách mạng tháng Tám là:

A. Phát xít Nhật bị Đồng Minh đánh bại.

B. Sự lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương đứng đầu là Hồ Chủ tịch.

C. Dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước chống ngoại xâm.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 71. Tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được khai sinh trong thời điểm lịch sử nào?

A. Trong Hội nghị toàn quốc (13 đến 15 - 8 - 1945).

B. Trong khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội.

C. Trong Đại hội Quốc dân Tân Trào (16 đến 18 - 8 - 1945).

D. Trong Tuyên ngôn độc lập (2 - 9 - 1945).

Câu 72. Nội dung nào dưới đây khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc ta trên phương diện pháp lí và thực tiễn?

A. Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của thực Pháp hơn 80 năm nay... dân tộc đó phải được tự do, dân tộc đó phải được độc lập.

B. Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập và thật sự đã trở thành một nước tự do, độc lập.

C. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

D. Tất cả các nội dung trên.

Câu 73. "Hỡi quốc dân đồng bào! Phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh quân Nhật đã bị tan rã tại khắp các mặt trận, kẻ thù chúng ta đã ngã gục..." Câu nói đó thể hiện điều gì trong Cách mạng tháng Tám.

A. Thời cơ khách quan thuận lợi.

B. Thời cơ chủ quan thuận lợi.

C. Cách mạng tháng Tám đã thành công.

D. Thời kì tiền khởi nghĩa đã bắt đầu.

Câu 74. Âm mưu " đánh nhanh, thắng nhanh" của Pháp bị thất bại hoàn toàn bởi chiến thắng nào của ta?

A. Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947.

B. Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950.

C. Chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 75. Phái đoàn của ta do Phó thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị Giơ-ne-vơ vào ngày:

A. 26-4-1954

B. 7-5-1954

C. 8-5-1954

D. 21-7-1954

Câu 76. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà là một quốc gia tự do. Đó là nội dung cơ bản của:

- A. Hiệp định Giơ-ne-vơ (21 - 7 - 1954).
- B. Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946).
- C. Tạm ước 14 - 9 - 1946.
- D. Cả ba văn kiện trên.

Câu 77. Tướng nào của Pháp thực hiện kế hoạch đánh lên Việt Bắc lần thứ hai?

- A. Bô-la-éc.
- B. Rơ-ve.
- C. Đờ-Lát-dơ-Tát-xi-nhi.
- D. Đắc-giăng-liơ.

Câu 78. Với chiến thắng trong phong trào của quân dân miền Nam đã làm phá sản chiến lược chiến tranh nào của Mỹ ?

- A. "Chiến tranh đơn phương".
- B. "Chiến tranh đặc biệt".
- C. "Chiến tranh cục bộ".
- D. "Việt Nam hoá" chiến tranh.

Câu 79. Để thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mỹ đã sử dụng lực lượng nào là chủ yếu?

- A. Lực lượng quân đội Sài Gòn.
- B. Lực lượng quân viễn chinh Mỹ.
- C. Lực lượng quân Mỹ và đồng minh.
- D. Tất cả các lực lượng trên.

Câu 80. Chiến thắng Bình Giã (12 - 1964) đã góp phần làm phá sản chiến lược chiến tranh nào của Mỹ?

- A. "Chiến tranh đơn phương"
- B. "Chiến tranh đặc biệt"
- C. "Chiến tranh cục bộ"
- D. "Việt Nam hóa" chiến tranh

Câu 81. Đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất vào khoảng thời gian

- A. 1960 - 1964.
- B. 1965 - 1968.
- C. 1969 - 1973.
- D. 1965 - 1969.

Câu 82. Loại hình chiến tranh nào ở Việt Nam được tiến hành bởi hai đời tổng thống Mỹ?

- A. "Chiến tranh đơn phương".

- B. "Chiến tranh đặc biệt".
- C. "Chiến tranh cục bộ".
- D. "Việt Nam hoá" chiến tranh.

Câu 83. Tổng thống nào của Mỹ gắn với sự sụp đổ của chính quyền bù nhìn Ngô Đình Diệm ?

- A. Ken nơ đi.
- B. Giôn xơn.
- C. Ních xơn.
- D. Các-tơ.

Câu 84. Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm vào thời gian nào? Ở đâu?

- A. 11 - 5 - 1963. Ở Hà Nội.
- B. 11 - 7 - 1963. Ở Huế.
- C. 11 - 6- 1963. Ở Sài Gòn.
- D. 1 - 11 - 1963. Ở Đà Nẵng.

Câu 85. Chiến thắng lớn nhất thể hiện tinh đoàn kết keo sơn chiến đấu của nhân dân Việt - Lào trong những năm 1969 - 1972 là:

- A. Chiến thắng tại cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, Lào.
- B Chiến thắng trong việc đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719, tại đường 9 - Nam Lào.
- C. Chiến thắng ở Thà Khẹt.
- D. Chiến dịch giải phóng Cao nguyên Boloven

Câu 86. Quá trình diễn biến của Hội nghị Pa-ri gắn với đời tổng thống nào của Mỹ?

- A. Ken nơ đi, Ních xơn.
- B. Giôn xơn, Ních xơn.
- C. Ních xơn, Pho.
- D. Giôn xơn, Ních xơn, Pho.

Câu 87. Hội nghị Pa-ri diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. 5 - 1968 đến 27 - 1 - 1973.
- B. Cuối năm 1969 đến đầu 1973.
- C. 12 - 1972 đến 27 - 1 - 1973.
- D. 1970 đến 1973.

Câu 88. Để ép ta nhân nhượng, kí một hiệp định do Mỹ soạn ra, Ních xơn đã cho máy bay B52 đánh vào những địa danh nào trong 12 ngày đêm cuối năm 1972?

- A. Hà Nội, Nam Định.
- B. Hà Nội, Hải Phòng.
- C. Hà Nội, Thanh Hoá.
- D. Nghệ An, Hà Tĩnh.

Câu 89. Chiến thắng nào của ta trong năm 1975 đã chuyển cách mạng miền Nam từ cuộc tiến công chiến lược sang Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam?

- A. Chiến thắng Phước Long.
- B. Chiến thắng Tây Nguyên.
- C. Chiến thắng ở Huế - Đà Nẵng.
- D. Chiến thắng Quảng Trị.

Câu 90. "Phải tập trung nhanh nhất binh khí kỹ thuật để giải phóng miền Nam trước mùa mưa". Chủ trương này ra đời trong thời điểm lịch sử nào?

- A. Sau khi chiến dịch Tây Nguyên kết thúc.
- B. Khi chiến dịch Huế - Đà Nẵng đang sôi động.
- C. Ta chuẩn bị mở chiến dịch Hồ Chí Minh.
- D. Khi chiến dịch Hồ Chí Minh đang tiếp diễn.

Câu 91. Thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã kết thúc bao nhiêu năm chiến tranh giải phóng dân tộc?

- A. 21 năm.
- B. 30 năm.
- C. 15 năm.
- D. 20 năm.

Câu 92. Ngày 20 – 9 - 1977, diễn ra sự kiện gì gắn với nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáng ghi nhớ ?

- A. Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.
- B. Việt Nam hoàn thành công cuộc cải tạo Xã hội chủ nghĩa.
- C. Việt Nam gia nhập khối ASEAN.
- D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 93. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua trong thời điểm nào?

- A. Năm 1946.
- B. Năm 1959.
- C. Năm 1979.
- D. Năm 1980.

Câu 94. Ngày 7 – 11 - 2007, diễn ra sự kiện gì gắn với sự phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam ?

- A. Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.
- B. Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của WTO.
- C. Việt Nam gia nhập khối ASEAN.
- D. Tất cả các sự kiện trên.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM SỬ 12 BÀI 27

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đ
1	C	26	B	51	D	76	

2	B	27	D	52	D	77	
3	C	28	C	53	C	78	
4	C	29	D	54	A	79	
5	B	30	D	55	C	80	
6	D	31	D	56	D	81	
7	B	32	D	57	B	82	
8	D	33	C	58	D	83	
9	B	34	D	59	C	84	
10	C	35	C	60	B	85	
11	B	36	D	61	A	86	
12	D	37	B	62	B	87	
13	C	38	D	63	D	88	
14	D	39	C	64	D	89	
15	D	40	A	65	B	90	
16	C	41	A	66	C	91	
17	C	42	D	67	D	92	
18	C	43	B	68	D	93	
19	C	44	B	69	C	94	
20	A	45	A	70	B	95	
21	D	46	A	71	D	96	
22	C	47	C	72	B	97	
23	C	48	B	73	A	98	
24	C	49	B	74	A	99	
25	D	50	B	75	C	100	

